

tân phong

bảo sơn
chủ trương

nhất linh
linh bảo
nguyễn thị vinh
duy lam
tường hùng
doãn quốc sỹ
nhật tiến
đỗ phương khanh
phạm lệ oanh
bàng bá lân
bùi khánh đàn
vũ hoàng chương
hư chu
trương quốc ngh
phan lạc huyền
thế uyên



MỤC LỤC

TRANG

Câu chuyện nghệ thuật. của Trương-cam-Khải	3
Lá thư Ba Lê của Linh-Bảo	9
Nghe chuyện Thủy hoàng thơ của Thạch-Ẩn	14
Đỉnh gió hú bản dịch của Nhất-Linh	15
Em vẫn là mây thơ của Vũ-Hoàng-Chương	25
Con Kiến truyện ngắn của Hoài-Thu	27
Nỗi buồn đã thú thơ của Phan-lạc-Tuyên	32
Trương Chi kịch thơ của Minh-Đức	35
Giọt nắng truyện ngắn của Doãn-Dân	49
Những thói quen và tật lạ của danh nhân . Quốc-Long	57
Cầu Tre. thơ của Trịnh-quang-Phú	59
Vũ Nhự biên khảo của Phan-vọng-Húc	60
Thềm Hoang truyện dài của Nhật-Tiến	64
Một mình trong đêm vắng thơ của Hoàng-Anh	72
Khu rừng lau truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ	73
Ba Khóa truyện ngắn của Thu-Vân	79
Một giấc mơ thơ của Đan-Thanh	88
Cố nghệ sĩ Nguyễn đình Nghi. . . của Vũ-huy-Chấn	89
Độc giả xa gần	93

PHƯỢNG - GIANG

KHÁI-HƯNG

- Băn khoăn
- Dọc đường gió bụi
- Đẹp
- Đội Mũ Lềch
- Đội Chờ
- Gia-Đình
- Hạnh
- Hồn Bướm Mơ Tiên
- Những Ngày Vui
- Nửa Chừng Xuân
- Thoát Ly
- Thừa Tự
- Tiêu Sơn Tráng Sỹ
- Trống Mái

NHẤT-LINH và KHÁI-HƯNG

- Anh Phải Sống
- Đời Mưa Gió
- Gánh Hàng Hoa

NHẤT-LINH

- Nắng Thu
- Đoạn Tuyệt
- Thế rồi một buổi chiều
- Hai buổi chiều vàng
- Lạnh Lùng
- Đôi Bạn
- Bướm Trắng
- Đi Tây

THẠCH-LAM

- Gió Đầu Mùa
- Nắng Trong Vườn
- Ngày Mới
- Hà-Nội 36 phố phường
- Sợi Tóc

THẾ-LỮ

- Gói thuốc lá
- Vàng và Máu
- Trại Bồ Tùng Linh
- Mai-Hương và Lê-Phong

ĐỖ-ĐỨC-THU

- Đứa con

NGUYỄN-THỊ-VINH

- Hai chị em
- Thương Yêu
- Xóm Nghèo

ĐỖ-TỔN

- Hoa Vòng vang

TƯỜNG-HÙNG

- Gió Mát

TÚ-MỠ

- Giòng Nước Ngược

LINE-BẢO

- Gió Bắc

BẢO-SƠN dịch

- Tình nghĩa vợ chồng
của Tolstoi,
- Con nai tơ
của M.K. Rawlings.

VĨNH-SƠN-LANG

- Chiếc lá cuối cùng

tân phong

do BẢO-SON chủ-trương

với sự cộng-tác của :

- | | | | |
|-------------------|-------------------|--------------|-------------------|
| — Nguyễn-thị-Vinh | — Đỗ-Phương-Khanh | — Trúc-Lâm | — Vũ-hoàng-Chương |
| — Linh-Bảo | — Phạm-Lệ-Oanh | — Thạch-Anna | — Bàng-bá-Lân |
| — Duy-Lam | — Văn-Đặng | — Hu-Chu | — Cung-Trâm-Tướng |
| — Tường-Hùng | — Vũ-huy-Chấn | — Linh-Vũ | — Phan-lạc-Tuyên |
| — Nhật-Tiến | — Đặng-phi-Bằng | — Thế-Uyên | — Doãn-Dân |
| — Tô-Hoàng | — Doãn-quốc-Sỹ | — Liêu-Dương | — |

Ngỵ Cao Uyên minh họa — Tô-Hoàng trình bày

Địa-chỉ Tòa-soạn :

193. đường Gia-Long Saigon — Đ. T: Saigon 270

trước vui thích sau ích lợi

CÂU CHUYỆN NGHỆ THUẬT

THỬ TÌM ĐIỂM < CỤ LY > GIỮA NGHỆ THUẬT VỚI THỰC TẾ NHÂN SINH

(Quốc-Nghi Trương-cam-Khải
viết theo ý C.Q. Tiền tiên-sinh)

(Tiếp theo)

DƯ ĐỊA LƯU MINH NGUYỆT
CAO TƯỜNG NGẠI VIỄN SƠN.

Phần nhiều người ta bị bức về những nhu yếu của sinh hoạt thực tế rồi chỉ nhìn nhận quá rõ về phần lợi với hại, nên không thể đứng ở cái độ chừng xa vừa tầm để nhìn nhận nhân-sinh thể-tướng. Vì vậy mà đối với cái thể-giới phong-phú mỹ-lệ của nghệ thuật, thì ngoài cá phần công-dụng doanh-cầu về âm, thực, nam, nữ ra, họ không còn thấy có ý nghĩa gì cao đẹp khác nữa. Họ trông thấy trái dưa hấu thì ngh ngay đến việc bỏ ra ăn, — cũng như thoáng thấy « bóng hồng » thì nổi ngay tình dục lên. Họ hoàn-toàn là nô-lệ cho dục-tính...

Một bác nông-dân nhà gần bờ biển, được người ta cứ khen lớn cái cảnh trời biển ở phía trước cửa nhà bác. Bác có ý hơi ngượng, quay lại chỉ tay về phía mảnh vườn sau nhà mà phân trần : « Trước

cửa nhà tôi tuy chẳng có gì đáng kể, nhưng vườn rau của tôi ở sau nhà thực là nhất vùng này». Nhiều người không biết cái bình-phóng đời Khang-Hi kia là đẹp, là quý, nên họ chỉ muốn có cái bình-phóng bằng đồng mạ kền, vừa khỏi lo vỡ lại vừa sạch sẽ, dễ rửa. Những người đó đều là không thể giữ được một « cái mức độ cách xa » vừa tầm giữa vấn đề nghệ thuật, giữa cái đẹp với ý niệm về nhân-sinh thực-tế.

Nhớ lại câu chuyện lý-thú trong làng nho thời Pháp thuộc. Một ông nọ, quá ngán cái cảnh « *quan hề, quan nhọ* » nên vừa ra xuất chính ít lâu thì cáo-bệnh về nghỉ. Ông sửa một mảnh vườn rộng, dựng một jều thơ nhỏ nhỏ, cửa chẳng cần song, vườn không rào giậu, thực hết như câu thơ của Yên-Đồ :

« *Song thừa đề mặc ánh trăng vào* »

Một bữa có ông khách ở tỉnh về thăm. Ông khách có chủ ý là dụ dỗ ông này lại ra làm quan. Nhân coi ngắm mảnh vườn thừa thớt có vài bụi trúc với mấy gốc mai, khách khuyên chủ nhân nên trồng rõ nhiều cây ăn trái; thì mới có lợi và khuyên nên xây tường xung quanh hoặc rào giậu cho kín, chớ để vườn rộng phí đất. Chủ nhân hiểu ý khách sắp sửa nói dần đến việc dụ mình ra làm quan rồi đây, nên chỉ mỉm cười không trả lời. Nhân trên bàn sẵn bút mực, chủ nhân vén tay áo lên, chấm bút vào mực rồi đi ra trước cửa, vung tay viết lên hai bên vách phía ngoài cửa sô đôi câu đối rằng :

du địa lưu minh nguyệt

cao tường ngại viễn sơn.

(*vườn rộng lưu trăng sáng*)

(*tường cao khuất núi xa*)

Khách đọc xong câu đối, có ý hơi ngượng, bất giác vãi chủ nhân một vãi mà rằng : « Tiều đệ bấy lâu quen sống ở thị thành, chót theo trào lưu, đầu óc lúc nào cũng vẩn lên những lợi hai và thực tế, cho nên thấy vườn rộng thì nghĩ ngay đến trồng cây sinh lợi, nghĩ đến rào giậu cho kín..., chưa thoát được tục nên không có được những tư tưởng thanh cao như bác. .. »

Trở lên, ta thấy rõ ràng giữa thực thể nhân sinh với nghệ thuật có một độ xa cách nhau gọi là « *cự-ly* ». Nhà nghệ thuật với nhà thẩm mỹ không thể vì cái ý thực tế nhân sinh mà đưa mảnh vườn rau (vì thấy nó có lợi cho nhân sinh) đề đến nỗi làm lu mờ hay áp đảo cái cảnh biên trời nên thơ ở phía trước ; không thể đem cái tiêu chuẩn « *đề chứa đờm rãi* » mà định giá trị cho cái ống bình phóng đời Khang-Hi ; — không thể coi con đường đi kia chỉ là lối dẫn đến Ngân-hàng hay dinh sở nọ ; — không thể nghĩ đến trồng nhiều cây ăn trái mà quên việc lưu giữ ánh trăng lại với mình, cũng như không thể vì lo trộm cắp mà phải cất tường cao làm khuất mắt cảnh núi xa xa. Họ biết thoát ra ngoài tục niệm (tức là thực-tế

nhân sinh) ngao-du trong thế giới đẹp mà chỉ chú tình, hội thần vào việc quan thưởng cái hình tướng bản-thân của sự vật, đó là họ đã duy trì « một độ cự ly thích đáng » giữa cái đẹp với thực tế nhân sinh.

Khi nói đến « độ cự ly » của nghệ thuật, ta chớ quên thêm vào đó hai chữ « thích đáng », nghĩa là độ cự-ly ấy vừa tầm thôi, chớ thái-quá (xa sự thật quá) cũng chớ bất cập (gần với sự thật quá). Bởi lẽ nghệ thuật, một mặt cần sao cho người ta giải phóng những mối ràng buộc của thực-tế nhân-sinh, một mặt lại cần đề cho người ta có thể hiểu được mình muốn nói gì, tả gì, và hiểu cái đó là cái gì, thì người ta mới hẳn thưởng được.

Nếu độ « cự-ly » gần với sự thực quá thì dễ khiến người ta chỉ nghĩ đến cái phía thực dụng ; nếu độ « cự-ly » cách xa sự thật quá thì dễ làm người hoang mang không hiểu sự vật biểu hiện ra đó là cái gì, ý tác giả muốn nói gì, tả gì ? ! Ta có thể có một thí dụ dễ hiểu :

Bài thơ Bà Huyện Thanh Quan, mở đầu bằng hai câu :

Tạo hóa gây chi cuộc hî-trường

Đến nay thăm thoát mấy tình sương

Người đọc cảm thấy tác giả thốt ra một lời than trước một cảnh vật nào đó. Ý tình hoài-cổ được diễm rõ lên, nhưng không ai có thể xác nhận được cảnh vật ở đây là cảnh vật nào. Rồi luôn cả hai câu 3 và 4 :

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch-dương

Tính cách hoài cổ thực rõ rệt rồi, nhưng vì độ cự-ly (như trên vừa bàn) quá xa nên người đọc có thể nghĩ đến bất cứ một cảnh nào miễn là xưa có lối xe ngựa, có lâu đài, mà nay tang thương biến đổi (*Hồn thu thảo, bóng tịch dương*). Muốn hiểu bài đó rõ hơn, người đọc chỉ còn cách nắm lấy cái tựa « Thăng-long thành hoài cổ » đề hiệu đó là nói về Thăng-Long vậy. Bàn xét như trên, tôi không có ý nói rằng Bà Huyện Thanh Quan không biết làm thơ, cũng không có ý chê bài thơ ấy kém, vì đã không diễm rõ được hai chữ Thăng-Long ra. Tôi có ý trách rằng người sau đã gán cho bài thơ ấy cái tiêu đề là Thăng-long thành hoài-cổ một cách không thích đáng, rồi cứ ôm lấy cái tiêu đề ấy mà tán thưởng và ca tụng một cách gượng ép (Bản xưa của nhà Phúc-văn-dương in ra với cái đề mục là *qua chốn chông làm quan*, Nam-phong tạp chí cũng theo đề mục ấy, một dịp khác sẽ bàn về bài thơ này).

Nhiều người có cái tật cứ đứng chôn chân ở quan điểm đạo đức phong-hóa để nhận xét và phê bình văn nghệ. Kể từ cái thuyết « văn dĩ tải đạo » của Hàn Xương-Lê cho đến hiện-đại « cách mạng văn nghệ » lấy văn học làm

đồ dùng cho việc tuyên truyền, đều là thái-độ đem văn nghệ đưa một cách ngang ngạnh vào thế giới thực dụng : — Một bác thợ vườn đi coi tường coi đến vai Tào-Tháo gian hoạt, bắt giặc nổi lòng công phần, sách dao vọt lên sân khấu dè cồ anh kếp xuống chọc tiết luôn. — Một chú thư sinh độ tiều tụy, đến đoạn tả những tình tiết lừa thầy phản bạn, bắt đồ nổi hun lên, đưa kéo « *thiến luôn* » mấy trang sách đi. Những người từ quan đi đờ đạo đức mà cứ phê bình nghệ thuật có khác nào bác thôn phu kia *giết Tào Tháo trên sân khấu*, chú thư sinh nọ đưa kéo cắt *loại vai trò trong tiều thuyết*, kè nghĩa khí thì các chú có chút nghĩa khí thật, nhưng tiếc rằng dùng không đúng chỗ, không phải đạo. Các chú có hiểu rằng đạo đức chỉ là khuôn phép cho cuộc sống thực-tế, còn nghệ thuật thì vẫn có cái gì xa cách với nhân sinh thực tế. Thực đáng tức cười bà nọ nghe đức ông chồng khen gốc đào ngoài sân đẹp, bà nổi ghen lên, thống trách chồng rồi hăm hăm vác dao h luôn gốc đào đi : Bà coi gốc đào kia quả là một mỹ-nhân bằng xương bằng thịt có tính cách « thực tế » rồi. (Chuyện Đố-hoa nương).

Nghệ thuật cần phải giữ cái độ cự-ly với nhân sinh thực-tế vì thế mà nghệ thuật với chủ nghĩa tả thực cực đoan, hai đằng không dung nhau được. Cái lý tưởng của tả-thực chủ nghĩa là đúng hệt với nhân sinh và tự nhiên. Thế nhưng, nếu nghệ thuật mà chỉ hết sức làm cho hệt với nhân sinh, với tự nhiên thì không khỏi dẫn-dụ người nghe, người coi, trở về với nhân sinh thực tế dễ rồi dờn cả ý trí vào những khía cạnh hay những điểm không liên qua gì đến mỹ cảm, lãng quên cả cái phần mỹ-điệu của bản thân hình tượng vật. Thí dụ như bức ảnh chụp mỹ nữ khóa-thề, thường dễ kích thích tín dục người ta, vậy mà pho tượng « ái thần khóa thề » hoặc bức họa khóa-th « cô gái lấy nước suối » thì chỉ kêu gọi mỹ cảm mà không kêu gọi dục niệm. Tại sao vậy ? Vì bức ảnh hệt với sự thực quá (cự-ly quá gần) dẫn người nghiêng về với thực dụng thái độ. — còn như pho tượng với bức họa nổi tiếng kia đều đã qua phần nào hình-thức hóa, lý-tưởng hóa, nghĩ là có phần không thực hệt tự nhiên. Nó đã được nghệ thuật, hóa, đã xé dựng lên với một độ « cự-ly » xa cách phần nào với sự thực.

Trên lãnh vực nghệ thuật, nhiều khi nhìn ra có những điểm tự nhiên như « bắt cặp nhân tình ».

— Các vai trò trong những vở tuồng cổ Đông-phương, thường dễ mặt nạ chất phẩn, bôi nhọ. Cưỡi ngựa mà chỉ cầm cái roi sẽ đập và gót giày, nhảy lò cò một cẳng, đề tả việc đi ngựa ; — sẽ đặt gót lê chiếc bàn, nhún kheo sau một cái, đủ biểu hiệu là lúc đó đương trẻ non vượt núi, v.v..

— Những bức tranh cổ của Đông-phương không cần bóng đậm nhạt xa gần. Lối đó, cố nhiên là có điều đáng trách, nhưng tựu trung nó vẫn có cái đặc thái thích-dáng của nó. Kề sáng tạo ra những lối ấy, không phải

rằng họ không biết như thế là xa với tự-nhiên, nhưng chủ yếu của họ là miêu tả, biểu hiện lấy ý tứ. Họ *nghệ thuật hóa* tự nhiên, do đó mà độ *cự-ly* này ra trong sáng tác » phẩm của họ.

— Trong khi trò chuyện thì ai lại dùng *văn*, dùng *bằng trắc*, nhưng đặt ra lời thơ thì ghép nó vào *văn*, có *bằng trắc*. Ý nghĩa nghệ thuật hóa là đó.

— Nghệ thuật vốn là sửa chữa cái phần khuyết điểm cho nhân sinh, cho tự nhiên. « *Chừng giang sơn còn đợi ai đây* » là ý tự kiêu, nhà tài tử họ Chu ý muốn đem nhân công mà tu bổ cho cảnh thiên nhiên được thiện mỹ hơn, sau đó quả nhiên ông hưng công tu tạo lối Chùa Ngoài thật.

Nếu quả thực mục đích tối cao của nghệ thuật chỉ tìm làm sao cho đúng hệt nhân-sinh và tự nhiên thì chúng ta vẫn sẵn có nhân-sinh với tự nhiên rồi, ta còn cần nghệ thuật làm gì ?

Nghệ thuật đều là chủ quan, là sự biểu hiệu cảm tình của tác giả ra, nhưng nó cũng phải có đôi phần khách quan hoá đi ; nghệ thuật đều cần phải có tình cảm, thế nhưng nếu chỉ riêng tình cảm thì cũng không nhất định đó là nghệ thuật.

Nhiều người vốn kém tế-nhị, có ý tự kiêu, thường thốt ra lời phàn nàn rằng : « Những điều ta kinh nghiệm, từng biết, bình sinh của ta nếu viết ra có thể thành cuốn tiểu thuyết rất hay, chỉ tiếc rằng ta không phải là nhà viết tiểu thuyết.

Nếu thật sinh hoạt của những người ấy phong phú về tài liệu nghệ thuật, thì làm gì mà không sản sinh ra nghệ thuật phẩm ! Khốn nỗi, tình cảm dùng trong nghệ thuật không phải là *thứ gạo chưa xay, chưa giã đủ ngàn chày*. Nó là *thứ tình cảm có qua lần phản tỉnh*. Cô Kiều, khi nghe tiêu sử Đạm-Tiên thì « *đăm đăm châu sa...* » rồi cô thấp hương lễ năm mỗ vô chủ. Chính lúc đó, nếu có ai đòi cô làm thơ thì dù có tài mấy, cô cũng không thể ra thơ được. Nhưng sau khi « *sụp gối vài gát trước mỗ bước ra* », lúc đó cô mới :

« ... Rút trâm sẵn dắt mái đầu,

... Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần. v,

Bài thơ tứ-tuyệt của cô là kết quả của mối tình cảm ở sau khi bị xúc động, còn đương lúc xúc động mạnh thì sao có thơ được. Có thể nói thế này : *Khi cơn đau tạm yên-định thì nhà thơ mới nghĩ trở lại cái mối đau thương vừa qua ấy mà phú thành thơ* », còn lúc đau thương đương bùng bật, đương phát ra thì chỉ có một việc là thồn thức tâm tràng, chỉ có « *đăm đăm châu sa* », làm sao có thơ được. Nếu thực giữa lúc đó mà có thơ tuôn ra, thì tình thương-cảm kia chẳng là giả tạo, mà thơ đó là thơ làm sẵn. Cho nên

đối cảnh sinh-tình rồi mới sửa soạn đề diễn cái tình ấy ra bằng thơ, thế thời tuy gọi là tức cảnh làm thơ với tài lanh lẹ như Tào Tử-Kiến, cũng không qua được cái công-lệ « *thống định tư thống* », nghĩa là qua phút đau thương (hay cảm hứng) nghĩ trở lại phút đó (dù trong giây phút) rồi thành thơ. Sở dĩ nói nghệ thuật là thứ tình cảm đã qua giây phút phản tình, có sự sửa sang chỉnh lý (cũng như gạo qua lần xay, giã). Trong giây phút nghĩ trở lại mỗi đau thương hay cảm hứng, thì nhà nghệ-thuật đã vô tình từ chỗ chủ vị thường thụ (lúc tình cảm đương khích động phát ra) mà rút về làm kẻ đứng khách-vị (đứng ngó lại cái phút tình cảm vừa phát ra) để quan thưởng.

Nhiều người đã không thể đem những kinh nghiệm thiết-thân đặt nó ở « *cái độ cự-ly cần thiết* » để mà nhìn ngắm lại, để mà hội ý, cho nên tình cảm dù sâu xa, kinh nghiệm dù phong phú đến đâu mà suốt đời vẫn không sáng tác được gì hết.

Q. N. TRƯƠNG-CAM-KHẢI

Nghe lời chê bai mà giận là làm ngại cho người gièm pha, nghe câu khen ngợi mà mừng là làm mời cho người ta nịnh hót.

VĂN TRUNG TỬ

Lửa thì thường bốc lên cao, nước thì thường chảy xuống thấp, thế mà nước bao giờ cũng làm tắt được lửa đấy.

VÔ DANH

Chìm đến lúc cùng thời mở, muông đến lúc cùng thời cào, người đến lúc cùng thì nói dối.

NHAN HỒI

Tin Nhạc

CÁC BẠN YÊU NHẠC KHÔNG THỂ BỎ QUA :

NHẠC PHẨM **SAY HU'ONG TỪ' BI**

Nhạc : PHÚC-LINH

Lời : BĂNG-ĐÌNH

- ★ KHUÔN NHẠC : LÊ-MỘNG-BẢO
 - ★ HÌNH BÌA : họa phẩm của DUY-LIÊM
 - ★ TRÌNH BÀY : Tăng-Sĩ TÍCH-NGHIÊM-TỊNH
- SẼ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC VÀO MÙA HÈ 1960.



của LINH-BẢO

Chị Vinh,

Hôm nay Tết đã qua hẳn rồi ; các tổ chức ăn Tết cũng đã xong nên mới thư cho chị.

Hôm 30 Tết Sứ Quán Việt Nam cũng như mọi năm tổ chức một buổi ca nhạc kịch mời đồng bào đến xem. Vì đó là một dạ hội của Chánh phủ tổ chức nghĩa là có đủ mọi phương tiện để thành công hơn là các tổ chức sinh khác, nên ai cũng hăm hở mời bạn, dắt vợ, bế con đến xem. Mọi năm còn có một hội sinh viên Việt Nam thân cộng tổ chức ăn Tết nhưng vì năm nay bị đóng cửa nên chỉ còn Sứ Quán « một mình một chiếu », đồng bào cũng dồn tất cả hy vọng vào đây, nhất định đi xem dạ hội thực ra hờn. Thiên hạ kháo nhau rằng năm ngoái một dạ hội ăn Tết như thế này

mà ông thâu tổ chức đã dư tiền đủ cưới vợ và mua xe hơi v.v... vì thế năm nay Sứ Quán tự tổ chức lấy hẳn là đáng đề cho « người ta trông vào » lắm.

Chúng em cùng đi với một nữ ký giả Trung Hoa. Thấy những dãy ghế đề dành gần sân khấu còn độ vài trăm ghế còn trống, cô bạn em nhí nhảnh chạy đến xin một chỗ. Các ông trong ban trật tự trả lời rất nhã nhặn :

— Chúng tôi rất tiếc là mấy trăm ghế này phải đề dành cho các quý khách.

Sau khi hỏi 5, 7 nhân viên ban trật tự đều không có kết quả, cô bạn đành xếp cái nhí nhảnh lại, yên phận tìm một chỗ đứng gần đề xem các « quý khách » là ai.

Gần đến giờ mở màn. những dãy ghế đề dành đã đầy, cô bạn hậm hực bảo :

— Đây cô xem, quá một nửa « quý khách » là các « chị sen, chị bếp »

“ Em vội an ủi :

— Chị đừng lên chủ quan như thế, [REDACTED]

Cô bạn cũng là người biết phục thiện nên đứng yên chờ kéo màn.

Chương trình dạ hội là chúc Tết, đơn ca, song ca, kịch « Quốc ngữ là chữ nước ta » và khiêu vũ. Với kịch này bên ta các ông truyền bá Quốc ngữ thường trình diễn ở các làng hội họp bu nó, thầy nó, thằng cu, cái đi nhón, cái đi con đi xem đề mời học chữ Quốc ngữ.

Mấy người ngoại quốc đứng cạnh bảo nhau :

— Chà, lần đầu tiên tôi được thấy một cụ nhà quê Việt Nam.

— Nước anh bây giờ vẫn mù chữ đấy chứ ?

Một cô đầm hỏi bạn mà không cười :

— Thế các anh ở đây có ai mù chữ không ? Kịch tuyên truyền hay đấy chứ !

Chúng em đứng « lẳng lặng mà nghe », người cứ lịm đi.

Buổi dạ hội thứ hai của một nhóm sinh viên lấy danh nghĩa « Pháp Nam thân hữu » tổ chức. Nhóm này cũng thuê gian phòng ấy, và cũng được gần ấy khán giả mang tới đội nón đến họp mặt.

Em có một giấy mời hạng thường nên rất biết thân biết phận, đang định tìm một chỗ ngồi kha khá trong đám ghế « phi quý khách » đã gần chật hết kia thì mấy người bạn ký giả ngoại quốc lại kéo đi theo lên hàng ghế

quí khách. Bọn họ tưởng là một dạ hội được tổ chức to như thế tất nhiên có một số ghế để dành cho ký giả lâm thời xin vào xem, nên xun xoe đi tìm ban trật tự xin chỗ ngồi. Các nhân viên có phận sự sau khi đòi xem thẻ ký giả của họ xong trả lời :

— Chúng tôi không cần ký giả. Chúng tôi đã có mời ký giả riêng rồi.

Thế là các « ông ký bà ký » đành phải thở dài (không phải là thương thân) tìm chỗ đứng. Bọn họ cao lớn nên « chấp » hết tất cả những cái đầu cứ cao dần lên trước mặt, còn em phải nhướng mái cổ mỗi gần muốn rụng luôn. Định thôi không xem, nhưng bọn họ lại làm hay bỏ đi không được.

Chương trình này đặc sắc hơn, vì ngoài khiêu vũ có hợp ca, múa và hát cải lương tuồng Lục Vân Tiên. Hai màn múa của các nữ sinh y phục, ánh sáng, âm nhạc đều đáng khen. Vở tuồng cải lương do sinh viên đóng nên giọng ca hơi non nhưng cũng trình bày rất khá. Từ âm nhạc y phục, hóa trang cho đến điệu bộ đều giữ được trong vòng nghệ thuật cải lương chứ không để cho lai lẫn lộn các thứ khác vào.

Khán giả rất dễ chịu vì không bị cái cảm giác « ngậm bồ hòn làm ngọt » ; trái lại vài sinh viên dặt daim đi xem ~~văn hóa~~ Việt-Nam mặt cứ vênh lên với các « nước bạn ».

Buổi dạ hội thứ ba của bốn Hội sinh viên lần đầu tiên đoàn kết tổ chức chung. Chương trình cũng có ca nhạc, kịch và khiêu vũ như ai vậy.

Có một màn ông Táo đọc Sớ trình với Ngọc Hoàng tình hình sinh viên Việt-Nam tại Pháp. Táo trình rằng : Có một số sinh viên chăm học nên thi đậu. Có một số thi hoài nhưng cứ hồng hoài. Lại còn có một số chỉ lo dặt daim đi chơi suốt ngày...

Táo trình rằng : Có một số thiếu nữ Việt Nam tuy đã quá tuổi cập kê mà vẫn không chịu từ giã cuộc sống độc thân, Táo xin chịu không hiểu nổi tại sao...

Sinh viên thấy Táo nói đúng quá nên phục Táo vô cùng.

Sau khi xem xong mấy dạ hội, em nhận thấy rằng người ở hải ngoại rất thích xem những cái đặc sắc, thuần túy và đẹp của quê hương để cho họ có thể hãnh diện với người ngoại quốc, chứ không thích xem lý toét trình bày bàn chân bần, vác guốc lên vai.

Riêng phần chúng em vì có quà của quê hương gửi sang, nên kêu trời mà than rằng : « Chưa bao giờ được ăn một cái Tết hải ngoại « ngon » như thế này ! ».

LINH - BẢO

DIỄN XUẤT

Mến gửi K. C.

*Trên sân khấu huy-hoàng, em lộng lẫy...
Tiếng cười im. Ngàn mắt dán vào em.
Ta nhìn quanh, nghe rõ tiếng thầm khen,
Nghe đập mạnh tiếng trăm tim hồi-hộp...
Đèn bật sáng đôi màn, em trở gót,
Tiếng vỗ tay ào-ạt nôi như cồn,
Muôn mắt nhìn như muốn gửi muôn hôn,
Tài diễn xuất em thu hồn khán-giả !
Khi nũng-nịu trong vai tuồng loi-lả,
Lúc đoan trang trong lối kẻ kiền trinh.
Khi thiết-tha thề hiện gái chung tình,
Lúc tráo-trở với vai trò phụ bạc.
Dù loi-lả, đoan trang, chung tình, bạc ác,
Em đã truyền rung cảm rất sâu xa.
Em khóc ư ? Bao mắt lệ chan hoà.
Em cười đấy ! Trăm miệng cười hoan hỉ.
Em sống trọn với vai trò Đất-Kỳ,
Với Diêu-Thuyền, Bao-Tự với Tây-Thì.
Ta nhìn em, rung cảm đến mê-ly,*

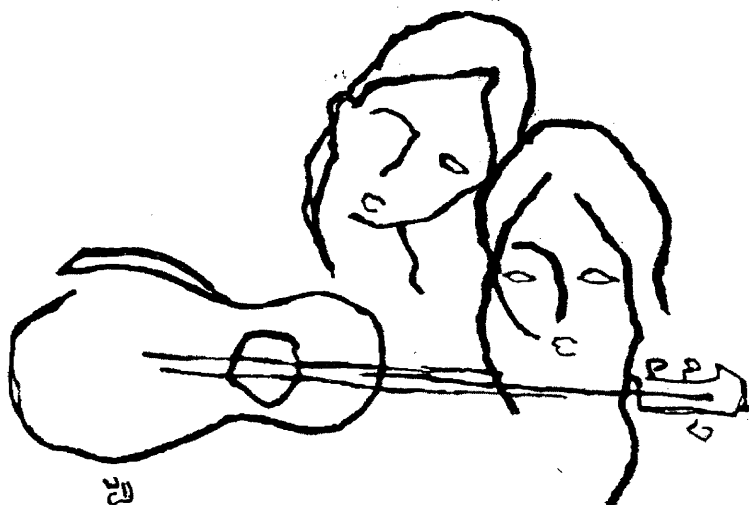
Và say đắm ngỡ mình là vua chúa.
Ta sẵn sàng xé muôn ngàn tấm lụa
Đề em cười, Ôi Bao-tự sầu bi !
Ta đến đây, mua cảm giác tân kỳ
Đề được sống cũng như em từng sống,
Đề sống lại những mảnh đời nổi sóng
Của người xưa và của người nay,
Đề vui, buồn, thương, giận đến mê say
Trong chốc lát quên mỗi sầu nhân thế.
Đời tẻ nhạt, nếu không em nghệ-sĩ
Bán vui buồn cho thiên hạ buồn vui,
Thì cõi đời — ôi, sa-mạc luân hồi !
Thiếu gia vị, nhạt tanh và ớn lạnh.
Em bảo ta rằng: « Em ưa sống mạnh,
Em thèm cười, thèm khóc, thích tân toan.
Từ kẻ ăn xin cho đến bà Hoàng,
Em muốn tả mọi tâm-hồn, trạng-thái...
Nghe em nói mà lòng ta ái ngại :
Ôi ! con tim nghệ sĩ thật cuồng si !
Em với ta cùng chung một đường đi,
Em nghệ-sĩ và ta là thi-sĩ.
Cả hai đưa cùng con hoang thế-kỷ,
Ngỏ tâm-tư cho thiên hạ vào thăm.
Riêng vẫn cô đơn, riêng vẫn âm-thầm,
Hồn phức tạp vẫn thiếu tâm-hồn bạn !

* *

Mãi suy tư... Bỗng đèn bùng chói sáng,
Ta ngừng lên : Em là hạt Kim-Cương
Đang toả hào quang trên sân khấu dị thường,
Tài diễn xuất em thu hồn khán giả.
Em dứt tiếng ca. Màn từ từ hạ.
Tiếng vỗ tay ào-ạt nổi như cồn,
Muôn mắt nhìn theo như gửi muôn hồn...

Saigon, tháng 3-1960

BÀNG-BÁ-LÂN



Nghe chuyện Thủy Hoàng

Bạn kể cho nghe chuyện Bạo-Tàn
Bỗng nhiên tôi lại thấy phân vân
Đành không có ý sầu kim cổ
Sao vẫn mang lòng hận giả chân
Sau trước lẽ-văn thay mấy độ
Đục trong lịch-sử đổi bao lần
Bạn ơi, chỉ khổ cho trăm họ
Trong cảnh điêu tàn Hán Sở phân.

THẠCH-AN



Nguyên tác của EMILY BRONTE
Bản dịch của NHẤT - LINH

ĐÌNH GIÓ HƯ từ một thế kỷ nay là một cuốn tiểu thuyết có một giá trị đặc biệt trong văn học sử Anh Quốc và được coi là một trong những truyện quốc tế hay nhất.

Tác giả Emily Bronte sinh năm 1818, con một vị mục sư nghèo người Ai-nhĩ-Lan, mẹ là người Anh, Nữ sĩ có chị là Charlotte và em gái là Anne đều là văn-sĩ danh tiếng. Gia đình ở một làng xa xôi, khuất nẻo, thuộc tỉnh Yorkshire mấy chị em sinh trưởng ở đây như những cô gái cầm cung ít được tiếp xúc với đời. Thoạt tiên ba chị em chung nhau xuất bản một tập thơ nhưng không thành công, và xoay sang viết tiểu thuyết. Charlotte viết cuốn *Jane Eyre*, được hoan nghênh ngay, Emily viết cuốn *Wuthering Heights* tức **ĐÌNH GIÓ HƯ** này dưới bút hiệu là Ellis Bell và xuất bản vào cuối năm

1847, một năm trước khi nữ sĩ qua đời vào ngày 19 tháng chạp năm 1848. Hồi đó E. Bronte chưa đầy ba mươi tuổi. Thoạt tiên ít người biết thưởng thức tác phẩm này, đối với thời cổ xưa ấy người ta cho là thô lỗ tục tằn ; nhưng rồi càng ngày người ta càng nhận thấy chân giá trị của nó.

Nhà văn W. Somerset Maugham đã chọn **ĐÌNH GIÓ HÚ** là một trong mười cuốn tiểu thuyết ông cho là hay nhất thế giới.

Ông viết : « **ĐÌNH GIÓ HÚ** không phải là một cuốn sách để chúng ta đàm luận ; nó là một cuốn sách để chúng ta đọc... Nó chứa đựng một thứ mà rất ít tiểu thuyết gia có thể cho chúng ta ấy là Năng Lực. Tôi chưa thấy một tiểu thuyết nào mà nỗi buồn rầu thống khổ ; niềm vui sướng điên cuồng, tính độc ác vô tình, sự ám ảnh của ái tình được diễn tả một cách kỳ diệu như trong **ĐÌNH GIÓ HÚ** ».

T. P.

NĂM 1801.— Tôi vừa đi thăm ông chủ nhà về. Vùng này đối với tôi thật là tuyệt ; có lẽ trong toàn cõi nước Anh tôi không thể tìm được một nơi nào xa cách sự huyền ảo như ở đây. Thật là cõi thiên đường của những người chán đời : Ông Hy (1) đối với tôi là hai người hoàn toàn hợp với vùng hiu quạnh. Ông Hy chắc không ngờ tôi có thiện cảm với ông ngay, mặc dầu lúc tôi cho ngựa tiến lên, hai con mắt đen của ông sâu hoắm và nhìn tôi một cách nghi hoặc và lúc tôi xưng danh, các ngón tay của ông lại thọc sâu một cách rất quả quyết vào túi áo.

Tôi hỏi :

— Thưa ông, ông có phải là ông Hy không ?

Ông ấy chỉ gật đầu, không trả lời. Tôi tiếp theo :

— Thưa ông tôi là Lộc (2) người mới thuê Họa-Mi Trang của ông. Tôi phải vội vàng đến thăm ông ngay, vì tôi sợ đã làm phiền ông vì tôi đã quá ư khẩn khoản đòi

thuê cho bằng được Họa-Mi Trang, còn ông thì hình như...

Ông Hy ngắt lời tôi có vẻ hậm hực :

— Họa-Mi-Trang, thưa ông, hoàn toàn thuộc về tôi. Tôi không để ai làm phiền tôi nếu tôi tránh được... Mời ông vào !

Lúc nói hai tiếng « ông vào », rằng ông nghiêng lại như có vẻ bảo tôi : giá anh cứ đi thì hơn ! Ông Hy mời tôi vào nhưng ông không nhúc nhích cánh cổng. Có lẽ chính vì thế mà tôi nhận lời vào. Tôi thấy ông ta hay hay vì chính ông lại có vẻ « kẻ xác đời » hơn cả tôi nữa.

Khi ông Hy thấy con ngựa của tôi ấn ngực vào cánh cổng, ông mới chịu rút tay ở túi áo ra, tháo giây xích buộc cổng rồi đi vào một cách miễn cưỡng. Vào đến sân ông Hy gọi to :

— Dội ơi, ra dẫn ngựa của ông Lộc, và đem rượu vang lên đây.

Câu ấy làm tôi hiểu ngay cá nhà ông ta chỉ có một một người đầy tớ. Thảo nào mà cỏ mọc đầy kẽ gạch, và súc vật tự do sửa đậu cây. Bác Dội là người đã có tuổi

1) Tên bằng tiếng Anh Heathcliff

2) Tên tiếng Anh là Lockwood.

nhưng vẫn còn cứng cáp mạnh khỏe. Trong lúc bác ta dẫn ngựa tới đi, bác ta lăm bằm một mình, giọng tức bực cầu nhau :

— Chúa trời, phù hộ cho chúng ta.

Bác ta vừa nói vừa nhìn soi mói vào mặt tôi một cách hần học đến nỗi tôi đoán ngay bác ta kêu trời phù hộ là chỉ cốt trời giúp bác ta để tiêu bữa cơm chiều chứ câu khấn nguyện ấy không có liên can gì tới việc tôi đến đột ngột.

Tòa nhà của ông Hy lấy tên là « Đỉnh Gió Hú » : sở dĩ gọi « gió hú » vì những khi trời bão, gió lồng lộn hú lên trong tòa nhà đó. Trên mồm cao ấy chắc quanh năm không khí trong lành. Người ta biết ngay gió bắc trong đó thổi rất mạnh vì những cây thông cần mọc ở đầu nhà nghiêng hẳn về một phía và một giầy cây gai chĩa cành về một bên như muốn vươn ra đón lấy ánh sáng mặt trời. Cũng may tòa nhà xây cất chắc chắn, cửa sổ hẹp thật sâu vào tường và có viền đá xây nhô ra để chắn gió.

Ở ngay trên cửa chánh của tòa nhà đó có đề tên : « Hạ-Yên » kèm theo niên hiệu « 1.500 » (1). Tôi cũng muốn hỏi ông chủ nhà cầu nhau cầu nhau về lai lịch vắn tắt của cái nhà đó, nhưng thái độ của ông ở ngoài cổng như tỏ cho tôi biết hoặc phải vào ngay, hoặc phải đi không bao giờ trở lại nữa.

Chúng tôi đi thẳng vào một gian phòng tựa như những gian vừa dùng làm bếp vừa dùng làm nơi tiếp khách. Nhưng ở tòa nhà « Gió Hú » này bếp không biết chạy đi đâu : cạnh cái lò sưởi rộng lớn không có một thứ gì có thể dùng để quay, để luộc, để nướng bánh.

(1) Cách hồi xây ra chuyện này 300 trăm năm.

Nền nhà làm bằng đá trắng, ghế ngồi sơn xanh, và kiệu cổ, lưng tựa cao, bên cạnh tủ đựng chén đĩa có một con chó to béo màu vàng, đang nằm nghỉ, chung quanh lúc nhúc một lũ chó con ; lại có rất nhiều chó khác mỗi con ngủ một số.

Ông Hy trông không ăn nhập gì mấy với nhà cửa và lối sống của ông. Hình thù ông ta trông y như một tay giang hồ da sạm nắng ; nhưng quần áo và cử chỉ của ông lại có vẻ một người quý phái. Ông Hy ăn mặc có lẽ hơi cầu thả nhưng cái vẻ cầu thả ấy không tai hại mấy, vì ông đi đứng thẳng thắn, ung dung và vẻ người rất lịch sự. Về mặt thì đậm chiều. Nhiều người có thể cho rằng ông có nhiều tự kiêu vô lối ; tôi thì có thứ gì ngăn bảo tôi ông không thể, linh tính báo cho tôi hiểu là ông làm li như vậy chỉ vì tính ghét phô trương cảm tình, ghét bộc lộ những sự thân thiện xã giao.

Ông ta yêu cũng như ghét, không biểu lộ ra ngoài, ai yêu lại, ai ghét lại ông ta, ông ta cũng coi như đó là một sự vô lý. Nhưng không có lẽ tôi đã đi quá, tôi cứ bắt buộc ông ta có những tính tình của tôi. Ông Hy có những lý lẽ có thể khác hẳn tôi khi ông ta không muốn bắt tay một người chỉ muốn bắt tay ông ta.

Mẹ tôi vẫn thường bảo rằng tôi già đời cũng không lập được gia đình ; ngay vụ hè năm ngoái tôi đã tỏ rõ ngay ra là tôi không xứng đáng là một người có gia đình. Tôi đương nghĩ măt ở bãi biển thì làm quen ngay với một cô gái có vẻ đẹp quyến rũ tuyệt trần ; thật là một tiên nữ đối với tôi trong cả cái thời kỳ mà cô ta chưa đề ý gì đến tôi. Tôi không bao giờ ngờ lòng yêu bằng lời nói, nhưng về

mắt nhìn còn « nói » nhiều hơn là lời nói, người óc đơn giản cũng biết ngay là tôi yêu. Về sau cô ta cũng hiểu và nhìn lại tôi bằng một vẻ êm ái hơn tất cả các lần nhìn trên đời. Nhưng mà lúc đó tôi đã làm gì hồi trời ! Tôi lấy làm xấu hổ mà tự thú rằng lúc đó tôi lạnh lùng co rụt người tôi lại như con sên và mỗi lần cô ta nhìn, tôi lại nuôi cho lòng mình lạnh lẽo hơn, lại chui sâu mãi vào cái vỏ của mình, đến nỗi cô ả khốn khổ đó dám ra nghi ngờ, tưởng mình đã hiểu lầm và lấy làm hồ thẹn rồi xúi mẹ rời đi nơi khác. Cái tính kỳ quặc ấy đã làm tôi mang tiếng là một anh chàng có định tâm ác, nhưng thực ra thì tôi oan, song chỉ có tôi biết tôi oan thôi.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế bên cạnh lò sưởi và cố tìm cách vượt ve con chó cái lúc đó đã rời lũ chó con, và lượn vòng quanh chân tôi như một con chó sói, môi ươn cong lên, răng trắng muốt nhe ra sẵn sàng để cắn. Tôi vượt ve khiến con chó gầm gừ trong cổ họng.

Ông Hy cũng gầm gừ theo con chó, giờ chân đỡ những miếng thị oai nguy hiểm của nó :

— Tôi khuyên ông nên để yên con chó. Nó không muốn làm thân với ai, mà tôi nuôi nó không phải nuôi để làm cảnh.

Rồi ông Hy lại gọi bác Dọi. Bác Dọi gầm gừ mấy tiếng nhưng mãi cũng không thấy tung tích thành thử ông Hy phải chạy đi tìm để lại một mình tôi với con chó cái độc địa nham hiểm và hai con chó nữa, cả ba con đều thi nhau dò la từng cử chỉ của tôi. Không muốn đụng chạm đến những răng nanh nhọn của chúng, tôi đành cố ngồi im, nhưng trông chúng không hề được những câu chửi ngăm của tôi,

tôi nháy mắt nhần mặt với chúng ; không may một vẻ mặt của tôi đã làm cho « bà » chó cái tức tôi điên cuồng, « bà » nhảy ngay lên đùi tôi. Tôi phải đẩy « bà ta » ra và đệm một cái bàn giữa hai bên. Cuộc khiêu khích ấy làm náo động tất cả đàn : đến gần chục quỷ sứ bốn chân, già có, trẻ có, vừa lớn vừa bé ở các số chạy xô ra và tập trung lại. Tôi cầm cái gạt than cố sức đối đầu với những chiến sĩ nào hăng máu nhất, và lại thấy cần phải kêu gọi một người nào trong nhà để lập lại nền hòa bình.

Ông Hy và tên đầy tớ ở hầm rượu đi lên, thần nhiên như không : mặc dầu chung quanh tôi chó sủa như vũ như bão, họ vẫn đi thong thả như thường không nhanh không chậm một giây.

Ông Hy nhìn tôi có một vẻ riêng khiến tôi không thể chịu được sau một cuộc đối đãi khinh miệt ấy, rồi ông hỏi :

— Cái quỷ gì vậy ?

Tôi cầu nhàu :

— Đúng đấy, thật là quỷ. Quỷ sứ nhà trời cũng không tệ hại như đàn chó này, thưa ngài, giá để khách ngồi với đàn hồ đói còn hơn.

Ông ta chỉ chai rượu trước mặt tôi, nhắc cái bàn đặt vào chỗ cũ, rồi nói trống không :

— Kể nào vào nhà này mà không đụng chạm đến vật gì thì không bao giờ bị chó đụng chạm đến. Chó thì phải săn sóc cửa nhà, đó là việc của chúng. Một cốc rượu vang ?

— Không, cảm ơn.

— Không bị con nào cắn phải ?

— Ồ, nếu tôi bị cắn thì con nào cắn tôi cũng dừ thần xác với tôi rồi.

Trên nét mặt ông Hy nở ra một nụ cười nhản nhỏ :

— Thôi, thôi, tôi sợ ông quá nóng. Nào uống tí tôi cũng xin thực thà thừa rằng vì nhà cũng ít khi có khách lắm nên cả chó lẫn chủ đều không thạo cách tiếp khách. Nào, mời ông chạm cốc.

Tôi cũng dịu lòng, chạm lại cốc ông ta. Tôi bắt đầu nhận ra mình giận dữ vì một đàn chó điên rồ là vô lý. Và lại tôi cũng không muốn cho anh chàng có cơ đề trêu chọc mình, xem chừng anh chàng lấy thể làm khoái trí lắm. Có lẽ anh chàng về sau cũng đã cố giữ gìn lắm đấy, vì sợ làm mất lòng một người thuê nhà tốt như tôi. Chắc anh chàng cũng đã cố dùng những tiếng « ông » tiếng « mời ông », tiếng « nào » để cho dịu bớt cái ối nói cộc lốc, nhát gừng của ông ta, chắc anh chàng cũng đã muốn nói về một việc có liên can đến cái ấp tôi thuê.

Tôi thấy ông Hy rất thành thạo về những việc đem ra bàn, vì vậy trước khi ra về, tôi quả quyết yêu cầu ông ta đề ngày mai tôi lại đến thăm lần nữa. Chắc anh chàng không muốn thế tí nào. Chính vì vậy mà mai tôi sẽ đến — Tôi lấy làm lạ thấy mình còn xã giao hơn cả anh chàng này.

II

Quá trưa trời rất nhiều sương mù và lạnh lắm. Tôi định tâm ngồi sưởi lửa ở buồng làm việc ; không tội gì mà lội bùn, vượt rừng cò đến tận ấp Gió Hú. Nhưng đến khi vào buồng làm việc thấy có chị đầy tớ quý trước lò sưởi chung quanh đầy bàn chải và thùn súc than ; chị ta đổ tro vào than cho lửa bắt làm bụi bay mù thiên địa. Thấy vậy tôi lùi ra, lấy

mũ đội rồi đi thẳng một mạch bầy cây số đến trước cổng trại Gió Hú. Cũng may vừa tới cổng thì trời bắt đầu đổ mưa tuyết.

Trên cái mồm Gió Hú trơn trượt ấy, đất cứng lại như nước đá đen và gió thổi lạnh buốt tới sống lưng. Không tháo được giày xích cổng, tôi nhảy qua hàng rào, chạy vội vào nhà đập cửa, đập hoài đập hũy, đau rát cả các ngón tay, nhưng vô hiệu, chỉ nghe có đàn chó sủa rống lên.

Tôi thăm rủa :

— Lũ người ở cái nhà này thật là một lũ khốn nạn ! Chúng bay khinh thường khách quá lắm, chẳng trách nào suốt đời ở cô độc. Cái gì mà ban ngày cũng đóng cửa nhà lại. Mặc kệ ! ông cứ vào !

Nghĩ thế, tôi cầm quả nẩy, lay rứt thật mạnh. Cái đầu và mặt chưa như dấm của bác Dị thò ra ở một cửa sổ tròn của nhà chứa cỏ.

— Ông muốn gì ? Ông chủ tôi đi thăm trại cừu. Ông đi vòng quanh ra sau nếu ông muốn nói chuyện với ông ta.

Tôi hỏi to tiếng :

— Thế không có một người nào trong nhà để mở cửa à ?

— Không có ai cả, chỉ có cô chủ thôi. Nhưng cô chủ không mở được, cho dầu ông cứ lay cửa thỉnh thỉnh đến tối.

— Bác Dị. Tại sao vậy ? Sao bác không bảo là có tôi đến ?

— Tôi bảo ? Đờn nào thế ! Tôi chịu thôi, không muốn dính.

Cái đầu bác Dị hàm hừ nói thế xong, rồi thụt vào.

Tuyết đã bắt đầu rơi nặng. Tôi

lại cầm lấy quả nạm lay thử một lần nữa. Bỗng có một chàng trẻ tuổi mặc sơ mi trắng, vác một cái đỉnh ba gát cổ từ ở phía sân sau nhà gọi tôi rồi làm hiệu bảo tôi đi theo. Qua một cái buồng giặt, một cái sân, đến chỗ nuôi chim thì vào đến cái buồng lớn, ấm áp và vui vẻ, nơi mà ông Hy tiếp tôi hôm trước. Trong lò sưởi ánh lửa than và củi chiếu sáng rực cả căn phòng: gần một cái bàn ăn đã bày biện sẵn sàng, tôi lấy làm vui sướng được thấy mặt « cô chủ » người mà tôi không ngờ là có ở trong nhà này. Tôi cúi chào rồi đợi, bụng nghĩ thế nào nàng cũng mời mình ngồi. Nàng đứng dựa người vào thành ghế rồi không nhúc nhích, không nói một lời.

Tôi nói bằng quơ :

— Hôm nay xấu trời quá ! Thưa bà, tôi sợ đã làm hư hại cửa nhà bà đôi chút vì đầy tớ lơ đãng, tôi gọi mãi mà không có đứa nào ra mở.

Nàng vẫn không hé môi. Tôi mở to mắt... nàng cũng mở to mắt, nói cho đúng nàng nhìn tôi một cách lạnh lùng, thản nhiên, rất khó chịu. Chàng trai nói giọng cầu nhàu :

— Mời ông ngồi, ông ấy sắp về.

Tôi nghe lời ngồi xuống, hắng giọng rồi gọi con chó cái vàng, lần này thì nó chịu vẫy đuôi đáp lại.

Tôi nói với cô chủ :

— Con chó đẹp quá. Còn lũ con mới đẻ, bà định giữ nuôi cả ?

« Cô chủ » đáp lại bằng một giọng cũng « dịu dàng » như anh chàng Hy.

— Những con chó ấy không phải của tôi.

— À thưa bà chắc đây mới là lũ con cưng của bà !

Tôi vừa nói vừa nhìn vào một cái đệm ghế trong bóng tối, trên đệm có những con giẻ trông na ná những con mèo.

Nàng nói lại ngay giọng khinh bỉ :

— Lũ con cưng kỳ cục nhĩ !

Thật là không may cho tôi — đó chỉ là mấy con thỏ chết. Tôi lại hắng giọng một lần nữa rồi ngồi sát vào lò sưởi, nhắc lại câu chuyện trời xấu.

Nàng đứng dậy, lấy ở trên lò sưởi hai hộp đựng chè.

Từ lúc trước, nàng vẫn đứng lẫn trong bóng tối, bây giờ thì tôi trông rõ dáng người và nét mặt. Người nàng mảnh khảnh cao, trông bề ngoài như người mới nhón lên. Thân hình nàng thật đẹp, vẻ mặt thật trang nhã, trong đời tôi chưa được ngắm một người thứ hai như vậy. Tóc nàng như có ánh vàng, rũ lung tung xuống hai bên cổ nét thanh thanh. Hai mắt nàng nếu về nhìn không cau có thì chắc sẽ có một vẻ đẹp quyến rũ mê hồn. Cũng may cho tôi, hai mắt ấy chỉ lộ ra một tính tình nửa khinh khỉnh, nửa chán nản.

Các hộp trà ở xa tầm tay với của nàng. Tôi xoay người định giúp đỡ nàng thì nàng quay mặt nhìn tôi cũng có vẻ khó chịu như anh chàng hà tiện mà bị người khác đòi đếm vàng của mình. Nàng nói giọng khô khan :

— Tôi không cần ông giúp... Tôi với tôi.

Tôi vội vàng đáp :

— Tôi xin lỗi bà.

« Cô chủ » buộc một chiếc khăn quàng ngực lên trên tấm áo đen rất sạch sẽ của nàng rồi hỏi tôi :

— Đã có người mời ông uống nước trà chưa ?

Nàng đưa đi đưa lại cái thìa trên ấm trà. Tôi đáp :

— Tôi xin vui lòng uống một chén.

Nàng nhắc lại :

— Đã có người mời ông chưa ?

Tôi mỉm cười nửa miệng :

— Chưa. Nhưng người ấy là bà chứ còn ai ?

Nàng đặt cả cốc trà và thìa rồi ngồi xuống ghế có vẻ hờn dỗi, trán rần rần, làn môi dưới bứt ra, đỏ lên như môi đứa trẻ sắp khóc.

Anh chàng trai đưa tôi vào thì đứng cạnh lò sưởi. Anh ta liếc nhìn tôi về mặt như tỏ ra giữa anh ta và tôi có một mối thù không đội trời chung. Tôi bắt đầu tự hỏi có phải anh ta là một người đầy tớ hay không... Áo mặc và lời nói thì thô kệch, hai tay thì sạm nắng như tay một người thợ cày, nhưng đáng điều lại tự nhiên, hơi nghiêng ngang, không có vẻ gì tỏ ý muốn hầu hạ « cô chủ ». Không có chứng cứ rõ ràng về địa vị anh ta, tôi thấy tốt nhất là đừng chú ý đến thái độ kỳ cục của anh ta.

Sau năm phút, ông Hy về, tôi nhẹ người đôi chút, đỡ luống cuống. Tôi vờ lấy giọng vui vẻ, nói to :

— Đây ông xem, tôi đến đúng theo lời hẹn với ông. Nhưng tôi sợ mưa tuyết bắt buộc tôi phải ở lại đây độ nửa giờ.

Ông Hy rũ bớt tuyết trên áo :

— Nửa giờ ? Tôi không hiểu sao ông chọn ngay cái lúc bão tuyết mù trời này mà đi chơi mát tới đây. Ông có thể rất dễ dàng chìm ngấm trong các đầm, ao. Những người rất thuộc vùng này cũng bị lạc như thường. Tôi lại còn có thể báo ông biết trước rằng không có hy vọng gì ngót bão trong lúc này.

— Ông có thể cho tôi mượn một

người đầy tớ nào thạo đường đưa tôi về Họa-Mi Trang rồi ở luôn đấy cho đến ngày mai.

— Không, không thể được.

— À, thật vậy à ? Thế thì tôi đành chịu khó dò đường một mình.

— Hừ hừ !

Chàng trai không nhìn tôi nữa, quay về phía « cô chủ » hỏi :

— Cô có pha trà không ?

Cô chủ hỏi ông chủ :

— Có phải pha cả cho ông kia không ?

Ông chủ đáp lại một cách giận dữ quá khiến tôi rùng mình :

— Có pha.

Giọng nói mấy tiếng đó tỏ rõ người nói có một bản chất rất xấu. Tôi không coi ông Hy như một người đáng phục nữa.

Lúc mọi người bắt đầu uống nước trà, cả anh chàng nhà quê cũng đến uống. Một sự yên lặng nghiêm trọng như đè nặng tất cả bọn. Tôi nghĩ bụng nếu họ lạnh như tiền thế kia, thì mình cần phải tìm cách phá tan sự lạnh lẽo đó. Không lẽ ngày nào họ cũng sầm si nét mặt và lì lì như thế kia ; cho họ xấu tính đến thế nào đi nữa cũng không lẽ ngày nào cả bọn họ cũng cau cau có có như lúc này. Tôi khởi chuyện :

— Thật không ngờ... Thật không ngờ thói quen lại có thể biến đổi tính tình và tư tưởng của mình. Rất nhiều người không thể tưởng tượng được rằng người ta lại tìm thấy được hạnh phúc trong một cuộc sống xa cách sự đời như ông. Thế mà như ông đây, sống giữa gia đình, lại bên cạnh có một bà vợ quý như một nữ thần giúp ông trong việc tề gia nội trợ...

Ông Hy ngắt lời tôi bằng một

tiếng cười gần nghe rộn như tiếng quý sứ.

— Bà vợ quý của tôi. Bà ấy ở đâu, bà vợ quý của tôi ?

— Tôi muốn nói đến bà Hy.

— À vâng, Chắc ông muốn nói linh hồn bà ấy, đã biến thành thiên thần và phù hộ cho trai Gió Hú này, mặc dầu hồn bà đã rời khỏi thân xác. Có phải thế không ?

Biết là mình đã hớ, tôi cố gỡ lại. Ông chủ và bà chủ chênh lệch về tuổi nhiều quá khó lòng là vợ chồng được. Một người vào độ bốn mươi, người kia hình như chưa đến mười bảy tuổi.

Tôi vụt nghĩ ra « cái anh chàng quê kệch ngồi cạnh tôi có hai bàn tay bần thiêu kia có thể là chồng « cô chủ ». Anh chàng có lẽ là con ông Hy, « cậu chủ ». Đấy khi người ta sống chôn vùi ở nơi biệt lập thì xảy ra như vậy : cô ả cảm anh chàng cục mịch kia chỉ vì không biết có ai lịch sự hơn ! Đáng phiền... mình phải cố làm cho cô ả phải hối đã kén chọn lầm ! » Ý nghĩ sau cùng có vẻ tỏ ra tôi là một anh chàng tự cao tự đại. Nhưng không thật thế đâu. Anh chàng ngồi cạnh tôi là một anh chàng trông ghê tởm, còn tôi, dựa theo kinh nghiệm tôi biết mình không phải là không có một thứ duyên riêng.

Ông Hy nói như chứng thực ý đoán của tôi :

— Người này là con dâu tôi.

Ông ta vừa nói vừa nhìn nàng, nhìn một cách lạ lùng, có nhiễm thù hận... chỉ trừ khi về mặt ông ta vì một sự trái ngược bất thường không diễn đúng tâm hồn ông ta.

Tôi quay mặt về phía anh chàng ngồi cạnh tôi :

— À, chắc thế... bây giờ tôi hiểu

rồi. Chính cậu là bạn của nàng tiên này.

Lại càng tệ hơn, anh chàng đỏ mặt tía tai, tay nắm tròn quả đấm có vẻ sùng sộ của người muốn xưng phong. Nhưng anh ta cố nhịn ngay, đè nén tức giận bằng một câu rủa độc, rõ ràng là rủa tôi nhưng mà tôi — cố nhiên — tôi vờ như không biết.

Ông Hy nói :

— Ông dự đoán không tinh. Không một người nào trong chúng tôi may mắn có được nàng tiên ông nói. Chồng cô tiên đó đã qua đời. Lúc này tôi có nói cô ấy là con dâu tôi, vậy chắc hẳn cô ấy đã lấy con trai tôi.

Tôi nhìn chàng trai, hỏi ông Hy :

— Thế cậu này là...

— Chắc hẳn không phải con tôi.

Rồi ông Hy lại mỉm cười cho việc tôi có ý gán ông ta làm bố « con trâu chường » đó là một sự pha trộn hơi quá đáng.

Anh chàng lâu nhàu tự giới thiệu :

— Tên tôi là An-Hạ (I) và tôi khuyên ông nên kính trọng cái tên đó.

Tôi cười thầm vì cái vẻ trịnh trọng của chàng trai lúc tự giới thiệu mình, tôi đáp :

— Nhưng tôi có nói điều gì khiếm lễ đâu.

Tôi vội quay mặt không muốn nhìn anh ta sợ mình hoặc muốn bắt tai anh ta một cái hoặc bắt cười chế nhạo. Tôi bắt đầu thấy

1) Cửa nhà Gió Hú như trên kia đã nói ở treo biển An-Hạ năm 1500.

Người con trai này sống 300 năm sau cũng thuộc họ ấy, và cũng một tên với ông tổ An-Hạ. Việc trùng tên với những người trong một họ là sự rất thường ở nước Anh.

minh lạc lõng ở trong cái gia đình thú vị này. Ngồi đây thì có ấm áp trong người nhưng cái không khí tinh thần lại quá ư thâm đậm. Tôi định bụng nếu có đến đây lần thứ ba thì cần phải khảo lự cẩn thận.

Ăn xong tôi ra cửa sổ nhìn trời. Đêm tối sớm, hòa với đồi núi mờ mịt lẫn lộn trong gió bão và tuyết bay dày đặc. Tôi nói lớn tiếng :

— Về nhà lúc này mà không có người dẫn đường thì về sao được. Đường đi chắc tuyết đã phủ kín, mà không phủ kín thì cũng chẳng nhìn thấy chỗ đặt chân.

Ông Hy nói :

— Anh Hạ, dắt cừu xuống cửa nhà chứa cỏ, nếu để ở ngoài một đêm chắc chúng nó bị chôn sống.

Tôi kêu tiếp theo, mỗi lúc một tức thêm :

— Làm thế nào bây giờ.

Không một ai trả lời tôi. Bác Dội cho chó ăn, cô con dâu ông Hy thì ngồi cúi mình gần lửa, nghịch đốt những bó diêm ở trên lò sưởi rơi xuống. Bác Dội nói giọng rít lên :

— Sao lại ngồi đây, không làm việc gì cả, sưởi ấm trong lúc mọi người đều đi ra ngoài làm việc. Có thật là vô tích sự mà nói thì cũng như nước đổ đầu vịt. Thói nào vẫn tật ấy. Rồi cũng ma dẫn lối quỷ đưa đường như bà nhà khi xưa.

Trong một lúc, tôi đã tưởng những lời hùng hồn ấy nói về tôi. Khả tức tôi định tổng cò bác ta ra ngoài nhưng lời nói của cô nàng dâu hãm tôi lại :

— Bác nói quỷ đưa đường mà bác không sợ quỷ nó đưa bác đi à ? Nay tôi bảo cho bác biết.

Nàng lấy xuống một cuốn sách bìa đen :

— Tôi đã biết nhiều trò phù thủy. Bác cút đi ngay lập tức kéo nguy đến tính mệnh. Ai đi quá sẽ bị tôi trừng phạt... trừng phạt gì tôi không nói ra vội... nhưng rồi bác xem. Bác coi chừng đó.

Cô phù thủy vờ lộ một vẻ quái ác trong hai con mắt đen và bác Dội sợ hãi một cách thành thực vừa chạy đi vừa cầu kinh. Tôi cho là nàng vừa đùa nghịch quái ác chơi ; bây giờ chỉ còn lại hai người. Tôi nghiêm trang nói với nàng về hiện tình khó xử của tôi.

— Thưa cô, tôi xin lỗi cô. Tôi không sợ đường đột vì trông cô tôi biết chắc cô là người rất tử tế, xin cô chỉ lối cho tôi tìm được đường về tới nhà. Tôi đi ở vùng này chắc cũng khó khăn như nếu cô phải tìm đường đi Luân-đôn.

Nàng ngồi xuống ghế bên một cây nến thấp sáng và một cuốn sách mở để trước mặt :

— Ông đến đây do đường nào thì ông cứ lối ấy đi về. Lối chỉ bảo tuy vắn tắt nhất nhưng hay nhất.

— Thưa cô, nếu vậy khi cô nghe người ta tìm thấy tôi chết cứng trong một cái lạch, trong tâm cô có ray rứt rằng vì cô mà tôi chết không ?

— Tại sao ? Tôi không thể đi cùng ông được. Họ không cho tôi đi xa hơn cái góc tường ở ngoài vườn kia.

— Cô à ! Có đời nào tôi dám nhờ cô đi ra khỏi cái nhà này trong một đêm như đêm nay chỉ để tiện việc cho tôi. Tôi chỉ xin nhờ cô chỉ cách thức đi, hoặc bảo ông Hy cho tôi một người dẫn đường.

— Sao được ! chỉ có ông Hy, Anh Hạ, bác Dội, chị Dị và tôi.

— Thì ra tôi bắt buộc phải ở lại.

— Việc đó ông bàn với ông chủ. Không cần dự đến tôi.

Tiếng ông Hy nói ở cửa bếp vọng vào :

— Đây là một bài học hay cho ông, đừng có liều lĩnh đi xa trong vùng núi này. Còn như ở lại đây tôi không có chỗ tiếp khách. Hoặc ông phải ngủ với An-Hạ, hoặc ngủ với bác Dị.

Tôi đề nghị :

— Tôi ngủ trên một cái ghế ở phòng này cũng được.

Anh chàng xỏ lá và thô lỗ nói ngay :

— Không được. Một người ngoài là một người ngoài. Không cần họ giàu hay nghèo. Tôi không tiện để cho ai xử dụng cái buồng này trong khi tôi không có đó để trông nom.

Lời chữ hồn xược đó làm tôi cáu đến tột bậc. Tôi thốt ra một tiếng khinh ghét, đi ngang qua mặt ông ta, chạy thẳng ra sân. Trong lúc vội vã tôi chạm phải An-Hạ. Tôi đi vòng quanh nhà để tìm lối ra, và được chứng kiến thêm một lối họ cãi nhau khác nữa. Lúc đầu anh chàng Hạ hình như thương hại tôi :

— Tôi sẽ đi với ông ta đến cổng rừng.

Ông chủ Hy (nếu quả thực ông này là chủ anh chàng kia) quát to :

— Anh sẽ đi với ông ấy xuống cõi âm ty. Thử hỏi, thế ai săn sóc đám ngựa, hử ?

Cô nàng đầu lại nói một câu tử tế không ngờ :

— Đòi một người còn quan trọng hơn sự săn sóc mấy con ngựa. Phải có ai đi với ông ta.

Chàng Hạ kháng cự liền :

— Tôi không thêm làm theo lệnh cô ! Nếu cô nghĩ đến số phận ông ta thì tôi khuyên cô nên im cái miệng.

— Thế thì hồn ma của ông ta sẽ nhập vào anh và nhà của ông Hy

cho đến lúc đồ nát cũng không đời nào có người thuê.

Tôi liền đến phía bác Dị. Bác ta đương lau bàn :

— Ông xem. Cô ả đang nguyên rửa họ.

Tôi giắt lấy cây đèn lồng của bác Dị rồi chạy ra cổng. Lão già vừa đuổi theo tôi vừa kêu :

— Này ông chủ, ông chủ, họ dụt mất đèn. Sịt sịt ! con vện, con sòm đầu, ra ngay giữ chặt lấy người này !

Hai con chó xồm nhẩy lên cổ tôi, đè ngửa tôi xuống đất, đèn phụt tắt và tiếng cười của ông Hy và anh Hạ làm tôi tức lộn ruột. Cũng may mà chúng nó không muốn nuốt sống tôi, nhưng chúng cũng không muốn tôi hồi sinh, thành thử tôi cứ phải nằm ở đất mãi cho đến khi bọn người nhà chịu ra đánh tháo cho tôi. Lúc đó người tôi run lên vì tức, tôi quát họ phải để tôi đi, nếu họ giữ tôi lại một phút nữa thì xảy ra việc gì họ phải chịu trách nhiệm. Tôi vùng vằng mạnh quá thành bị chảy máu mũi. Ông Hy lại càng cười, tôi lại càng nguyên rửa. May có chị Dị, mẹ quản gia lực lưỡng, chạy ra xem việc gì. Chị tưởng ai đánh tôi chảy máu. Không dám nói động đến ông chủ, mẹ quay lại anh chàng Hạ :

— Này, cậu Hạ, Cậu định giết người ngay ở trước cửa nhà ả ?

Mẹ bảo tôi vào nhà để mẹ chữa cho, Mẹ té nước lạnh vào cổ tôi rồi đưa tôi vào trong bếp. Ông Hy chạy theo sau, vẻ vui cười chốc lát biến ngay, và nét mặt ông lại trở lại đám chiêu như thường.

Tôi thấy khó chịu, đầu choáng váng. Thành thử tôi bỏ buộc phải ở lại. Ông Hy bảo chị Dị cho tôi một cốc rượu mạnh rồi đi sang buồng khác. (còn tiếp)

NHẤT-LINH dịch

Em vẫn là mây



Liên - Giang thử dạ Tân - kiều nguyệt
Giang nguyệt tình chung thủy chiếu nhân.

V.H.C

*Lờ lững sông Seine mắt mở choàng
Nhìn theo muốn mảnh nguyệt đi hoang
Bỗng dưng tròn bóng — Ồi ngàn thuở
Vân-Muội tình si đã gặp Hoàng —*

Sao anh ngỡ ngác — Lạ lòng chưa —
Em vẫn là mây tự kiếp xưa
Trời xám Paris thu nặng chiu
Lênh đênh sầu biết mấy cho vừa

Chợt gió thay chiều sao đổi ngôi
Em ca : Xin bước xuống thuyền tôi
Tiếng ngân dài ấy nghe quen lắm
Khoảnh khắc tiền thân tỉnh lại rồi

Cầu Neuf đằng xa buông thông chân
Vào sông Seine lắng tiếng vàng ngân
Khoan hò — Giọng hát chìm thê thiết
Ai nhớ nhưng gì Ván hỡi Ván

Em bảo : Rồi trăng lặn một mình
Thì mây lại nổi kiếp phiêu linh
Chỉ thương bờ đá còn ghi dấu
Mà đá thuyền quyên vốn nặng tình

Thạch đầu ngơ ngẩn bóng mây trôi
Thiết tháp hờn trăng lạnh lẽo ngồi
Anh ợ Paris toàn sắt đá
Lòng đau sắt nọ đá này thôi

Anh kiêu — Vàng thu sẽ rẩy men
Lá rơi vàng kín mặt sông Seine
Hồn anh sẽ động dài trên lá
Để giúp em màu đàn áo len

Ván nhớ Hoàng chàng giữa phút này
Cánh phi cơ lướt cánh đồng mây
Nhớ Ván Hoàng chỉ còn hư ảnh
Đôi bạn tung trời sát cánh bay.

Mùa thu 1959

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

Lời chú của Tác giả — Liên-giang và Tân-Kiều tức là sông Sen (Seine) và cầu Mới (Pont Neuf) ở Ba-lê (Paris) — VÂN - MUỘI và HOÀNG-LANG là hai vai chính trong vở kịch-thơ VÂN - MUỘI của tác giả công diễn tại Hà-Nội từ 1942.

CON KIẾN

TRUYỆN NGẮN CỦA HOÀI THU

Gửi Liên

Thủy đau đã hơn tuần lễ rồi. Bệnh không nặng lắm, nhưng vì hay chóng mặt, nên Thủy cứ phải nằm mãi một chỗ. Vì vậy Thủy bức bối hết sức. Nhưng cứ mỗi lần ngồi dậy, là đầu óc choáng váng khó chịu. Giá cứ gượng đi, chắc không khỏi ngã.

Sáng nay, lúc thức giấc, Thủy cảm thấy trong người hơi khỏe. Thủy ngồi dậy, rồi men theo bốn phía tường, Thủy tập đi. Được một vòng, Thủy mệt phờ ra, chân run dữ, Thủy lại nằm vật xuống giường thờ ờ cả bằng mũi bằng miệng mới kịp.

Im lặng quá ! Ba mẹ Thủy, giờ này đã đi làm. Còn vú già thì đang quét dọn ngoài sân. Thủy cố với tay mở toang cửa sổ ra. Ánh nắng ủa vào tới tấp. Nhưng vẫn hoàn toàn yên

lặng, một thứ yên lặng quá quắt của một vùng ngoại ô hẻo lánh. Không cả một tiếng chim sẻ. Thủy lại nằm xuống đưa mắt nhìn những ngọn cây cao. Lá lặng im đùa với gió... Thủy nhớ đến những hôm cùng các bạn ngồi dưới gốc mận trong vườn Thủy. Mận lúc ấy đang mùa. Biết các bạn thèm lắm, Thủy định lấy sào khoèo, nhưng chị Hường bảo đừng, rồi chị leo tuốt lên cây, hái ném xuống cho bọn ở dưới. Chị Vân vừa ăn vừa hát cho Thủy nghe mấy bài hát mới. Giọng chị ấm và ngân lắng. Chị Ly đùa :

— Cái con Vân này, đi đâu mà cũng rận ra mà hát được hết. Thực xứng với con Hường, thấy cây là muốn trèo.

Hường ở trên cây nghe thấy, ném một trái mận vào đầu Ly và hét :

— Khoái chưa hở bà ! Chờ đi nhé !

Cả bọn cười sặc sụa : ...

Ấy thế mà đến lúc Thủy đau, chẳng thấy « ma » nào đến cả. Thủy không trách, bởi là sắp đến mùa thi, đứa nào cũng lo cắm đầu cắm cổ mà học « gạo ». Chỉ có Thủy là thiệt. Nhè lại đau đúng vào lúc sắp thi.

Thủy xoay mình nằm quay mặt vào lưng tủ của bàn học. Thành bàn loang lổ những vết mọt đục. Tần mẩn, Thủy đưa ngón tay đếm từng lỗ xem thứ có tất cả được bao nhiêu. Mười... mười lăm... mười tám... Bỗng ngón tay Thủy dừng lại : một con kiến què đang mọt. Nó bò rất chậm. Mỗi lần định đi, là nó đứng yên một chút như thề dò xét. Hai cái râu ngo-ngoe, ngo-ngoe... Rồi mấy chân trước nó đặt vào một chỗ rất chắc, nó bấu chặt vào đấy và kéo lê thân mình và cái chân què đi theo. Cứ thế trong năm, sáu bận liền.

Có lần Thủy thấy nó đứng yên thật lâu. Thủy đoán chừng là nó nghỉ cho đỡ mệt. Hai cái râu kiến thôi không động dẩy nữa, mình nó thu nhỏ lại, cái chân què ở sau cùng soãi ra. Thủy thì thầm :

— Ai làm cho mày què đấy, hở kiến ? Tội nghiệp chưa, mày bé bỏng quá !

Thủy tưởng chừng như nghe được cả tiếng rên rỉ của con kiến. Một ý nghĩ loé ra trong óc. Quên cả đau. Thủy ngồi phắt dậy, trèo lên ngồi ở mặt bàn và với tay qua bên kia mở học lấy kính « lúp », xong Thủy lại

xuống giường nằm theo dáng điệu cũ, mặt xoay về lưng học tủ của bàn học. Rọi kính, con kiến được phóng đại : chân cuối cùng của con kiến như sắp rời ra.

Sau một chập nghỉ ngơi, hai cái râu nó lại bắt đầu động dẩy. Thủy đưa tay lên đầu rút kẹp tóc và lại với tay lên bàn ngủ ở đầu giường lấy chai mật xuống. Đoạn Thủy chấm chút mật vào cây kẹp, rồi soi kính chờ lúc hai cái râu vừa đứng im là Thủy phết ngay vào râu. Thủy bảo nó :

— Cho mày chút mật đấy. Tội nghiệp ! Sáng giờ mày đã ăn gì chưa ?

Thủy thấy con kiến dừng hai chân trước vuốt vào râu. Cái đầu bé xíu nghiêng qua, nghiêng lại, nghiêng qua, nghiêng lại... Thủy tiếc mình không nghe được tiếng kiến. Không chừng con kiến đang vừa liếm mật vừa thốt lời khen ngợi cô bé tốt bụng và hiếm có như Thủy. Mẹ Thủy chẳng đã kể rằng đời xưa có cái ông gì đó (Thủy quên tên mất rồi) nhờ ngậm ngọc nên nghe được tiếng loài vật nói đấy sao ?

Con kiến sau khi liếm xong chút mật ở râu, lại nằm yên.

Thủy dục :

— Đi đi nào ! Cố gắng lên đi em ! Đây, ngo-ngoe cái râu lên, rồi đặt hai chân trước vào một chỗ thật chắc, và trườn tới. Nói biết nghe, rồi chỉ cho ăn mật nữa, em !

Con kiến vẫn không chịu nhúc nhích. Nó cố gắng thu mình cho nhỏ lại. Thủy gò cộp-cộp vào thành

bàn đề dục nó. Nghe tiếng động con kiến mới về-oài rướn mình ra, hai cái râu bắt đầu ngo-ngoe. Hình như nó muốn bảo Thủy :

— Cái cô bé này làm rộn quá ! Tôi đã què hết một chân mà cô không chịu để cho tôi yên một chút, cứ phá hoại !

Thấy con kiến hơi động dậy, Thủy càng gõ già hơn. Nó bắt đầu đưa hai râu sờ soạng tìm một chỗ bám. Rồi hai chân trước bấu chặt vào, con kiến bò đi thật chậm chạp trước đôi mắt đác chí và tinh nghịch của Thủy. Thủy lấy một mẩu phấn vẽ một vòng tròn thật nhỏ nhót con kiến lại. Ngoài vòng tròn đó, Thủy nhỏ một giọt mật. Thủy bảo :

— Mày bò khỏi vòng này thì tha hồ mà hút mật.

Rồi bắt chước giọng giáo sư Thủy giảng :

— Đây là vòng nghiệp chướng (Thủy chỉ vào vòng tròn) và đây là Thiên Đàng (Thủy lại chỉ vào chấm mật). Để thoát khỏi nghiệp-chướng, thì mày sẽ được no nê ở Thiên Đàng. Muốn vậy, mày phải tranh đấu. Không ai nằm yên mà được kết quả tốt hết. Rắn bò ra đi !

Con kiến què vẫn loay hoay trong vòng tròn phấn. Nó kéo lê cái chân đi què tới. Nhưng khi chạm phải cái vòng nghiệp chướng của Thủy vẽ ra thì nó thụt ại. Cứ mỗi lần thụt lại như vậy thì cái chân què xẽ tới ằng trước, cho nên con kiến phải dùng chân kể bên đây cái chân què về phía sau. Nó loay hoay đủ mọi chiều mà cũng không thoát ra được.

Một chốc sau nó nằm ỳ ra đó, đầu hướng về mặt. Thủy nói :

— Mệt rồi à ? Phải cố lên chứ ! Mày sợ trượt chân khi dẫm lên lần phấn chớ gì ! Khôn quá ! Nhưng phải can đảm chớ ! Rắn lên em ạ !

Mấy con kiến khác bắt mùi mật chạy lên. Thủy phải gõ cốc... cốc..., vào thành bàn đề xua chúng đi. Vừa gõ, Thủy vừa mắng :

— Lũ quỷ này ! Của chúng mày đây à ? Chỉ được có cái hấu ăn là không ai bằng. Đây là vườn cấm của Thượng Đế. Chỉ có Adam và Eve mới được vào để hưởng tội lỗi đầu tiên của nhân loại mà thôi ! Tao rào vườn lại cho mà xem !

Nói xong, Thủy lại cầm lấy phấn vẽ một vòng tròn lớn bao cả vết mật và cái vòng tròn nhỏ nhót con kiến.

Thủy lại hỏi con kiến què :

— Mày là Adam hay Eve hả ? Tao muốn mày là Adam hơn. Tội nghiệp, Eva của mày chắc đang đi hái hoa, phải không ? Thôi, mày Adam, cố lên !

Con kiến cứ nằm yên, chỉ hơi cựa quậy rất nhẹ hai cái râu ngắn ngủn. Thủy lại rúp rệp tóc chấm vào chai mật, rồi chờ cho hai cái râu vừa đứng yên, Thủy phất mật vào râu. Con kiến doãi mình ra, đưa hai chân trước vượt vượt hai cái râu, rồi đưa chân vào miệng. Có lẽ nó đang liếm mật, như một con mèo con mới tập ăn cháo. Rồi lại vượt râu, vượt qua, vượt lại, cái đầu bé xiu lắc lư, lắc lư.

Thủy hỏi :

— Thế nào ? tìm bở xong rồi, bây

giờ thì đi chứ ? Rán qua khỏi lần mức, thì tha hồ mà hút mật nhé ! Rồi ta sẽ nhắc mây ra khỏi hàng rào của khu vườn cấm đề mây về nhà. À, mà nhà mây ở đâu ? Phải tao biết, thì tao đưa mây về tận ồ. Thôi, vượt qua đi.

Con kiến vẫn nằm yên, ngo ngoe hai cái râu. Thủy lại gõ cộp cộp vào bàn. Con kiến vẫn hoàn toàn bất động. Thủy phồng má nhẹ thổi, con kiến nằm sát vào mặt gỗ và bám chặt mấy chân lại. Thủy dọa :

— Chết mây ! Gió bão đấy ! Đi mau lên kéo chết.

Nhưng Thủy bỗng phì cười. Giá mà con kiến nó biết Thủy dọa...

Khi Thủy ngừng thổi, nó bắt đầu bò đi. Đến sát vạch phấn nó dừng lại, dẫn đo. Thủy dục :

— Can đảm lên. Vượt qua đi !

Như đề làm thỏa mãn Thủy, con kiến đặt hai chân trước lên lần phấn. Hai cái râu ngo ngoe mạnh hơn. Mấy giây sau, có lẽ đã suy nghĩ kỹ, nó trườn mình tới. Thủy vỗ tay reo :

— Hay lắm ! giỏi lắm ! Rán lên đi em !

Lần phấn vẫn chưa hết. Bụng kiến dính bết những phấn. Lưng nó cũng có bụi phấn bám vào. Nó lại đặt hai chân trước và lần này nhanh hơn, nó lại trườn tới. Nhưng khi nó vừa nhắc mình lên, thì một chân dưới của nó như sắp rời ra. Nó vội vả búi lấy bằng mấy chân còn lại, và từ từ nó thụt vào. Thế là nó vẫn còn bị nhốt ở trong « vòng nghiệp chướng » của Thủy.

Thủy buông lời chê bai ;

— Mày ngu quá ! Ai bảo vội vàng cho lắm vào ! Mày mà mày không lần cù đấy ! Nghỉ một chút đi rồi lại bắt đầu.

Con kiến nằm sát bên lần mức, yên lặng. Thân hình nó co rúm lại. Thủy lại gõ cộp... cộp vào thành bàn và thổi phù... phù... Sau hơi thổi thứ hai, con kiến chỉ hơi doãi mình ra một chút, mà không chịu đi. Thủy lại hỏi :

— Cái chân què nó làm mày vướng víu lắm hả. Đề tao làm bác sĩ tao cắt cho.

Thủy lại quờ tay lên bàn ngủ ở đầu giường và lấy xuống một lưới dao cạo móng. Con kiến vẫn nằm yên, cái chân què soãi ra đằng sau. Thủy chặn lưới dao vào chân kiến. Khi con kiến vừa quẩn mình lại, thì Thủy ấn mạnh lưới dao xuống. Cái chân què đứt rời ra. Thủy hỏi :

— Nhanh đấy chứ, em ? Bây giờ thì đi đi, hết vướng víu rồi !

Lần này con kiến nằm yên một chỗ đôi râu như thụt vào. Mình nó cũng co rúm lại. Thủy chấm trước mặt nó một chút xiu mật. Thủy dục :

— Ăn đi cho lại sức rồi còn đi chứ !

Con kiến vẫn nằm yên. Thổi phù... phù... gõ bộp, bộp cũng chẳng ăn thua gì. Thủy tức lắm, nhưng không làm gì được, đành nằm yên rình xem con kiến bé xíu nó định giờ trò gì ra.

Một chập lâu sau, nghe chừng yên

rặng, con kiến mới chịu thò hai cái lâu ra, ngo ngoạy, và uề oải hút mật. Thủy nhìn một chập, chờ cho kiến mê ăn mới dùng lưỡi dao cạo xấn mạnh xuống. Tức thì hai cái râu đứt lìa, dính vào vết mật, con kiến vội co mình lại và nằm yên như chết.

Thủy rầy rà :

— Ai bảo đục mãi mà mày không chịu ! Bò đi !

Rồi Thủy nằm yên chờ nó. Mãi một lúc sau con Kiến cũng vẫn bất động. Tuy nhiên, mấy cái chân vẫn bấu chặt vào thành bàn. Thủy lấy kẹp khẽ đụng nó, nó chỉ hơi cựa mình một chút rồi lại nằm yên. Thủy dùng lưỡi dao cạo vớt nó ra khỏi vòng phấn và đặt nó vào giữa vết mật. Con kiến vẫn không thêm liếm một chút mật nào hết. Thủy lại gõ bộp bộp vào gỗ và lại thôi phù...

phù... Con kiến vẫn nằm yên, như không kể gì đến sự nóng ruột của Thủy. Thủy lại gõ và trong lúc vô ý tay Thủy đụng phải con kiến. Tức thì nó rơi xuống đất.

Thủy bùm mặt lại chợt có cảm giác nhồn nhột như có một con kiến to kèn nào đó đang bò trong cổ họng rồi một cơn ho tràn đến làm Thủy ho sặc sụa. Vú già ở ngoài vườn lật đật chạy vào. Thủy cố nén ho bảo vú :

— Vú, vú chùi hộ hai cái vòng tròn phấn này cho con đi ! Nhanh lên !

Rồi Thủy lại ho. Vú già lấy vại ướt lau chùi và ngấm nghĩ không hiểu vì lẽ gì mà cô chủ nhỏ của mình lại bắt chùi vội vạch phấn như vậy

HOÀI THU

THĂNG - LONG ĐIỆN - ẢNH

- ★ NHẬN LÀM TẤT CẢ CÔNG VIỆC NHIẾP-ĐIỆN ẢNH
- ★ CHỤP ẢNH CHÂN - DUNG MỸ - THUẬT TÀI - TỬ
- ★ PHÓNG SỰ BẰNG ẢNH VÀ QUAY PHIM

39, Nguyễn - đình - Chiêu (TÂN - ĐỊNH) SAIGON

NỖI BUỒN DÃ THÚ



Dans les nacelles de l'enclume
Vit le poète solitaire
Grande brouette des marécages
R. CHAR

1.— Tôi chạy trốn thực tại
Nửa khuya đường run quần quai
Đỏ trời ngàn mũi tên
Theo dồn cuồng đại mưa sa
Tôi là dã thú bơ vơ
Chán đếm buồn bờ ngõ
Lá vàng ánh lửa mệnh mỏng
Mắt đèn lên đỏ sọc
Hình thù quái vật hồng hoang
Bản khoản tìm dĩ vãng
Về dấu hang động địa dằng

2.— Từng building lở lói
Làn da khô mồi vết đau
Màu sắc dày séo nhau

*Vết thương nhân bản đáng sầu
Khập khiễng từng vết thang
Bơ vơ chiều ngủ lạnh hoang*

3

*Tôi lạc từng hội nhạc
Thoáng nghe âm-thanh khánh-ngọc
Mái tóc rèm ri-đỏ
Sân khấu đời ai bơ vơ
Say hát bằng hồn mình
Cuồng nhiệt không bao giờ hết
Tôi nhìn rất say mê
Đề tìm ý nghĩa đau khổ
Tôi nghĩ rất vô nghĩa
Băn khoăn nhìn mặt tình yêu
Tôi trao đổi hoài nghi
Những tình yêu lớn hôm nay
Tình thương của hồn người
Rơi rơi đầy lòng nhạc thơ
« Khán thương nhớ ai
« Khán vất lên vai
« Khán thương nhớ ai
« Khán chùi nước mắt
Tóc em màn ri-đỏ
Sân khấu đời đang vui ca
Trên khuôn mặt đắm say
Trong mắt buồn tận thế*

4

*Tôi theo gió ban mai
Về đồng quê xanh cỏ mượt
Một nếp chùa thoi thóp
Bờ bưng nước mặn chảy dài
Chùa hoang nghèo nếp oản
Vàng son tượng cũ mờ phai
Nếp trán ni cô già
Gió mưa chất đầy tóc bạc
Ngõ cũ buồn ngơ ngác*

Mưa khuya gõ mõ Phật đài
 Nắng mờ mờ bùng cỏ
 Chó đói thân lẻ đài
 Tôi trở về đám hội
 Tìm đâu một mảnh quê hương
 Tháng giêng hoa bưởi hoa soan
 Cờ tung bay ngũ sắc
 Khói hương mờ nếp tam quan
 Những màu áo quê hương
 Vòng tay bạn gái mới quen
 Tìm nhau trong đám hội
 Cờ tung bay vẫy gọi
 Có mối hồng cần chỉ
 Có tượng Phật hiền vui cười
 Tôi lắng mình vào đêm
 Như đồng cỏ hương hoa dại
 Ngan ngát nếp say mê
 Tôi trốn vào mảnh hồn quê
 Lạc lõng giữa kinh thành
 Bừng bừng màu lửa móng mệnh
 Quay cuồng trước mặt mình
 Hội hoa đăng vui mờ mả
 Lửa đỏ chấp chờn rung
 Ngủ im một vại nhánh trể
 Hoang sơ như rễ cây
 Sân chùa hương khói mờ bay...

5

Tôi nhìn mãi không gian
 Cánh bèo nổi trôi bập bềnh
 Tôi, nỗi buồn đã thú
 Đổ lửa đêm dài hồng hoang
 Bơ vơ tìm lại địa đàn...

PHAN LẠC TUYẾN

1980



TRƯỜNG CHI

KỊCH THƠ
SÁU MÀU, BỐN CẢNH

của
MINH-ĐỨC

(Tiếp theo)

MÀN IV

(Vẫn cảnh phòng Mị Nương, thêm Trương Chi, Mị Nương nằm thêm thiếp, Phu nhân ngồi bên cầm tay lo lắng, Kiều nhi đứng sau lưng, Lương y khoanh tay trước rèm rồi vẩy tay ra hiệu cho Trương Chi đang nấp sau rèm. Trương Chi cất giọng hát. Tất cả mọi người cùng lắng tai nghe. Mị Nương tỉnh dần. Mọi người đều có vẻ say mê. Nghe một lúc lương y đến án thư ngồi viết đơn thuốc, Kiều nhi sửa soạn lại chậu hoa. Mị Nương từ từ ngồi dậy nhìn mẹ mỉm cười. Sửa xiêm áo rồi đi lần đến rèm. Bên trong Trương Chi cũng lần đi ra hai người trông thấy nhau, nửa phút im lặng).

MỊ NƯƠNG : Chàng, trời ơi thì ra đây là chàng.
(hai tay che mặt)

TRƯƠNG CHI : Nàng !

(đứng sững sờ nhìn một lúc rồi cũng đưa tay ra che mặt. Mị Nương quay gót chạy vội vào giường úp mặt xuống gối thỏn thừ. Kiều Nhi và phu nhân đều giật mình ngơ ngác. Trương Chi hiểu ý biết mình xấu nên quay đầu chạy trốn. Lương y lắc đầu xong, gật gù thấy bệnh đã thuyên giảm).

MỊ NƯƠNG : (giọng chua xót).

Thôi là hết ! thôi tan rồi giấc mộng
Yêu quỷ nào dám mượn giọng của thần tiên
Thế là tan bao ý đẹp mầu duyên
Sao tạo hóa có ta riêng tàn nhẫn
Ôi sự thực, xấu xa, kinh hoàng ghê tởm
Ta vẫn hằng mơ tưởng một văn nhân
Một kẻ tài hoa lịch sự muôn phần
Mà sự thực...
(ngồi dậy xá mẹ)

Xin mẫu thân tha tội

PHU NHÂN : (vui mừng vì thấy con khỏi bệnh)

Thôi con ơi đừng nói
Mẹ xin con hãy yên nghỉ giờ đây
Giấc mộng cuồng đã chấm dứt từ nay
Tuổi thơ ai chẳng thêm say
Khi nghe hương lạ, khi mây đổi màu

KIỀU NHI : *(vui vẻ)*

Sông núi hết buồn đau
Tiểu thư rồi hết âu sầu nhớ nhung
Năm canh trường thời linh lung bóng nển
Khung lụa đào tơ nhện thời ngừng giăng
Rồi mai đây hoa đăng
Tưng bừng mở hội thi văn dập diu
Sương khuya hết đìu hiu
Tiếng tơ ngừng ảo não
Gót hài thôi bâng khuâng
Vang vang nhịp đàn sáo
Nghiêng nghiêng làn sóng mắt giai nhân

LƯƠNG Y : và đây bài thuốc bổ tâm

Bệnh tình thuyền giảm mười phần còn hai

PHU NHÂN : Hoa Đà ở chốn trần ai

Ngậm vành kết cỏ hôm mai ơn dày
Nhờ danh y đã đến đây
Lầy độc trị độc ơn này xin ghi

LƯƠNG Y : Này sâm nhung, này cam thảo, này quế chi

Bệnh cần tẩm bổ, hoãn tri chẳng nên
Tuy mai đây sẽ lãng quên chuyện cũ
Nhưng tâm tư còn ủ rũ bơ phờ
Tuổi xuân đang độ ngầy thơ
Còn vui, còn khỏe, còn mơ mộng nhiều.

KIỀU NHI : *(túm túm cười)*

Ai chẳng thêm yêu
Trước gió tình ai chẳng thấy lòng xiêu

Đêm mưa về ai chẳng buồn cô liêu
(ba người lặng lẽ đi vào lần lần)

MỊ NƯƠNG : (đến gần án thư xé hết những hình ảnh tượng
tượng)

Thôi còn đâu nữa

Những chiều về gây ánh lửa yêu đương

Giọng ngân dài thăm thăm tự ngàn phương

Giọng nức nở lời nhớ thương tình tứ

Ngưu lang ơi, giá đừng yêu Chức nữ

Thì mực đời không ghi trang lệ sử của người
Tiên

Thì trần gian không theo vết mối tình điên

Thì nhân thế không ưu phiền tưởng nhớ

Tìm tiếng gió nhưng nào đâu thấy gió

Trông theo mây, mây đã đổi muôn hình

Thôi hết rồi, giấc mộng của ngày xanh

Mẫu tình ái hay long lanh màu lệ

Giá đừng gặp thì tình không biến thể

Giọng thần tiên vẫn tưởng giọng của người Tiên

Tan rồi giấc mộng cuồng điên

Tan rồi hình ảnh một miền tương tư

MÀN V

Cảnh 3 :

(Cảnh sông nước bao la, một mái lều tranh, bên cạnh một con thuyền câu nhỏ, có lưới rách phơi ngoài sân. Trương Chi ngồi trên cái chõng tre, cạnh đấy một cái bàn gỗ nát để ẩm tích, chén đất mẻ. Trong góc có ba ông Táo, bếp tro lạnh và một cái nồi đất. Trương Chi, thêm giọng nói của Định Mệnh)

TRƯƠNG CHI : Ôi giai nhân, hỡi giai nhân

Còn đâu thuở nào láng láng

Đợi chiều về ra chăng lưới

Đánh cá mang về nuôi thân

Ôi giai nhân, ôi giai nhân
 Bao giờ cho hết băng khuâng
 Giọng tình đành cầm tự dấy
 Lệnh truyền phải biết lo thân
 Dầu lệnh không truyền xuống
 Tình ta thôi cũng đành cầm
 Nhưng nàng và ta,
 Xa quá đổi muôn trùng
 Nàng trên cao vọi vọi
 Người của xứ thiên tiên
 Ta phận hèn đá sỏi
 Sao đòi mơ chốn Đào nguyên
 Nhưng lòng ta ơi, yêu rồi từ buổi ấy
 Nàng vì ta mà bệnh não cuồng điên
 Giá biết sớm, dù gió mưa nổi dậy
 Ta quyết thề không giáp mặt người Tiên
 Để tim nàng ôm ấp
 Hình ảnh một văn nhân
 Giọng tình ta đồn dập
 Khi chiều lên băng khuâng
 (gục mặt)

GIỌNG ĐỊNH MỆNH

Người điên rồi Trương Chi ơi
 Người hãy ra khoát nước
 Thử nhìn xem mặt mình
 Phận ếch nhái sao dám đòi mơ ước...
 Một chiếc thuyền câu, ngày tháng lênh đênh
 Nghèo không được quyền thương nhớ
 Nghèo không được quyền ngóng trông
 Nghèo ngày đêm lo kéo vó
 Hồ khoan giọng hát lướt trên sông

TRƯƠNG CHI: (ngẩng lên oán trách)
 Định mệnh sao khắc khe
 Khéo bày chi xấu đẹp

Vải bố hờn lụa the
Đài trang khinh lều xép
Nhưng đài trang hay lều nát
Cũng đã một lần yêu đương
Những buổi chiều về thơm mát
Nàng lắng nghe, ta cất giọng du dương
Từ buổi rời cung cấm
Ta mang theo hình ảnh của giai nhân
Quên kéo vó, mãi buồn thương phận hẩm
Mấy đêm ròng, nghe gió lướt ngoài sân
Có tiếng lá
Hay người yêu tìm đến
Đề cùng ta sống bản nhạc xuân tình
Giai nhân ơi
Đây gấm vóc ta dệt bằng thương mến
Đây lâu đài xây dưới bóng trăng chênh

ĐỊNH MỆNH : Diên rồi Trương Chi
Người yêu nào thêm đến
Chỉ là tiếng gió vu vi
Sóng vỗ con thuyền dưới bến
Từ mấy hôm nay Trương Chi ơi, người đã ốm
Nói liên miên lời cuồng dại mê man
Phận xấu xí nghèo hèn sao dám hờn
Bệnh tương tư là bệnh của kẻ giàu sang

TRƯƠNG CHI : *(cao giọng)*
Giàu sang, giàu sang, ước gì ta được giàu sang
Đề ta cho kiệu rước nàng về đây
(hạ giọng thiết tha)
Ôi nhan sắc thơ ngây màu nắng sớm
Hồng đôi môi, mơn mẩn cánh đào tơ
Huyền mắt nhung, chứa đựng cả trời mơ
Liều tóc xoắn, như màu tơ liễu rủ
Nhan sắc ma quái hay thần tiên quyến rũ
Mị Nương nàng, giờ đang ngủ say sưa

Có mình ta ngồi đếm cánh sao thưa
 Nghe sóng vỗ hững hờ ngoài bến vắng

ĐỊNH MỆNH : Thôi Trương Chi, ta khuyên người hãy
 ngừng đi

Hãy dẹp mối tình làm ly
 Mấy ngày không cơm cháo
 Từng cơn sốt điên cuồng
 Người sẽ chết trong một đêm mưa bão
 Ôm mối tình mộng ảo đến Thiên vương
 Nàng đẹp như Lan Bạch ngọc
 Người xấu như vũng bùn đen
 Nàng vui tươi trong gấm vóc
 Còn người, lều tre xơ xác đã quen

TRƯƠNG CHI : *(cười điên dại)*

Ha ha ha, lều tre xơ xác đã quen
 Nhưng người Tiên cũng từng phen yêu mình
 Những chiều sông nước lênh đênh
 Con thuyền thả lưới giăng tình trên ai
 Nhan sắc sẽ mờ phai
 Nhưng chân tình bất diệt
 Đẹp hôm nay, không đẹp nữa ngày mai
 Mà tình ái càng lâu dài càng thấm thiết.

ĐỊNH MỆNH : Người điên chẳng
 Tình người tuy thấm thiết
 Nhưng ai thềm đoái hoài
 Mối hồng và mắt biếc
 Dành riêng chốn thiên thai

TRƯƠNG CHI : Nhưng còn giọng hát
 Nàng yêu ta vì giọng hát mênh mông
 Người ta tuy rõ lác
 Mỗi chiều nắng ngả bên sông
 Ta thả giọng ru người trinh nữ
 Tuy không gấm vóc, vàng son, dinh thự
 Nhưng giọng ta tình tứ suốt ngày đêm

Đôi cánh tay làm việc
Giọng tình ta say sưa
Mối tình ta thắm thiết
Mãi lều che nắng mưa

ĐÌNH MỆNH : Lưới cá ban chiều không phải sơn hào hải vị
Giọng hát ban chiều không bằng nệm ấm
chăn êm
Mối tình tha thiết không sánh vàng châu
ngọc quý
Lều vắng ban chiều không che sương nắng
ngày đêm

Tình người đành thất vọng
Ôm hận xuống tuyến đài
Xác trôi theo gió sóng
Dạt dào không ngày mai

TRƯƠNG CHI : Mị nương ơi, ai sinh ra nhan sắc
Đề cho nàng mang đôi mắt huyền nhưng
Ta phận nghèo sao lọt chốn thâm cung
Kìa chim bướm, biết chung đôi sát cánh
Ta, sợ xác lều tre sương gió lạnh
Nàng, huy hoàng cô quạnh ngợp bơ vơ
Kiếp nào xưa sao không hẹn nhau chờ
Nên để kiếp này đây tơ lũng phím
Ngày mai khi sao lịm
Chắc ta cũng không còn
Gửi nhờ làn gió tím
Mang tin đến lầu son
Gió sẽ bảo với nàng ta đã chết
Hồn bơ vơ như xác cũng bơ vơ
Gió sẽ nói tình kiếp này chột hết
Nhưng kiếp sau, và vạn kiếp ta chờ
Mị nương ơi,
Nàng yêu nhạc, hồn ta vương trong nhạc
Nàng yêu hoa, hồn ta kết thành hoa
Gió uất khí chiều lên tiếng hát
Riêng gửi nàng đây khúc hận tình ca

ĐỊNH MỆNH : Đêm tàn, sao sắp phai
Lời cuối cùng than thở
Ngừng tiếng trong ngày mai
Giọng tình thời nước nở

TRƯƠNG CHI : *(đứng dậy ra ngoài sân)*
Hỡi Thượng Đế hiền từ xin tha tội
Đầy con đường về cõi chết thênh thang
(Có tiếng sấm nhỏ)
Nếu có phải yêu đương là làm lỗi
Và ái tình chỉ dành cho những kẻ giàu sang
(quay về phía lầu)
Mị Nương hỡi, xin cùng nàng tạm biệt
Duyên kiếp này ta hẹn kiếp nào sau
(quay ra sông)
Và sông nước đây là giờ vĩnh quyết
Trút hơi tàn, trọn một kiếp thương đau
(giống tổ nổi, sấm chớp, màn hạ)

MÀN VI

Cảnh 4

(Phòng khách lộng lẫy, hoành phi câu đối, trướng gấm vàng, son, ghế bọc nhung trạm trổ. Một chiếc bàn chạm giữa dưới bàn một cành hoa Đào lớn rực rỡ. Mị Nương đang ngồi thêu. Mị Nương, Kiều Nhi, thêm người điều khắc.)

MỊ NƯƠNG : Đã mấy thu qua rồi
Vết thương còn rướm máu
Mối hận tình chưa vơi
Những khi chiều về ảo não
Bao nhiêu tài tử văn nhân
Vết ngựa vết xe không ngừng rợn rợn
Nhưng hồn ai vẫn bàng khuâng
Thương tiếc cung đàn lỗi nhịp
Lòng ta hỡi, giá xưa đừng lên tiếng

Đề chiều về còn mãi giọng mê ly
Gió tình tứ mơn hồn hoa xao xuyến
Ta thả lòng mơ đến bến Dương chi
Nhưng còn đâu nữa
Ôi sự thực nảo nề
Cháy thiếu muôn ánh lửa
Đốt giấc mộng vàng say mê
Ngoài vườn hoa muôn sắc
Trong lòng còn tái tê
Giọng hát xưa khoan nhặt
Vẫn kéo dài, như cuộc sống ai lê thê

KIỀU NHI : *(vén màn vào đứng nghe Mị Nương than một
lúc mới lên tiếng)*
Thưa công nương,

MỊ NƯƠNG : *(giật mình)*
Kìa em

KIỀU NHI : Đã bao lâu cây rút lá
Đã bao lần chim én lượn ngoài sân
Đông rét buốt hay tung búng nắng hạ
Không làm ngời đôi mắt của giai nhân
Ngày xuân thường qua nhanh
Một đi không trở lại
Mái tóc thừa nào xanh xanh
Ai giữ được nguyên màu xanh ấy mãi

MỊ NƯƠNG : *(mỉm cười xa xôi)*
Cảm lời em khuyên dỗ
Ta cũng muốn vui chơi
Nhưng khốn nỗi tim ai vùi nắm mộ
Một tấm lòng không gửi được hai nơi
Từ khi nhìn sự thực
Biết giọng vàng không phải của người Tiên
Tình vụn chết nhưng tim còn thồn thừc
Tiếc giọng vàng hay tiếc giấc mơ điên

KIỀU NHI : Đời như một giấc có miền
Xin Công nương bớt ưu phiền xót thương

Thuyền nào ghé bến yêu đương
Cũng đều chớ hận lên đường mà thôi
Ái tình như áng mây trời
Mong manh gió lướt tan rồi bóng mờ

MỊ NƯƠNG : Nhưng em ơi,
Giấy lòng đã viết bài thơ
Mực lòng đã viết những tờ yêu đương
Dầu cho giông tố muôn ngàn
Cũng không xóa nổi những hàng chữ yêu

KIỀU NHI : Xin công nương chớ nhận nhiều
Rồi đây cần cỗi tiêu điều nét xuân
Đời rục rở tung bừa là thế
Này vàng son hoa lệ
Này gấm vóc lụa là
Một cuộc đời vương đẽ...

MỊ NƯƠNG : (lắc đầu)
Không say người bằng một giọng tình ca

KIỀU NHI : (đổi giọng vui vẻ)
Hôm nay là ngày hội
Hay công nương rời gót dạo xem qua
Có múa kiếm, có thi đèn buổi tối
Có tranh cờ, đấu nhan sắc muôn hoa
Lại có cả cái nhà anh điêu khắc
Mang bát thần ra đặt giữa đám đông
Nước đổ vào là y như... hiu hắt
Một con thuyền với người đánh cá bên sông

MỊ NƯƠNG : (giật mình)
Em nói sao?

KIỀU NHI : (vẫn vô tư)
Người đến xem không ngớt
Chẳng biết rằng có quỷ thuật gì đây
Mầu đá trắng diêm vân hồng phon phớt
Trông nhẹ nhàng như một đoá hoa mây

MỊ NƯƠNG : *(trở nên vui vẻ hơn)*

Nghe mấy lời em tả
Ta ham muốn ra xem
Chiếc bát thần bằng đá
Nhưng ngại người đông lại phải chen
Vậy em hãy ra ngay
Mời người ấy vào đây
Bảo rằng tiểu thơ muốn ngắm
Bát thần như dóa hoa mây

KIỀU NHI : Xin vâng

Tha hồ ta được ngắm
Chung quanh ta sẽ không có người chen.
Bát thần từ muôn dặm
Bao nhiêu lời ngợi khen
(Kiều Nhi ra)

MỊ NƯƠNG : Lòng ta bỗng xôn xao

Như có người mong đợi
Hồn ta bỗng khát khao
Như tin miền xa tới
Mà lạ quá theo lời Kiều Nhi nói
Sao bát thần lại in bóng thuyền câu
Là ảo thuật, hay yêu ma thần thoại
Ta sẽ đòi mua, dầu giá có đắt đến đâu
Mà ta sao vô lý
Mới nghe đã đợi chờ
Chưa hề lòng suy nghĩ vội vội chìm trong
ước mơ
*(có tiếng động, Kiều Nhi vào trước, người điếu
khắc vào sau)*

KIỀU NHI : Thừa công nương, đây anh chàng điếu khắc
Xin đưa vào để ra mắt công nương

NGƯỜI ĐIẾU KHẮC : Bần dân xin cúi chào

Thật quả là vạn hạnh
Phúc ấm tự kiếp nao
Kiếp này đây kiêu hãnh

Thưa công nương
Bần dân vốn làm nghề điêu khắc
Quanh năm tìm mua ngọc đá khắp nơi nơi
Tiện thành những món đồ chơi
Đưa đi bán cả mọi trời gần xa

MỊ NƯƠNG : (gật đầu)
Ta đã nghe qua

ĐIỀU KHẮC : Bạn này thì quả thật là thần tiên
Xin công nương hãy bình yên nghe kể
Lịch sử bát thần trước khi để mắt nhìn xem :
« Chuyện rằng xưa có một tên
« Sống nghề đánh cá, ngày đêm lạnh lùng
« Nghèo hèn nhưng rất thung dung
« Mỗi chiều quăng lưới, một vùng bao la
« Giọng tình vun vút tiếng ca
« Lời tình theo gió bay là khắp nơi
« Người thì xấu hời xấu ời
« Mà lên giọng hát, người trời kém thua
« Nhưng định mệnh cay chua
« Có nàng trinh nữ tuổi vừa cập kê
« Chốn lầu trang mỗi chiều nghe gió thổi
« Đưa giọng vàng hui hắt tới khuê trung
« Ngọc ngà châu báu lựa nhưng
« Mà người khuê các không ngừng mối yêu
« Gió về vang tiếng hát
« Thiếu nữ mơ người tiên
« Đêm mùa sương, lác đác. Bệnh não hóa
cuồng điên
« Nhưng khi hay sự thực,
« Chẳng chỉ là tên đánh cá nghèo hèn
« Người khuê các, mối tình diên chấm dứt
« Mà Trương Chi lại thao thức cuồng mơ
« Từ khi nhìn người đẹp
« Lầu son chốn trang đài
« Quên phận mình lau cỏ

« Tương tư hình bóng ai
« Nghèo hèn không thang thuốc
« Chết trong một đêm tàn
« Xác trôi theo giòng nước
« Dạt dào tắm thân tan
« Xác cá rĩa tấp vào bờ xa lạ
« Năm mộ chôn vùi không kẻ đoái thương »
Thời gian qua.

Rồi một hôm có mấy người thợ đá
Một chiều đi qua, nhặt về trên vết mộ phong
sương

Phiến đá nhỏ có sắc màu kỳ lạ
Bần dân nghe tin đã tìm đến hỏi tỏ tường
(người điêu khắc nói đến đây thì mở khăn gói
lấy chiếc bát kinh cần đặt ra giữa bàn. Kiều
Nhi đưa bình nước cho người điêu khắc, vừa
đổ nước vào thì hình ảnh con thuyền câu nổi
lên. Mị Nương vừa trông thấy đã nhận được
ngay đó là hình ảnh người cũ.)

MỊ NƯƠNG : Trời ơi chàng (giọng hát xưa lại nổi dậy — Mị
Nương khóc nước mắt rỏ xuống bát. Mọi người
nhìn cái bát thì không còn thấy hình ảnh cũ
đâu nữa.)

KIỀU NHI : (ngơ ngác)
Trời ơi sao kinh ngạc

ĐIỀU KHẮC : Hình ảnh biến đâu rồi
Vừa nghe xong giọng hát

KIỀU NHI : Lệ u buồn vừa tan tác rơi rơi

MỊ NƯƠNG : (thần thức)
Tình lang ơi, thân ứa nát hồn em còn u uất
Lòng em đây, tình duy nhất chẳng tan phai

NGƯỜI ĐIỀU KHẮC

Nợ tình chưa trả cho ai
Khởi tình mang xuống tuyền đài chưa tan.

— HẾT —



giọt nàng

của DOÃN - DẦN

BUỔI trưa hoàn toàn yên tĩnh. Ánh nắng tuy không gay-gắt lắm mà Hằng cũng thấy bức bối, khó chịu. Nàng nằm nghiêng người trên divan, cố nhắm mắt lại để ru mình vào giấc ngủ. Hằng có cảm tưởng như tâm hồn mình đang lịm dần vào cái vắng lặng chung quanh, biết là mình không sao ngủ được. Nhưng mỗi lần có tiếng động nhỏ, Hằng lại khó chịu như có người vừa phá giấc ngủ đang say của nàng.

Đã hơn một tuần nay, Hằng bị mất giấc ngủ trưa như vậy. Nằm trên giường mà tâm trí nàng cứ bần thần mãi về buổi đi chơi núi Bửu-long hôm nọ, với Dũng và Loan. Hình ảnh Loan và Dũng đi cạnh nhau bên sườn núi hiện rõ lên trong đầu óc Hằng, quẩn quít

lấy ý nghĩ của nàng khiến nàng không sao gỡ ra được. Tuy Hằng mới chỉ ngờ là Loan yêu Dũng thôi. Nhưng, không hiểu sao, nàng lại tin là mình ngờ đúng. Mỗi lần nghĩ thế, bao giờ Hằng cũng tự an ủi mình rằng : « Loan không bao giờ lại coi thường mình đến thế. Nếu hai người có yêu nhau thật thì Loan cũng phải kín đáo, chứ chẳng lẽ Loan lại để lộ ra trước mặt mình. Vả lại, từ trước đến nay, Loan có dấu mình điều gì bao giờ đâu ! » Ý nghĩ này, làm nổi đau khổ trong lòng Hằng thoáng dịu đi. Nhưng nàng chưa kịp vui thì một ý nghĩ khác đã lại xâm chiếm tâm hồn nàng. Hằng tự thấy mình vô lý. Vì nàng nghĩ : « Dũng và Loan yêu nhau thì có gì là « coi thường » mình ? Tại sao Loan lại phải kín đáo ? » Và Hằng

lại đau khổ hơn lên. Lắm khi, nỗi đau khổ làm Hằng hối hận là trước kia mình đã giới thiệu Dũng với Loan. Nhưng niềm hối hận này chỉ thoảng qua thôi. Vì Hằng mang-máng hieu rằng, hối hận như thế là hèn nhát.

Muốn yên tâm hơn, Hằng nhớ lại tất cả những cử chỉ và lời nói của Dũng đã đối xử với nàng và Loan từ ngày ba người chơi thân với nhau. Hằng thấy quả thật, Dũng coi nàng cũng thân mật như Loan. Dũng săn sóc Loan cũng chỉ như chàng đã săn sóc nàng mà thôi. Nhiều khi, Hằng thấy những lời nói của Dũng êm đềm và thân mật quá làm nàng tưởng là Dũng đã yêu nàng. Hằng biết rằng, những phút ấy, chàng chỉ khẽ nắm lấy bàn tay nàng là người nàng sẽ mềm ra và ngã đầu vào Dũng. Nhưng Dũng vẫn thẳng thắn hồn nhiên, nói chuyện với Hằng khiến nàng thất vọng. Song, chính nỗi thất vọng này lại làm nàng yêu Dũng nhiều hơn. Mỗi lần ngồi nói chuyện với Dũng, mà không có Loan, Hằng được hưởng một cảm giác êm đềm sung sướng. Nhưng mong manh đến nỗi đôi khi Hằng lại thấy mình đau khổ, vì nàng nghĩ là mình đã không nắm được trọn vẹn niềm sung-sướng ấy. Nỗi đau khổ của Hằng tăng lên khi nàng nhận ra rằng Dũng đối xử với Loan như đã đối xử với nàng. Hằng không muốn mất bạn. Nhưng nàng cũng không muốn Dũng thân mật với Loan như vậy, tuy nàng vẫn tin là nếu Dũng có yêu một trong hai người thì chàng chỉ yêu nàng mà thôi.

Nhưng lúc này thì niềm tin ấy Hằng thấy yếu ớt và nhỏ bé quá. Lắm khi, Hằng muốn quên tất cả đề tình bạn giữa nàng và Loan được êm đẹp như trước kia, hỏi hai người chưa quen Dũng. Thực ra thì giữa Loan và nàng đến

bây giờ vẫn chưa có gì «đổ vỡ». Nhưng Hằng vẫn có cảm tưởng như sợi dây nối tình thân giữa nàng và Loan đang mảnh dần... mảnh dần... và chỉ một làn gió nhẹ thôi, cũng có thể làm đứt được. Chỉ tại Dũng. Hằng đâm ra oán Dũng giận Loan và cuối cùng thì bực tức cả với chính nàng.

Có lúc nàng muốn chạy ngay đến nhà Dũng mà nói với chàng rằng : «Hằng yêu anh...», rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng Hằng vẫn không quên hình ảnh Loan âu yếm đi bên Dũng hôm thứ bảy tuần trước.

Hằng không nhớ được tất cả. Nàng chỉ nhớ từ lúc Dũng, Loan và nàng ngồi nghỉ chân trên một tảng đá cao, riêng biệt, dưới bóng rợp của một cây to vào lúc xế trưa. Có lẽ vì đi bộ từ sáng, mệt và mỗi chân nên cả Dũng, Loan và Hằng đều yên lặng ngồi bên nhau, nhìn ra ngoài trời nắng. Hình như người nào cũng chờ cho người kia nói trước. Hằng lấy làm lạ rằng lên đây từ sáng mà mãi lúc đến này nàng mới nhận ra là không khí ở trên cao trong và nhẹ hơn ở dưới thấp. Nàng hít một hơi dài như muốn thu lấy tất cả cái trong lành của bầu không khí nơi đây vào lồng ngực, tâm hồn êm ả, niềm vui đầm ấm tan theo những làn gió nhẹ mát thoảng chung quanh. Không một ý nghĩ nhất định nào ngưng đọng trong đầu óc Hằng. Nàng đưa mắt nhìn vơ vẩn. Trời xanh cao. Dưới chân núi, những thửa ruộng vuông vуго, nhỏ nhỏ, chỉ bằng chiếc bàn cờ một, nối tiếp nhau chạy đến tận chân trời. Xa xa, một vài mái lều tranh nhỏ tí-teo, đứng trơ trọi giữa ruộng đồng bát ngát. Tất cả nhuộm ánh nắng vàng tươi rực rỡ.

Hằng đang theo đuổi ý nghĩ của mình thì có tiếng Loan nói nhẹ :

— Đẹp quá nhỉ ! Ở trên trông xuống mọi vật như đẹp hẳn lên.

Rồi giọng Dũng trầm-trầm, thong thả :

— Có lẽ bởi thế nên đàn ông chúng tôi thường hay « trông xuống ».

Tự nhiên Hằng khó chịu về lời nói của Dũng. Hằng cho là chàng, đã có ý kiêu-kiêu khi nói câu đó. Nàng quay lại nhìn Dũng định nói điều gì, nhưng một cảm giác say sưa đột nhiên gợn lên trong lòng Hằng, ánh mắt Dũng lúc đó thật xa vắng, như chiếu đến tận chân trời, nét mặt chàng tuy kiêu mà quyến rũ — Hằng vẫn thích ngắm Dũng những lúc như vậy. Hằng lại yên lặng và lòng nàng rung động nhẹ nhẹ. Hằng nhìn Dũng như thế độ vài giây rồi sợ chàng bắt gặp mình đang nhìn chàng, nàng quay sang Loan, chợt gặp tia mắt Loan cũng đang triu mến nhìn Dũng. Tuy chỉ một thoáng thôi, Hằng cũng thấy như chứa nhiều âu yếm lắm. Thốt nhiên tìm Hằng tê đi. Nàng định nói một câu để phá sự yên lặng sắp dày dút lòng nàng thì Loan đã liếc nhanh sang phía nàng. Hai tia mắt gặp nhau, Loan có vẻ ngưng ngừng quay vội đi, giờ tay ngắt mấy ngọn cỏ đưa lên miệng nhấm. Nàng cảm thấy nỗi lo sợ băng khuâng đang từ từ tiến lại gần mình.

Loan vui vẻ, đứng dậy cười nói :

— Anh Dũng với Hằng ngồi đây nhé ! Đợi Loan đi mua bưởi về cho mà ăn.

Dũng nhìn Loan. Chàng hơi ngạc nhiên về thái độ vui vẻ đột ngột của nàng. Hằng cho là Loan muốn đề nên một điều gì đó, nàng muốn giữ Loan ở lại. Nhưng nàng lại cười rất tươi bảo Loan :

— Ý kiến hay đấy ! Hằng cũng đang khát nước ! Loan đi mau lên.

Loan nhí nhảnh tụt xuống, đi về phía ngôi chùa. Còn lại một mình Hằng ngồi bên Dũng, tự nhiên Hằng thấy mình ngưng ngưng và đơn độc. Hằng không dám nhìn Dũng. Nàng nghe rõ tiếng tim mình p mau dần. Người nàng ngây ngây sung sướng, giả Dũng nói lên bất cứ câu gì đề nàng được nói chuyện với Dũng. Nhưng cũng vẫn yên lặng. Hằng muốn nói với Dũng nhưng lúc này nàng thấy khó mà nói được.

Hằng đang phân vân như thế thì Loan trở lại. Loan ôm hai trái bưởi trên tay cười từ đằng xa :

— Hằng sửa soạn đồ bưởi cho Loan để Loan treo lên, không có lại... « mất vòng hoa » bây giờ.

Thoạt đầu, Hằng thoáng mừng khi trông thấy Loan. Nhưng, nàng lại tức Loan đi chóng quá, và nàng tiếc phút vừa qua chỉ có mình nàng và Dũng.

Hằng chưa kịp đứng lên thì Dũng đã nhanh nhẹn ra mồm đá đứng đón Loan. Loan đưa hai quả bưởi cho Dũng mỉm cười nhìn chàng rồi chia tay cho chàng nắm lấy, kéo lên. Dũng cúi khom khom. Loan vươn hẳn người lên cổ níu lấy tay Dũng như sợ tuột mất chàng. Mặt Loan sầm sập mồ hôi và hây hây đỏ. Hằng chợt nhận thấy Loan đẹp. Một nỗi ghen lại bùng lên trong lòng Hằng. Lần đầu tiên Hằng trông thấy Dũng nắm tay Loan. Người Hằng nóng bừng bừng và tâm trí như mê đi.

Lên đến nơi, Loan thở một hơi dài, nói :

— Loan thật đoảng ! Có thể mà cũng mệt.

Rồi Loan ngồi xuống cạnh Hằng. Dũng cầm con dao và quả bưởi định gọt, Loan vội giằng lấy, cười nói đùa :

— Anh để Loạn gọt cho. Đàn ông thì chỉ biết « ăn » thôi ! Quay sang Hằng, Loạn tỉnh nghịch hỏi :

— Có phải không, Hằng ?

Hằng mỉm cười gượng gạo khẽ gật đầu.

Hằng cho rằng Loạn hỏi nàng câu đó cũng chỉ là một điều khôn khéo để che đậy sự bối rối, và sung sướng quá độ trong lòng Loạn. Lần đầu tiên Hằng khó chịu về sự khôn khéo của Loạn (mà từ trước vẫn làm Hằng phục và yêu bạn).

Hằng ngồi nhìn chăm chú lưỡi dao lượn chung quanh trái bưởi trên tay Loạn. Nàng có cảm tưởng như tâm hồn mình cũng đang bị lưỡi dao của Loạn gọt dần.

Loạn tẽ bưởi ra từng múi, đưa cho Dũng và Hằng. Hằng đã định không ăn. Nhưng lại hối hận là đã giận bạn. Mặc dầu Hằng vẫn muốn cho Loạn biết là mình giận — dù cái giận thật vô lý.

Loạn thấy Hằng ăn có một múi hỏi :

— Sao Hằng kêu khát nước mà lại « chê » bưởi thế này ? Hay tại Loạn gọt không « mát tay » nên bưởi chua ?

Nghe Loạn hỏi, Hằng hiểu rằng Loạn vẫn chưa biết mình « giận ». Nỗi khó chịu trong lòng Hằng lại tăng lên. Hằng nhìn Dũng xem chàng có lưu tâm đến sự « kém ăn » này của mình không. Nhưng Dũng vẫn thản nhiên ngồi bóc bưởi, mắt nhìn ra xa Hằng càng tức Dũng. Giá Dũng chỉ nói vào một câu thôi là nàng lại vui ngay. Nhưng chàng vẫn chỉ yên lặng...

Hằng trả lời Loạn, giọng mát mẻ:

— Hằng không chê bưởi. Mà bưởi cũng chẳng chua. Nhưng... ăn ít để

« thêm » Hằng cho, còn thú hơn là ăn nhiều để « chán ».

Hằng tưởng nghe mình nói câu đó Loạn sẽ tròn mắt nhìn mình và kêu lên như mọi khi : « Sao hôm nay Hằng nói hay thế này ! Nghe cứ như « bà-cụ-non ấy thôi ! » Hằng định nếu Loạn nói vậy, Hằng sẽ không cười như những lần trước để Loạn phải tự nhận ra lời nói của Loạn vô duyên.

Nhưng nghe Hằng nói thế, Loạn lại quay sang Dũng, cười :

— Kia ! Anh Dũng thích « chán » như Loạn, hay thích « thêm » như Hằng ?

Dũng hơi giật mình quay lại, lơ đãng :

— Thích... cả hai.

Loạn kêu lên :

— Trời ơi ! Anh tham quá !

Hằng chua chát :

— Đàn ông bao giờ mà chả tham !

Dũng đùa :

— Và... Hằng bao giờ cũng chua chát. Phải không Loạn ?

Loạn nhìn Dũng gật đầu và hai người cùng cười. Hằng tức đến sôi người lên. Nàng nghĩ rằng Dũng và Loạn đã về hòa với nhau mà gặt nàng ra ngoài. Một nỗi tủi thẹn từ từ dâng lên hai mi mắt khiến nàng phải cố giữ nước mắt mới khỏi ứa ra.

Hằng ngồi xé nát chiếc cùi bưởi ném xuống chân núi, lòng bằng khuâng đau khổ...

Từ lúc ấy, Hằng nhất định không nói chuyện với Dũng và Loạn nữa. Nhìn cử chỉ Loạn lúc đưa bưởi cho Dũng, Hằng cho rằng hai người đã yêu nhau rồi. Tuy không có một bằng cứ nào để chứng

minh ý nghĩ ấy của Hằng là đúng. Nhưng nàng cứ tin như vậy.

Ăn bưởi xong Dũng đề nghị :

— Bây giờ chúng mình đi quanh núi một vòng nữa rồi về thì vừa. Hằng, Loan nghĩ thế nào ?

Loan tán thành ngay :

— Phải đấy ! Anh đưa Hằng với Loan đi chụp mấy kiểu ảnh để làm kỷ niệm một lần được đứng trên cao nhìn « xuống »

Nghe Loan nói và nhìn dáng điệu vui mừng, hớn hở của bạn Hằng quay đi, nói như hờn dỗi :

— Anh Dũng có đưa Loan đi chơi đâu thì đưa. ! Hằng mỗi chân lấm rồi ! Hằng xin... thua...

Nói đến đây, cồ Hằng ghen lại. Vì thực ra, Hằng cũng muốn cùng đi với Dũng và Loan, nhưng nàng có cảm tưởng mình là người ngoài cuộc nên phải nói vậy.

Dũng và Loan không biết là Hằng đang khó chịu. Loan tưởng Hằng lại muốn ngồi một mình mà « trầm tư-mặc-tưởng » — lời Loan như thói quen của Hằng. Dũng cũng tưởng Hằng không muốn đi chơi lúc này cũng vì vậy,

Loan đứng dậy, tình nghịch nhìn Dũng :

— Đố anh biết tại sao Hằng lại muốn ngồi đây nào ?

Dũng ngẫm nghĩ một lát rồi lắc đầu. Loan giãi giải :

— Tại vì Hằng thích... đi chơi...

Dũng cười :

— Lý luận của Loan thật khó hiểu !

— Dễ hiểu chứ ! Này nhé ! Vì thích đi chơi nên Hằng mới ở lại để còn... « thêm ». Đi chơi nữa

Hằng sẽ « chán » Như thế mất cả thú.

Cả Dũng và Loan cùng cười sau câu khôi hài của Loan. Hằng thấy chưa bao giờ Loan lại vô duyên đến thế ! Nàng định nói một câu mỉa mai. Nhưng Dũng đã diu Loan xuống chân tảng đá. Chàng nhìn lên bảo Hằng :

— Hằng cứ ngồi đấy chơi, chờ tụi này nhé !

Loan tiếp :

— Không sợ thiệt đâu ! Chốc nữa thế nào Loan cũng vô được mấy con ếch thật to làm quà cho Hằng !!!

Hằng không nói gì mà cũng không cười. Dũng và Loan đi vòng sang phía bên kia để xuống sườn núi.

Trước mắt Hằng tà áo tím của Loan mặc, bay phất phới dưới ánh nắng óng vàng, quấn lấy chân Dũng. Loan giơ nón lên cao như muốn che cho cả hai người. Hình ảnh này làm Hằng chợt nhớ lại lúc Dũng nắm tay Loan. Hằng tiếc là đã để Dũng và Loan đi riêng với nhau.

Cố nhìn theo Dũng và Loan đi mỗi lúc một xa Hằng tưởng như nàng đang mất đi hai người bạn nổi đau khổ trong lòng Hằng tăng dần trong lúc bóng Dũng và Loan cứ chụm vào nhau như nhập làm một và khi hai người xuống đến lưng núi thì Hằng chỉ trông thấy màu áo tím của Loan, thấp thoáng trong đám lá cây. Mọi vật trước mắt Hằng chợt to ra rồi nhòa đi như nhìn qua một tờ giấy mỏng...

Từ hôm ấy đến nay Loan vẫn chưa tới chơi với Hằng lần nào khiến nàng càng tin là hai người đã yêu nhau rồi. Chắc Loan đã có Dũng nên không cần Hằng nữa.

Nàng ghét Dũng, oán Loan. Nhưng ngay trong nỗi oán ghét này, Hằng

vẫn hiểu rằng mình không thể quên Dũng và Loan được.

Bất giác Hằng vùng ngồi dậy, đi mau ra bàn học. Vì nàng chợt nảy ra ý nghĩ: viết thư cho Dũng để ngỏ lòng mình. Nàng lấy giấy bút, ngáp ngừng một vài giây rồi cầm cúi viết nhanh như sợ nếu nghĩ lại nàng sẽ không còn can đảm để làm nữa...

Viết xong thư, Hằng cuộn lại, gói vào « mouchoir » rồi cầm gọn trong tay. Hằng định, mặc áo dài xong, nàng sẽ đến ngay nhà Dũng để đưa cho chàng. Vì nàng biết rằng, nếu gửi nhà giấy thép trong thời gian chờ thư trả lời, chắc nàng lại hối hận là mình đã « trót » gửi thư cho Dũng. Tính Hằng bao giờ cũng vậy. Khi đã định làm điều gì là nàng làm ngay vì đề lâu, nàng sẽ không bao giờ làm nữa. Hay có khi lại làm trái hẳn lại điều nàng dự tính.

Hằng vừa ra đến cửa thì Nga — em gái Loan — ở ngoài bước vào.

— Chị định đi đâu bây giờ thế?

Câu hỏi bất chợt của Nga làm Hằng bối rối. Nàng chưa biết trả lời ra sao thì Nga lại nói:

— Chán quá! Em định đến tìm chị...

Hằng nhìn Nga. Nàng hơi ngạc nhiên vì nét mặt Nga hôm nay có vẻ bơ phờ và xanh hơn mọi ngày.

— Nga tìm chị có việc gì cần lắm không?

Nga khe khẽ thở dài, giọng buồn buồn như sắp khóc:

— Cần thì không cần lắm. Nhưng..

Hằng như linh cảm thấy có điều gì không may sắp xảy ra. Nàng nắm lấy vai Nga:

— Nhưng... sao, Nga?

Nga nhìn Hằng:

— Chị Loan đang ốm nặng. Mẹ em bảo em đến mời chị lại chơi vì từ hôm nọ đến nay chị Loan cứ nhắc đến chị luôn...

Hằng chưa kịp nghe Nga nói hết nàng đã bàng hoàng lo sợ. Hằng quên bằng rằng mình đang giận Loan.

Nghe Nga nói Hằng mới chợt nhớ ra là mình đang định đến nhà Dũng. Nàng ngẫm nghĩ một lát rồi chép miệng bảo Nga:

— Thôi! Bây giờ Nga đưa chị về.

Nói xong Hằng nắm tay Nga, kéo mau ra khỏi nhà...

Hằng ngồi xuống mép giường, cạnh Loan. Bao nhiêu nỗi bức tức và giận Loan đã tiêu tan hết. Hằng chỉ còn thấy buồn ngùi và thương Loan tuy nàng vẫn nhớ Dũng. Ngồi nhìn Loan nằm mê man trên giường người xanh và gầy hẳn đi, Hằng khẽ rùng mình chợt nghĩ đến cái chết. Nàng áp tay lên trán Loan như để tìm sự sống trong hơi nóng từ người Loan phát ra. Tự nhiên, Hằng mong muốn ngay lúc này Loan mở mắt ra mà nhìn nàng. Hằng cũng không hiểu mình mong thế cốt để xóa đuổi hình ảnh đen tối đang ám ảnh tâm trí nàng, hay để Loan được sung sướng vì thấy có nàng ngồi cạnh. Không biết Loan có giận nàng không. Nhưng nàng cho rằng: chắc chắn Loan sẽ vui mừng khi Loan tỉnh dậy mà trông thấy nàng. Không gì sung sướng cho một người ốm bằng sự có mặt của những người thân bên cạnh. Hồi năm ngoái, Hằng cũng bị ốm. Một buổi Hằng chợt tỉnh thấy Loan ngồi bên cạnh, mắt đỏ hoe, Hằng sung sướng. Nhưng muốn Loan thương mình hơn và muốn được nghe Loan khóc vì mình nên

Hằng lại nhắm mắt lại và giả vờ nói mê như người đang ốm nặng lắm. Quả nhiên, một lát sau, Hằng nghe thấy tiếng Loan nấc nho nhỏ, rồi Loan gục mặt xuống ngực Hằng. Nàng cảm động và thương Loan quá, rồi chính Hằng cũng khóc theo Loan...

Hằng quay sang Nga hỏi :

— Chị Loan ốm từ hôm nào, em ?

— Từ sau ngày đi chơi với chị và anh Dũng. Bác sĩ bảo chị ấy bị cảm nắng. Nhưng... em thì em... nghĩ khác.

— Nga, nghĩ sao ?

Nga không trả lời câu hỏi của Hằng, lơ đãng nhìn ra sân, như để giấu điều gì.

Hằng thấy Nga có dáng nghĩ ngợi, hỏi lại :

— Nga nghĩ sao, em ?

Nga nhìn Hằng, ngập ngừng một vài giây rồi lảng lảng ra bàn học của Loan cầm đến cho Hằng một cuốn sổ nhỏ.

Hằng còn đang ngơ ngác thì Nga nói :

— Xem xong, chị giữ kín cho em, đừng cho chị Loan biết. Em vô tình thấy ở « va ly » chị ấy đấy.

Hằng cầm lấy cuốn sổ trên tay Nga, lòng hoang mang hồi hộp, không biết có chuyện gì trong đó.

Nàng giở ra xem, thấy chữ Loan đề :

« Ngày 8 tháng 12.

« Hôm nay được đi chơi núi lần « đầu tiên với Dũng và Hằng. Vừa « vui lại vừa buồn. Mình rõ ngó « ngẩn, cái vui nào mà chả có cái « buồn đứng cạnh...

« Hình như Hằng cũng yêu Dũng « thì phải ? . Nếu quả vậy, mình tự

« nguyện là sẽ không bao giờ nói « thật lòng mình với Dũng.

« Có thể gọi được như thế là « hy sinh » thì xét ra mình cũng « nên hy sinh. Vì... ở đời không « một thứ « tình » nào tồn tại, nếu « thiếu đức « hy sinh » mà hy sinh « thì bao giờ cũng đồng nghĩa với « thiệt thòi ».

« ... Có lẽ mình sẽ đau khổ lắm... « Nhưng... mỗi sự « đau khổ » đều « có một cái « thú » riêng của nó. « Khác nhau là ở chỗ : mình có « biết tìm đến cái « thú » ấy, hay « không mà thôi.

« Ngày 9 tháng 12.

« Sáng dậy, trong người vằng vặc, « khó chịu. Chắc là mình bị cảm « nắng.

« Nhớ Dũng đến điên lên mất « Hằng ơi !!!

Loan cao đẹp quá. Hằng vụt nhớ đến lá thư mình viết cho Dũng đang ở trong tay nàng, Hằng thấy đau khổ đến cùng độ. Hằng cũng không hiểu là mình đau khổ vì biết rõ Loan yêu Dũng hay hối hận thấy mình « thấp kém » và tầm thường quá, so với Loan. Nàng tự khinh mình.

Hằng đưa trả cuốn sổ cho Nga. Tự nhiên Hằng có cảm tưởng như Nga cũng đang đọc được những ý nghĩ của mình và khinh mình. Đầu óc Hằng tối xăm đi : Hằng muốn ra ngay khỏi nơi này để tránh tia mắt Nga, để tránh lúc Loan tỉnh dậy...

Bất giác Hằng hỏi Nga :

— Anh Dũng đã biết chị Loan ốm chưa ?

— Chưa chị ạ ! Em không biết nhà anh ấy.

Hằng cúi đầu yên lặng một lát rồi ngẩng lên, bảo Nga :

— Em ngồi đây với Loan. Khi nào Loan tỉnh dậy, em nói hộ là chị đã lại đây rồi và đang đi tìm anh Dũng...

Nói xong, Hằng đứng dậy, quay gót đi mau ra cửa. Ánh nắng hoe vàng làm nàng hoa mắt.

Ra đến ngoài, lòng Hằng thoáng nhẹ đi, hình như sung sướng. Nhưng khuất sau niêm sung sướng ấy, Hằng vẫn thấy rõ một nỗi đau khổ lớn lao đang âm thầm lắng sâu xuống đáy tâm hồn...

Hằng bước nhanh hơn trong ánh nắng như để trốn tránh hình ảnh

Loan và Dũng đang hiện rõ dần lên trong đầu nàng...

Hằng xé vụn lá thư định gửi cho Dũng, tung ra ngoài nắng. Những mảnh giấy con con tỏa ra, chao chao trong không gian đẹp như chiếc pháo bông. Hằng nhìn theo và nàng có cảm tưởng mỗi miếng giấy bé nhỏ kia đều đã mang đi của nàng một mảnh tâm hồn...

Hai mi mắt Hằng chớp chớp mau dần. Rồi Hằng thấy ánh nắng trở nên long lanh, tụ lại ở đầu mi mắt và... rơi xuống từng giọt.

Đêm giao thừa, xuân Canh-Tý 1960

DOÃN-DÂN

— Đại trượng phu nên dong người, chớ để người dong.

CHU - HỖ

CÁC BẠN YÊU THƠ ĐÓN ĐỌC

NGƯỜI VÀO SA MẠC

Thi phẩm thứ hai của
PHAN - LẠC - TUYỀN

* NHỮNG RUNG CẢM, BĂN KHOĂN VÀ
SUY TƯỞNG CỦA THẾ HỆ HẬU CHIẾN

Những thói quen và tật lạ CỦA DANH - NHÂN THẾ - GIỚI

Văn hào Chateaubriand khi viết văn thì luôn luôn để hai chân trần xuống gạch mùa hạ cũng như mùa đông.

Nhà hùng biện Bossuet khi viết cuốn « Oraisons funebres » thì ở trong phòng lạnh và đầu quấn khăn ấm.

Văn hào Đức, Schiller, mỗi lần viết thì để hai bàn chân lên một miếng nước đá. Theo ông, như thế mới có ý kiến trong sáng.

Còn nhà hiền triết Ý-đại-Lợi Galliani thì trần truồng như con nhộng khi viết cuốn « Correspondance » trong phòng ấm.

J.J. Rousseau khi viết thì mặc đồ triều phục.

Nhà thiên văn học Buflon thì ăn bận chỉnh tề và đeo cả gươm bên sườn.

Thomas Moore, thi sĩ người Anh thì mang găng tay khi viết.

Thi sĩ Prosper Crébillon ăn mặc rách rưới và thường dựa vào thang lầu để làm thơ.

Victor Hugo và Goethe thì luôn luôn viết đứng và đi lại trong phòng vắng để tìm ý và khi được ý hay thì ghé lại kệ sách để viết vào bản thảo.

Còn Donizetti thì tìm nguồn cảm hứng trong khi đi dạo ngoài phố vắng tay cầm gậy đánh nhịp, còn miệng thì hát vang đường.

Trạng sư danh tiếng Jules Favre mỗi khi soạn thảo hồ sơ đều quỳ gối.

Nhà khảo luận Cujos thì nằm sấp như con ếch để viết.

Mark Twain và Descartes thì nằm ngửa để viết.

Pétrarque, thi sĩ bất hủ Ý đại Lợi thì thường mặc áo bằng da mà toàn thân áo bằng hai ống tay dùng để ghi những chữ những dấu hầu giúp trí nhớ ông. Sau này, Pascal cũng làm như vậy và ông này còn ghi công thức tới tận móng tay.

Alexandre Dumas và Ponson du Terrail mỗi khi viết tiểu thuyết đều nặn hình nộm bằng nển để khi nào trong truyện có nhân vật nào chết thì cất hình nộm của nhân vật đó đi. Trong quyển « Rocambole » Terrail phải làm tới 282 hình nộm, như vậy thì đủ biết nếu không cần thận như thế thì dễ bị nhầm lẫn lắm.

Nhiều văn nhân thi sĩ chỉ trần trụi nguồn cảm hứng khi say sưa như Verlaine, A. de Musset, Schubert, Edgar Poe và Mme de Stael chỉ viết được khi đã lim dim cùng nàng tiên nâu, Baudelaire thì trái lại, rất ghét khói thuốc phiện.

Geoge Sand và Paul Valery chỉ có hứng đề viết khi có điều thuốc lá trên môi.

Nhà thiên văn học Newton uống rượu chát như rồng hút rợc nhưng trái lại ăn rất ít.

Plutarque, thích ăn rau cải và ông cho rằng ăn rau làm người ta thông minh hơn ăn thịt. Trái lại nhà hiền triết Ý đại Lợi Scalger thì lại không thích ăn rau vì ông run sợ và có khi bất tỉnh khi thấy cọng cải cresson.

Napoléon đệ nhất rất quý thì giờ, nhưng ông dùng bữa cũng khá lâu vì ông ta ăn nhỏ nhỏ như mèo và không muốn ai nhòm ngó bữa ăn riêng của mình. Nếu ông đang ăn, mà bất chợt ông thấy có người xem ông ăn thì ngay lập tức, dù còn đói, ông cũng đứng dậy.

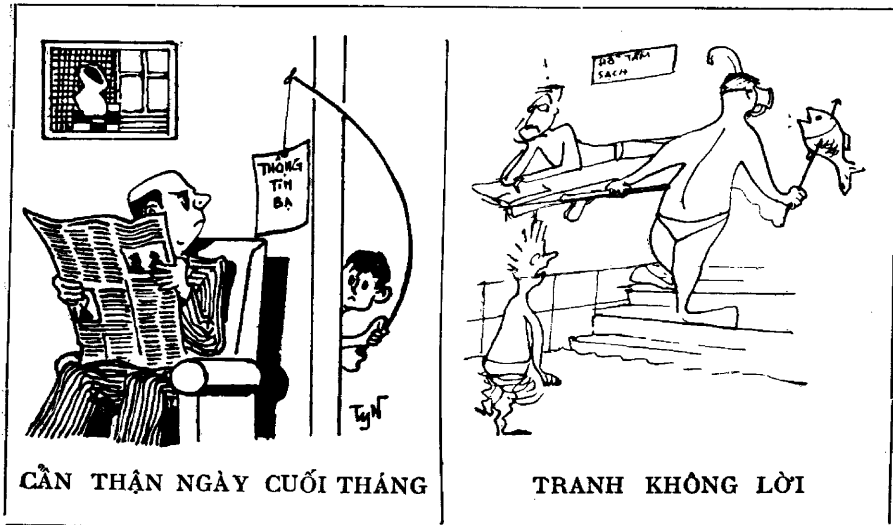
Louis XIV thì trái lại ông ăn rất nhiều và là địch thủ đáng ngại của Tạ hầu Đôn bên Trung Hoa.

Nhà thiên văn học Tycho-Brahe, người Đan Mạch thì phát rét khi thấy con thỏ hay con chồn.

Alfred de Musset và Ambroise Paré thì run sợ khi thấy con lươn. Còn nhà xã hội học Hòa Lan Erasme thì tái người đi khi thấy con cá.

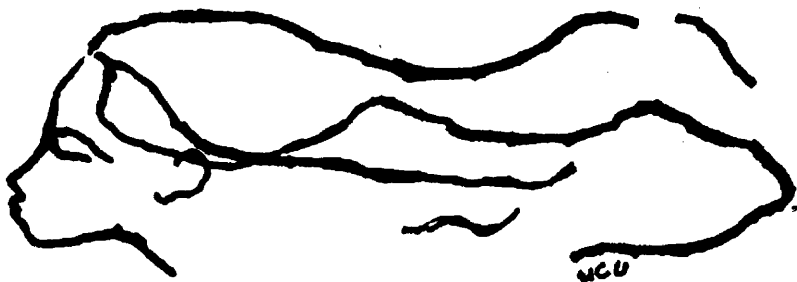
(Phỏng theo báo ngoại quốc)

QUỐC-LONG N.V.H.



CẦN THẬN NGÀY CUỐI THÁNG

TRANH KHÔNG LỜI



CẦU TRE

Nhớ nhớ buồn buồn ;
Một chiều nhớ nhớ buồn buồn,
Anh nhớ em luôn,
Cầu tre lắt-lẻo,
Chờ mong dạ héo,
Mấy nhịp cheo-leo,
Lòng thương những muốn sang theo,
Bắc cầu ân-ái duyên nghèo đôi ta.
Bao đêm dưới bóng trăng ngà,
Sầu đơn gối chiếc hồn ta mãi buồn.
Anh nhớ — Em hờn,
Anh mong, anh đợi,
Em vẫn làm tội,
Bất đợi, bất trông,
Tương-tư lường những mơ-mòng,
Cách nhau chỉ một tắc giòng sông xanh.
Em ơi ! thấu nỗi chung tình,
Anh xin dâng trọn lòng thành nơi đây.
Bước một, bước hai,
E-dè bước một,
Vội-vàng chạy tuột,
Hết nhịp cầu tre,
Lòng anh khoan-khoái như-mé
Hẹn em mai một cưới về bên ni ;
— Chịu không em ! ?...

TRỊNH - QUANG - PHÚ

VŨ - NHỰ

và

Hoàn cảnh Việt - Nam về cuối thế kỷ 19

Dương-Truyền Dã-Phu
PHAN - VỌNG - HÚC

ÔNG VŨ - NHỰ người làng Lương-Ngọc, (xưa là Hoa đường, sau đổi là Lương-đường, lại đổi là Lương-ngọc, hai lần đổi tên vì tị húy nhà vua triều Nguyễn) tổng Ngọc-cục, huyện Năng-an (xưa là Đường-an), phủ Bình-giang (xưa là Thượng-hồng) cổ thời là Hồng-châu, tỉnh Hải-dương, Bắc Việt.

Làng này về cổ thời là Bông thôn, xã Ngọc-cục, khởi đưng riêng xã hiệu vào khoảng thời Hậu Lê.

Làng Lương-ngọc ở vào một khu vực có sơn thủy đẹp, phát ra nhiều văn thần, vũ tướng, và đại khoa, danh nhân. Phía tây cách con sông Nghĩa-giang là làng Phú-ứng quê của Phạm-Ngũ-Lão, công thần về đời nhà Trần đã giúp Hưng đạo vương đánh quân Nguyên (1284-1288). Phía đông nam là làng Mộ-trạch, về thời Lê có bốn ông Trạng-nguyên, có sử gia Vũ-Quỳnh trước tác bộ sử Đại-Việt Sử-Ký, về thời Lê sơ có Lê-cảnh-Tuân một chí sĩ ái quốc bị quân nhà Minh

bắt về Tàu giam chết ở ngục Yên - Kinh (Bắc - kinh hồi 1416) ; lại ông Vũ-trác-Oánh, khởi nghĩa đánh chúa Trịnh hùng cứ miền đông hơn mười năm. Về thời Tây-sơn thì có ông Vũ-huy-Tấn được đặc triệu đến kinh để làm Phó-Sứ cùng Chánh-sứ Phan-huy-Ích đưa giả vương Nguyễn-quang-Hiền sang ngoại giao với nhà Thanh ở Bắc-kinh. Phía nam là làng Ngọc-cục về triều Lê có chín vị Tiến sĩ. Phía bắc là làng Châu-kê có vị làm mặc khách cho Hưng-đạo-vương đánh quân Nguyên.

Làng Lương-ngọc ở vào khu vực có nhiều danh nhân như thế và tương truyền rằng nhờ Tả-Ao tiên-sinh để cho dân đấy kiêu đất làm đình, kiêu đất ấy là KIM TINH LẠC THỦY, THẾ PHÁT KHOA DANH, ĐẢN HIỀM BẮC HƯƠNG PHONG XUY TÀI MỘC GIẢ AN CHỈ. Tả ao tiên sinh có đọc câu ấy và bảo vì đình làm hướng bắc, bị phong xuy, nên phải trồng nhiều cây lớn ở trước đình để tế phong, nơi chính

diện thờ trong đình rất thấp, chỗ ngai thờ nền đình chững như cái hố rộng bằng cái nồi. Tục truyền rằng khi Tả-Ao đi tầm long tướng địa, có các kỳ lão theo sau đề tùy dẫn song vì đi lại nhiều, mỗi mệt, cứ bỏ về dần, tiên sinh thấy vậy nói rằng : « *lão tìm đất để làm hướng đình, phúc cho cả làng, nhưng ai đi thì ăn* » bởi thế nên sau làng này ai đi ở nơi khác thời quý hiền, buôn bán giàu có, còn những người ở làng thời chỉ làm ruộng sự học hành và nông nghiệp không phát triển lắm, còn một nửa nhân dân của làng này ở Hà nội thì buôn bán học hành khá giả nhiều, cũng có đình chùa riêng, theo phong tục như nhân dân ở quê nhà. Phong giao miền đông vẫn có câu : « *Lương Đường sĩ, thiên hạ bỉ, Mộ-trạch quan thiên hạ an* » ý nói làng Lương-ngọc có người làm quan to vào thời loạn lạc, làng Mộ-trạch làm quan to vào thời nước thịnh.

Làng Lương-ngọc hiện nay vẫn còn ngôi miếu nhỏ ở liền cạnh đình kỷ niệm Tả-ao tiên-sinh, già, trẻ toàn dân làng này ai ai cũng truyền tụng sự tích như trên.

Trước thời ông Hoàng-giáp Vũ-Nhựt về thời nhà Lê đã có nhiều vị quan to, được phong tước. Ông Thám-hoa Phạm-quý-Thích về thời Lê mạt cũng là người làng này (xem bài đăng ở Bách khoa số 60 ngày 1-7-59) và sau ông Vũ-Nhựt lại có ông Phạm-Quỳnh Chủ bút tạp chí Nam - Phong, và được làm Thượng-thư bộ Học Đồng-lý Ngự-tiền văn phòng hồi 1932 — 1945.

Ông Vũ-Nhựt vốn dòng thi lễ, gia đình ông trú cư kinh thành Thăng Long (Hà nội)

Ông tổ đời thứ sáu tên là Vũ-huy-Hiệp làm chức Quảng hoa điện

Thiếu khanh, phong tước Hoa-Trung Tứ thời Lê.

Ông tổ đời thứ năm tên là Vũ-Cần, con bà thứ nhất, thi đỗ Giải-nguyên khoa Thư toán, làm chức Thị-nội Binh-phiên, sau Tri - phủ Trường-khánh.

Ông tổ đời thứ tư tên là Vũ-Đổng, đỗ Thư toán khoa Đinh mao, làm chức Thị-nội Lễ phiến, sau Tri-phủ Lý-nhân, phong Mậu-âm lang.

Ông tổ đời thứ ba tên là Vũ-Vịnh, thi đỗ Thư-toán khoa Văn-hàn triều Nguyễn thời vua Minh-Mệnh, sung chức dạy các hoàng thân học tại kinh sư.

Ông thân sinh là Vũ-Tạo, hiệu Phúc-thiện, hậu bổ ty Thiếp hậu tại Hà nội, phu nhân húy là Phuong, hiệu là Đoan-trang.

Ông Vũ-Nhựt học giỏi có khí tiết, được các danh sĩ tôn trọng, ông thi đình đỗ Hoàng-giáp thời vua Tự-Đức được bổ làm Đốc-học tỉnh Hà-nội. Ông được nhà vua yêu mến, vì vua Tự-Đức là vị vua hay chữ, có lòng hiếu trị, ưu đãi các sĩ phu, trọng nho thần. Triều đình bổ ông làm chức Đốc-học Hà-nội là để làm tiêu biểu nền học vấn đất Bắc. Triều đình kính nể, nhưng sau vận nước gặp cơn suy biến, nên gặp buổi nước Pháp đánh chiếm Việt-Nam, lập cuộc Bảo hộ việc nước rối bời, các bậc khoa giáp và sĩ phu cố sức kháng chiến, như các ông : Thủ-khoa Huân, Đình - nguyên Phan-dinh - Phùng, Tán-lý Nguyễn-thiện-Thnật, v.v... Duy có đám Hoàng-cao-Khải là theo người Pháp, được tin dùng, cho làm đến Bắc - kỳ Kinh-lược, và những người về bè này như là Nguyễn-Thân, Lê-Hoàn, là người không có tài, đức mà được làm đến trọng thần, kẻ làm Phụ - chính, người chức Khâm-sai.

Hồi ấy, thế lực triều đình Huế mỗi ngày một suy, năm 1883 vua Tự Đức chết. Năm 1884, Triều đình phải ký hiệp ước Thiên tân, công nhận quyền Bảo hộ của người Pháp, triều cương từ đấy đổ nát, vua bị phế lập, hoặc bị giết tróc, giam tù. Vua Dục-Đức nổi ngôi được 3 ngày thời bị phế, vua Hiệp-Hòa làm vua được 4 tháng bị chuất, vua Kiến-phúc nổi ngôi được 6 tháng bị chết, kế đến vua Hàm-Nghi lại xuất bôn, trong Triều chia bè đảng kẻ theo Pháp, người tôn vua Hàm-Nghi lại chém giết lẫn nhau. Người Pháp gây thêm vấy cánh mỗi ngày thêm mạnh, thành cái thế « cường tân áp chủ » uy hiếp Triều đình, lấy danh nghĩa Triều đình đề cho quân-đội đánh dẹp các nghĩa binh kháng chiến, mà Triều đình thời tuy đã ký hiệp ước nhận cuộc Bảo hộ xong vẫn mật kết với các nghĩa quân các nơi để chống Pháp.

Trước vận nước suy vong như trên ông Hoàng-Giáp Vũ-Nhự muốn đáp lại ơn tri ngộ của vua Tự-Đức, bèn từ quan về ở quê nhà, mật giao với các nhà ái quốc và các nghĩa quân để mưu phục quốc. Ông thường dạo chơi các nơi danh lam thắng cảnh, nhân qua núi Sài-Sơn ở làng Thụy-khuê phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-Tây Bắc-Phần đối cảnh lại cảm đến tình non nước, có làm bài thơ đề cảm hoài như sau :

TRÙNG DU SÀI-SƠN CẢM TÁC

Bất đáo Sài-nham dĩ thập niên,
Trùng lai khách tứ cách mang nhiên.
Sơn hình kim tích vô thú dị,
Nhân sự bình bi hữu biến thiên.
Cỏ mọc đời vân y thạch kính,
Hàm Phong suy vũ quá nham điên.

Nhót thời cảm cụ bi thu hưởng,
Tân dục bằng cao vấn lão thiên.

Dịch nôm (Phan-Vọng-Húc)

Mười năm lại tới Sài-sơn,
Trùng lai khiến khách trạnh hồn
nên thơ

Núi non cảnh cũ còn tro,
Mà nhân sự, trước bấy giờ, khác
nhau.

Núi, mây, cỏ thụ chen nhau,
Gió mưa hiu hắt trên đầu non cao,
Đang lâm hoài cảm biết bao,
Trời già, muốn hỏi cơ sao thế này ?

Bài thơ này thực đã tả đủ cả nhân tình, thế thái loạn ly của thời đại ông và cũng là cảnh suy vong của nước ta.

Trong khi ông Vũ-Nhự từ chức về mưu đồ phục quốc, thời Hoàng-cao-Khải uy quyền thái trọng, lừng lẫy ở Bắc-Hà, với chức Kinh-lược, tước phong đến Quận-công người Pháp xưng hô là Phó vương lập riêng dinh thự, đặt là Thái-Hà, xây cất lâu đài tráng lệ lại mua rẻ nhiều ruộng đất ở các nơi miền Đông : Hưng - Yên, Hải - Dương, Quảng-Yên v.v... hàng mấy ngàn mẫu, thu dụng nhiều tôi tớ, gia thuộc, phong cho phẩm hàm, tranh chiếm lợi của nhân dân, khinh khi sĩ phu, các quan lại đất Bắc hồi ấy đa số đều sợ hãi, và phục tùng, đa số chỉ biết Khải và Bảo hộ, không biết hồn dân tộc, nhưng quốc dân và sĩ phu thời coi Khải như kẻ thù cho nên có những người vịnh ông phổng đá nơi núi non bộ nhà ông Khải như sau :

Ông đứng làm chi đó hồi ông,
Tro tro như đá, vững như đồng.
Đêm ngày sẵn sóc cho ai đó ?
Non nước đầy vui, có biết không ?

Ông Vũ-Nhự, mất vào khoảng niên hiệu Thành - Thái, thọ ngoài 60 tuổi, táng ở quê nhà, sĩ phu Bắc hà và nhân dân đều mến tiếc. Con cháu ông cũng theo được nếp nhà, con trai ông là Vũ-Dũng có học thức thi đỗ, nhưng không chịu làm quan với Bảo hộ, và có dự vào cuộc Đông-Kinh nghĩa thực.

Từ sau thời ông Vũ-Nhự mất đi, cuộc Bảo-hộ của người Pháp được củng cố thêm vững vàng, trong Triều đình kẻ tiểu nhân bắt tài cùng những phái mà quốc dân cho là thù địch thì được làm nên bực Đại thần, các bực chí sĩ như : Phan bội-Châu, Cường-Đề v.v... đều bốn ba hải ngoại, hoặc bị chém giết, tù đầy, và một số nữa ở trong nước thì ẩn nhẫn đợi thời, hoặc có ở trong vòng cường tỏa thì cũng an phận, mượn văn chương ngấm vịnh, cho quên tháng ngày. Còn những hạng người theo Bảo-hộ và su phụ thế lực của Hoàng-cao-Khải thì tha hồ nịnh hót, chạy theo con đường danh lợi, còn tự hào là bậc ru thời, ái quốc.

Thời này có người thăm cổ đô Thăng-long, có cảm hoài thơ vịnh vườn thú như sau :

*Bảo hộ gây nên một dãy chuồng,
Mỗi chuồng nuôi một giống chim
muồng.*

*Khù khi vua cộp no nằm ngủ,
Nháo nhác dân hiều đói nhẩy
cuồng.*

*Lũ khỉ no mồi khoe lắm chuyện,
Đàn chim đặc ý hót ra tuồng.*

*Ham ăn kìa lũ beo cùng gấu,
Trong cũi còn tranh gặm chút
xương.*

Nhưng vì khí thiêng sông núi, hồn thiêng cố quốc nên sự kháng Pháp vẫn ngấm ngấm và vẫn bộc lộ phảng phất trong những áng văn chương, những văn chương ấy đã khốc than sự vong quốc, đã khích lệ lòng người, cảm hóa sĩ dân quật khởi tạo thành những cuộc khởi nghĩa tranh đấu cho dân tộc mãi mãi không ngừng.

Lịch-sơn-trang, 1959

Dương - Thuyền Dã-Phu

PHAN-VỌNG-HỨC

ĐÃ CÓ BÁN TẠI KHẮP HIỆU SÁCH :

⊗ **Khảo luận về Nguyễn Khuyến**

của DOÃN-QUỐC-SỸ và VIỆT-TỬ

⊗ **Khảo luận về Tản Đà**

của DOÃN-QUỐC-SỸ



TRUYỆN DÀI CỦA NHẬT - TIẾN

(tiếp theo)

CHƯƠNG III

HUỆ nằm liệt ở trên giường. Giấc ngủ chập chờn như ý nghĩ của nàng. Những buổi trưa, cái nóng hầm - hập hắt từ mái tôn xuống khiến người Huệ muốn rộp lên. Từ tấm mền hơi và bần đến cái quần, cái áo, tất cả đều tỏa ra cái hơi nóng bứt rứt đến khổ sở. Huệ đề sẵn chậu nước lạnh ở đầu giường. Chiếc khăn mặt nhầy nhựa rã và mồ hôi thỉnh thoảng được nhúng cho ướt sũng rồi Huệ đem đắp lên mặt. Giòng nước đen và ngầu bọt ch y vòng vèo ở trên cổ, xuống gáy gáy

cho Huệ đôi chút cảm giác mát mẽ dễ chịu. Huệ nằm, hai chân gác lên vách gỗ. Lưng nàng độn cao bằng cái gối cho xương cốt đỡ mỏi. Lồng ngực nàng đưa ra đằng trước, như thể Huệ thấy bớt được sự nặng-nề đang dồn nén ở phổi. Mắt Huệ nhắm nghiền, hơi thở ngắn và mệt nhọc. Nhưng giấc ngủ của Huệ không bao giờ trọn vẹn. Tiếng muỗi ngày vo vo ở bên tai. Những con ruồi bu đen ở trên miệng bát cháo nguội tanh, thỉnh thoảng tấp lại, bò lên môi, lên mắt gây cho nàng những cảm giác vô cùng khó chịu.

Buổi trưa tuy cực khổ như thế, nhưng đến chiều Huệ thấy thoải mái hơn. Cơn nóng dịu đi, gió mát lùa qua cửa sổ làm bay rung rinh tấm màn mỏng. Huệ gượng ngồi dậy, lưng dựa lên vách gỗ, mắt nhìn ra phía ngoài. Trên con đường đất nhỏ hẹp, tấp nập có người qua lại. Tiếng cười, tiếng nói lao xao từ bốn phía. Thỉnh thoảng lại có một cái đầu thò hẳn vào trong nhà hỏi sống Huệ một câu:

— Đỡ chưa cô Huệ?

Huệ cười héo hắt, môi se lại và miệng đắng. Nàng muốn có một người ở bên nói chuyện cho đỡ buồn nhưng chẳng một ai bước qua khỏi ngưỡng cửa. Một đôi khi có một thằng bé ngồi chầu hấu ở bên thềm, cầm ghếch lên như một con chó, mắt nó hau háu nhìn vào giường Huệ. Nàng ném cho nó mẩu bánh mì khô cứng như cục gỗ. Nó ngáp ngừng cầm lên sờ mó một tí rồi ném trả vào trong gậm. Huệ thấy ân hận với mình nên lúc đầu giường tìm ra được đồng hào ván. Nàng liệng về phía nó. Nó vồ lấy như sợ Huệ đổi ý, rồi chạy tuốt ra ngõ. Một lát sau nó trở lại với ba bốn đứa. Chúng nó hy vọng Huệ ném tiền ra cửa một lần nữa, nhưng Huệ chẳng bao giờ làm lại công việc đại dột ấy, vì thế bọn chúng nó xoay ra bàn tán với nhau về các đồ dùng của Huệ. Chúng bình phẩm về cái bộ nước tiểu để gậm giường, về bát cháo Huệ ăn giở từ hồi trưa bây giờ khô cong lại và chúng nói cả về nghề nghiệp của Huệ nữa. Điều ấy khiến Huệ trở nên khó chịu. Nàng xua cái quạt về phía chúng như xua những kẻ ăn mày. Bọn trẻ cười với nhau rồi bỏ đi. Nhưng những ý nghĩ chán nản lại đến xâm chiếm lòng Huệ. Huệ tiếc những buổi chiều, sau bữa cơm được

đi tắm bằng hai thùng nước giềng trong và mát. Rồi lúc bắt đầu lên đèn, Huệ trang điểm ở bàn gỗ, mặt thoa phấn trắng, mắt kẻ bút chì than và tô môi hồng đỏ chót. Huệ sẽ ra cửa hàng mù Bầy và ở đó đến khuya. Những buổi tối đối với Huệ thật là vui. Căn phòng thấp đèn nê-ông sáng choang, có những chai rượu lấp loáng ở bên cạnh chồng ly pha lê trong suốt. Mùi khói thuốc lá, mùi men rượu, mùi phấn và nước hoa ngào ngạt ở khắp mọi bàn. Tiếng cười đùa, tiếng nhạc xen lẫn với những tiếng chửi thề thô tục liên miên từ chập tối hầu như không dứt. Những người đàn ông hay kéo Huệ vào lòng, nhè vào miệng Huệ từng ngụm bia hơi và đắng. Huệ cười sặc sụa như quen hẳn mình là mình, quên hẳn bệnh tật và ý nghĩ đen tối thường ám ảnh lúc ban ngày. Huệ thấy hài lòng với cuộc sống như thế, hài lòng đến độ ham mê, hể thiếu thốn thì nhớ nhưng dần vật.

Bây giờ nằm ốm ở nhà, Huệ không còn được chia tiền vào những lúc nhạc tấu ở trên chiếc ra-di-ô có rèm tua đỏ. Những đồng bạc mới, mùi thơm phưng phức cầm ở tay khiến Huệ quên cả nỗi mệt nhọc. Huệ nghĩ đến món tiêu ngày mai, bữa quà sáng, bữa cơm trưa, chiều và lúc ăn quà vặt. Thật là đầy đủ sung sướng. Bệnh tật làm Huệ mất hẳn những niềm vui như thế. Huệ thấy lo sợ vẩn vơ. Nhưng Huệ vẫn tin mình còn khỏe mạnh. và vẫn có những người đàn ông tìm đến Huệ, vì bộ ngực, vì thân hình, vì sự chịu đựng dẻo dai.

Một đôi lúc, con bé ngoài hiệu chạy vào gõ cửa bảo Huệ:

— Có người tìm cô đấy.

Huệ bật dậy như một kẻ đi cầu

thấy phao bị cá lòi chìm, nhưng đầu óc Huệ choáng váng, ánh sáng chung quanh tối sầm lại, có những tia máu chạy rậm rật ở trong đầu. Huệ thất vọng nằm xuống, nàng giận dữ với mình, với tất cả sự tối tăm bao phủ lấy căn buồng nhỏ hẹp đầy muối và mùi hôi ẩm. Rồi tiếc của, Huệ nguyên rửa bệnh tật, nguyên rửa cả kẻ vô danh nào đã nhớ đến nàng :

— Cha tổ bố ! Khi người ta khoẻ thì còn cứ ổng ọ...

Khi con bé đi khỏi, Huệ chầm chần kín lên khỏi đầu một cách giận dữ. Nàng muốn ngủ thật say cho quên hết mọi sự, nhưng mắt nàng ráo hoảnh, đầu óc đầy sự dằn vặt, toàn thân đau ê ẩm và nhất là ngực tức như có vật gì nặng nề ép xuống.

Trời bên ngoài đã tối hẳn, căn buồng chật hẹp của Huệ chìm trong sự yên lặng. Cụ Chín mới đi hàng về đang rửa ráy bị bồm ở ngoài chum nước. Một lát cụ trở vào thấp cho Huệ cây đèn dầu đặt trên mặt bàn. Ánh sáng hiu hắt tỏa mờ mờ lên nếp vách. Huệ vợ lấy quyển truyện định đọc nhưng xem thấy mỗi mắt nên lại ném xuống. Nàng im lặng nằm nghe tiếng cụ dả dẫm một mình ở trong bóng tối. Có tiếng cụ mở nồi cơm lạch cách và tiếng bát, thìa, va chạm nhau. Một lát thì thấy tiếng nhai lép chếp, nhỏ nhẹ. Từ lâu, Huệ đã quen với sự im lặng của cụ. Ngay cả khi Huệ ốm nằm dài ở trên giường bệnh. Công việc của cụ hàng ngày có thêm việc khép cửa cho Huệ ngủ muộn, hạ bức chắn gỗ xuống cho nắng khỏi chiếu vào đầu giường và buổi tối thấp hộ Huệ cây đèn dầu ở trên mặt bàn. Rất họa hoảnh, Huệ nghe thấy cụ hỏi thăm mình. Chỉ có những đêm Huệ ho

rã rượi và nằm rên một mình thì cụ mới trở dậy, dò dẫm đến bên đầu giường, sờ soạn :

— Có dầu đây cô này !

Mắt Huệ mở to tìm cụ ở trong bóng tối lơ mờ. Huệ nom thấy khuôn mặt héo hon và căn cổ của cụ chập chờn ở trước mắt như một bóng ma. Nàng nắm lấy bàn tay xương xẩu của cụ. Hai người lần trao cho nhau hộp dầu con hổ, rồi cụ lại lầm lũi trở vào, sau khi khêu cho Huệ ngọn đèn đã lụi tắt. Có lần Huệ muốn tỏ sự biết ơn của mình, nên hỏi thăm vụ vợ :

— Hôm nay hàng bán được không, cụ ?

Bà cụ nhìn Huệ, cái nhìn ngụ ý như trả lời, rồi mỗi người lại theo đuổi một ý nghĩ riêng. Sự cô độc ấy của cụ khiến Huệ ví cuộc đời cụ như cuộc đời của một con chó già bị ruồng bỏ. Đó là số phận những con chó vẫn lang thang ở ngoài bãi hoang nơi mà dân xóm cổ đồ rác và các thứ hôi thối. Chúng nó sống rất dai dẳng, thiếu thốn và đầy chịu đựng. Sự chịu đựng có thể sánh ngang với bà già ở chung nhà với Huệ. Những đêm không ngủ, nghe tiếng bà đập muối liên hồi ở trong bóng tối, Huệ nghĩ sao bà cụ không chết quách đi, tâm hồn sẽ được mát mẻ biết bao. Ý nghĩ ấy làm Huệ liên tưởng đến sự sống của mình. Thật ra thì cuộc đời Huệ không sáng sủa hơn.

Bệnh tật khiến nhan sắc của Huệ phai tàn một cách thảm hại. Hai gò má nhô cao lên, cặp mắt trũng sâu xuống. Hơn nữa, điều đáng lo nhất của Huệ là bộ ngực cứ teo lại, rúm ró như một mớ da vô tri giác. Nhiều hôm,

Huệ khóc thút thít một mình, nàng coi tất cả như một cơn tai họa lớn lao đang đe dọa miếng cơm, manh áo.

* * *

Bác Tồn biết tin Huệ ốm vào lúc ngồi ăn cơm ở nhà bác Nhan. Cái Hòn nói :

— Cô Huệ thuê con hai đồng để giặt hộ cho cô ấy bộ quần áo.

Bác Nhan gái buông ngay đôi đũa của mình xuống mâm, chửi đồng một câu :

— Tiên nhân cha con bỏ mẹ, lăn vào chỗ ấy để vi trùng nó ăn luống phổi mày ra à ?

Cái Hòn tưởng sẽ được khen vì số tiền nó kiếm ra lần đầu tiên trong đời nó, không ngờ bị chửi nên mặt sưng lên. Một lát nó buông bát dĩa đứng dậy. Mâm cơm đang vui vẻ tự nhiên chìm trong sự yên lặng đến khó chịu. Mọi người chỉ nghe thấy tiếng nhai ở trong mồm nhau. Mặt bác Tồn trở nên trầm ngâm và buồn bã. Mắt bác nhắm nghiền hẳn lại, bờ môi hơi trể xuống, vùng trán thấp thoáng mấy nếp nhăn. Bác hình dung thấy Huệ nằm một mình sau lần chần trắng, cặp mắt đen và sâu, hơi thở nhẹ nhàng, yếu ớt. Bác thấy tình yêu bùng lên như men rượu ngọt. Nếu Huệ có bác thì bác sẽ thức đêm để ngồi bên Huệ, rót nước cho Huệ uống, bón cháo cho Huệ ăn và bác vuốt ve triu mến từng sợi tóc óng ả của Huệ. Những ý nghĩ ấy cứ âm ỉ trong đầu bác gây cho niềm yêu của bác càng thêm nung nấu.

Buổi tối, bác ôm đàn đi theo Ích ra ngoài phố, bác gọi chuyện :

— Cô Huệ thế mà ốm nhỉ...

Ích nói :

— Ốm từ lâu rồi ấy chứ...

Bác Tồn đáp giọng thản nhiên :

— Thế mà tao không biết đấy. Còn mày, sao biết ?

— Trưa nào gánh nước cháu chả đi qua.

— Dòm vào à ?

— Dòm chơi !

— Thấy cô ấy không ?

— Thấy chứ !

— Nằm ở đâu ?

— Ở giường chứ còn ở đâu ?

Bác Tồn cười hề hề :

— Ừ nhỉ !

Một lát thấy nó im lặng, bác lại nói :

— Mày thích ốm không ?

— Thích chứ ! ốm được nằm một chỗ, chẳng phải làm gì cả.

— Lại có cả cam ăn nữa.

— Gớm ! Bác làm như triệu phú không bằng.

— Chắc cô Huệ thì có !

— Cháu không biết !

— Mày dòm mà lại không biết !

— Thật mà ! Chỉ thấy cháo thôi !

— Cháo gì ?

— Chắc cháo thịt !

Tự nhiên bác Tồn thấy vui. Bác hài lòng về sự ăn uống của Huệ. Điều ấy khiến bác trở nên mạnh bạo hơn, bác hỏi thẳng Ích :

— Mày trông cô ấy có xanh lắm không ?

Ích nhìn vào mặt bác. Nó hơi ngạc nhiên thấy câu chuyện của bác chỉ xoay quanh có mỗi cô Huệ. Nhưng nó không nghĩ gì hơn cả. Nó đáp :

— Xanh đứt đi chứ ! Nhất là cái mặt, nom như người chết trôi.

Bác Tồn thấy đau lòng. Bác định

hỏi thêm nhưng sợ nói nhiều sự thực rõ hơn nữa, nên im lặng đi bên nó. Ngón tay bác bật mấy giây đàn. Lòng bác buồn thối thối. Nhưng càng buồn, bác càng thương Huệ, càng muốn lấy Huệ làm vợ mình. Bác mơ màng nghĩ đến một cái nhà nhỏ, mái ngói, vách tường ở đây bác sống êm đềm bên cạnh Huệ. Sau những bữa cơm, Huệ quần thuốc sâu kèn cho bác hút, hai người nói chuyện tương lai, chuyện thằng nhỏ xinh xinh mà Huệ sắp cho chào đời. Bác sẽ sờ tay lên bụng Huệ, sẽ hỏi thăm sự cựa quậy của nó, chắc hẳn Huệ sẽ nũng nịu mà trách bác:

— Nó cứ đập em...

Tiếng em của Huệ xưng với bác sao mà êm đềm và thân yêu như thế. Bác chợt muốn hôn Huệ, muốn ôm Huệ vào lòng, nhưng bên cạnh bác vẫn chỉ là thằng Ích chập choạng bước đi ở trong bóng tối. Những ý nghĩ về Huệ làm bác thấy gần gũi hơn. Bác chợt nảy ra ý định mua cho Huệ một món quà. Cái sáng kiến ấy vụt bừng lên như ánh chớp của một vì sao đời ngời. Bác thấy thật là hay ho và ý nhị mà chưa bao giờ bác nghĩ tới. Lòng bác vụt xao xuyến như chính Huệ đang gờ tay cảm động nhận quà của bác, Huệ đang nhìn bác với lòng mến yêu, và bác cũng cảm động lây ngay từ phút ấy. Bác Tổn thấy lòng vui trở lại, tay bác sờ soạn lên mái tóc tơ trụi của thằng Ích. Bác khẽ lắc cái đầu nó rồi nói:

— Ích ơi, mày có biết ở đâu bán bánh không?

Ích ngạc nhiên hỏi:

— Bác hỏi bánh làm gì?

— Tao làm cái này!

— Cái này là cái gì?

— Cho!... mua cho!...

— Cho ai?...

— Cái thằng lạ nhỉ! Cho ai chẳng được.

Ích toét ra cười:

— Thôi, cháu biết rồi. Bác cho cô Huệ chứ gì...

Mặt bác Tổn chợt nóng lên, bác bối rối tưởng chừng như mọi người ai cũng đều rõ mối tình thầm kín của bác. Cho nên bác vội nói lấp liếm:

— Ừ thì cho cô Huệ đã sao!

— Bác lại muốn bắt nhân tình hả?

— Thằng ranh! Chỉ nói vậy!

— Nếu không thì tự đừng ai lại mất tiền toi như thế. Đứng tú con chuồn chuồn rồi...

Bác Tổn cười hềnh-hệch, tiếng cười như thủ nhận sự thực với nó, rồi làm như nó là đồng minh với mình, bác co một cánh tay nó về phía sau, nói nhỏ:

— Tao mê thật đấy. Nhưng cấm mày bép xép nghe không.

— Ai rồi hơi, nói làm gì!

— Thì tao cứ dặn thế, chứ còn mày thì tao biết...

Ích hỏi:

— Thế bác mê nhau lâu chưa?

Bác Tổn đưa cái hàm của mình ra đằng trước, hai hàm răng trắng như răng ngựa nhe ra ở dưới ánh đèn dưới phố:

— Cũng lâu lâu...

— Thế mà tầm ngàm thật... thảo nào bác có vẻ khoái cô ấy dữ...

— Còn mày thì nghĩ sao? Bộ tao có ăn thua gì không?

— Đứt đuôi đi rồi!

— Sao lại đứt đuôi đi rồi!

— Ồ! Có tiền thì muốn gì cô ấy chẳng được.

— Nhưng có xứng không ấy chứ.

Ích không rõ xứng thì phải là thế nào, nhưng nó cũng đáp :

— Xứng đứt đuôi đi chứ còn phải chê gì nữa.

Lòng bác Tồn giạt dào vui sướng. Lúc này bác thật dễ dãi và thấy cần một niềm tin. Nên dù niềm tin ấy do thằng Ích mang lại cũng đủ cho bác sướng mê toi đi rồi. Bác ôm chặt cây đàn vào ngực, ngón tay của bác sờ soạng lên từng cung bậc, rồi bác vừa gảy vừa hát sẽ :

*Trên trời xanh bóng trăng
dưới bến con thuyền lội nước tung
tăng...*

Hai bác cháu đi lên chỗ có ánh đèn rực rỡ. Tiếng người ồn ào qua lại vang ở bên tai bác Tồn. Bác mở to mắt nhìn ngang ngửa. Một mảng sáng đục thấp thoáng có những bóng đen mờ hồ đi qua mặt. Cái vui của một buổi chiều trong thành phố làm tăng thêm niềm vui trong lòng bác. Tình yêu dâng lên trọn vẹn, bác Tồn cảm thấy ngây ngất như vừa bén hơi men.

Chợt Ích nắm tay bác dừng lại. Nó nói .

— Bánh đây này! Bác định mua thứ nào ?

— À... à... có những bánh gì ?

Ích đảo mắt ở trước tủ kính sáng choang đầy chai lọ :

— Ối ra! Bánh ga tô, bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cốm, bánh sâm banh, gì cũng có.

Bác Tồn phân vân :

— Gì được nhỉ... mà thì mua cái gì ?

— Cháu thì cháu khoái ga tô!

— Ga tô! Ồm ai lại ăn bánh ga tô! Thôi mà mua bánh bích qui đi.

— Độ bao nhiêu ?

— Cầm lấy hai chục.

— Hai chục cơ! Sang thế! Hai ngày hát đấy.

— Thì mặc kệ tao!

Thằng Ích cầm tiền đi vào trong hiệu. Lần đầu tiên trong đời, nó được bước vào một hiệu sang như thế. Tay nó xoè sẵn tờ giấy bạc cho người bán hàng trông thấy, miệng nó nói :

— Bán cho hai chục bánh bích qui!

Cô hàng nhìn nó chăm chú, rồi cô cầm tiền và lấy cho nó một hộp bánh. Thứ hộp sắt tây có bọc giấy bóng hắc hoi. Ích vui mừng giơ cái hộp lên ngắm nghía. Nó nghĩ hai chục bạc có khác, cái hộp còn quý hơn cả những chiếc bánh ở trong. Nó chạy ra khoe rồi rít :

— Hai chục đây này! Oai không chê được ?

Bác Tồn cảm động giơ tay đón lấy. Năm ngón xương xẩu của bác vuốt mãi lên nếp giấy phẳng và mịn. Đoạn bác đưa lên mũi ngửi. Bác cảm thấy ở đấy toát ra một mùi đặc biệt, vừa thơm, vừa mát vừa sang trọng, phú quý. Lòng bác rộn ràng nghĩ đến lúc Huệ cầm hộp bánh ở trong tay. Huệ sẽ biết rằng bác nghĩ đến Huệ, mà chỉ cần Huệ biết cho như thế là bác đã thấy tim mình đập mạnh lên rồi.

Sờ mó một hồi, bác trao cho thằng Ích rồi nói.

— Hôm nay về sớm một tí, mà chịu khó mang sang hộ tao nhé.

— Làm gì mà vội thế. Minh về thì cô ấy ngủ mất còn đâu.

— Nhưng đề ban ngày không tiện. Hàng xóm người ta biết!

— Biết thì làm sao!

— Xấu hổ bỏ bố đi!

Hai bác cháu cùng mỉm cười. Ích thu cái hộp vào trong bọc áo rồi nói :

— Cô Huệ được cái này thì sướng mê cu toi đi rồi !

— Bánh bích qui thì thiếu gì ! Còn sợ cô ý chê nữa ấy chứ. Mà nghĩ có chê không ?

Ích đáp :

— Chả chê đâu !

— Ngộ cứ chê thì sao ?

— Thì chúng mình ăn.

— Mà nói như bố chó sồm ấy.

— Thế chả ăn thì vứt đi à ?

—Ừ nhĩ ! Nhưng chả chê đâu !

Ích gắt lên :

— Rõ ấm ớ ! chê rồi lại không chê, rồi lại chê !

Bác Tốn cười hềnh hếch :

— Ừ nhĩ ! Tao cũng không rõ đấy ! Thôi, đến tối rồi biết.

Ích nói :

— Tối thì cháu nói làm sao ?

— Mà nói thế nào tùy ý kiến của mày.

— Nói toạc ra rằng bác phải lòng cô ấy nhé.

— Ấy chó, nói thì chết !

— Sao chết !

— Chết chứ ! Phải từ từ thôi cái đã mới được !

— Vậy cháu cứ đút hộp bánh vào cửa sổ nhé !

— Ấy đừng !... phải nói chứ !

— Sao bảo nói thì chết !...

— Nói như nói khéo cơ chứ. Mà bảo tao phải lòng cô ấy thì bỏ bố tao rồi.

— Bác rõ rắc rối !

— Mà ngu như chó ấy. Tâm lý phải thế chứ !

— Ừ, thì bác bảo phải nói cái gì nào !

Bác Tốn gật gù :

— Mà phải nói rằng tao quý cô ấy...

— Sao quý ?...

— Hỏi thế thì đểch ai trả lời được.

— Nhỡ cô ấy hỏi thì cháu tịt mịt à ?

— Mà không lo đâu, chả ai hỏi ngớ ngẩn như thế bao giờ.

Ích gật đầu :

— Được rồi, sao nữa ?

— Tao quý rồi tao nghe nói cô ấy mệt nặng...

— Ai nói ?...

— Cái thẳng ngang như đâm vào tai ấy. Ai nói chả được, nghe phong phanh mà...

—...

— Rồi mà bảo tao vì tình hàng xóm, mua tặng cô ấy cái này...

— Sao nữa ?

— Rồi mà phải nghe cô ấy cảm ơn, cảm iếc gì thì về kể cho tao nghe.

— Như thế thì ngon ơ ! Đâu có phải làm tâm lý tâm iếc gì !

— Thì tao bảo mà ! Mà làm xong việc tao cho một chầu ga-tô thật no.

— No là mấy cái ?

— Độ vai ba cái chứ gì !...

— Vài ba cái thì chả bỏ dính răng.

— Thế mấy ?

— Mấy mà chả hết.

— Thôi, bốn đi ! Bốn là hết bố nó tám đồng với nhà ông rồi.

Ích cười hề hề. Nước rãi nó ứa ra. Nó nghĩ đến những miếng bánh ngọt lịm phiết kem xanh đỏ

mà nó sẽ được nhai ngấu nghiến một mình.

Lát sau, hai bác cháu dừng lại ở một cửa hiệu ăn. Mùi phở thơm lừng bốc lên ngào ngạt. Thằng Ích quên ngay hương vị bánh ngọt nó vừa tưởng tượng và nó vụt thấy đói cồn cào. Mắt nó đưa vào phía trong hiệu, lơ đãng ngắm mọi người ăn uống một cách thêm thủng. Trong khi ấy, bác Tồn sửa lại dây đàn. Một ngón tay bác bật lên những nốt dạo nhạc, một tay bác khẽ dúm vào đầu thằng Ích. Như một cái máy, Ích gập oao cổ lên, giọng làm ra điệu rung rung như tài tử thật sự:

—... Đêm qua mơ dáng em đang
ôm dần gieo muôn tiếng tơ...

*Không gian trầm lắng... như du
yếm ru ai trong giấc mơ.*

Muốn nói cùng em...ơ...ơ...

Lòng bác Tồn bỗng thấy rạo rức, Một niềm vui khó tả dâng lên làm lòng bác xao xuyến. Hình ảnh Huệ, đánh môi đỏ, mặc áo hồng, phấn thơm sực nức hiện ra như một bà hoàng trong trí tưởng tượng của bác. Tay bác bật mạnh dây đàn, âm thanh rung lên ở trên bầu gỗ làm chói tai thằng Ích. Nó quay lại nhìn bác. Nó chột mím cười, vì lúc ấy, bác Tồn cũng đang mím cười vu vơ. Ích thấy hàm răng ngựa của bác trắng bóng ở dưới ánh đèn...

NHẬT TIẾN

(còn nữa)

ĐÃ PHÁT HÀNH:

GÌN VÀNG GIỮ' NGỌC

TIỂU THUYẾT CỦA : DOÃN - QUỐC - SỸ

CÁC BẠN YÊU THƠ, HÃY TÌM ĐỌC :

LANG THANG

Thi phẩm của : MINH-ĐỨC

XUẤT BẢN TẠI PARIS

CHỈ GỬI VỀ NƯỚC NHÀ MỘT SỐ RẤT ÍT
AI MUA XIN ĐẶT TRƯỚC Ở TÒA SOẠN TÂN - PHONG

Giá 60\$

MỘT MÌNH TRONG ĐÊM VẮNG

*Một mình trong đêm vắng
Với một mối sầu đầy
Đường dài lê bước chậm
Thành phố mệt vùi say*

*Đèn khuya từng dòng thức
Úa vàng lối cát bay
Tiếng giấy khua buồn bã
Vang âm tận lòng này*

*Khói thuốc cay sè mắt
Gió mận hú đầu cây
Rét sâu vào hồn vắng
Run rẩy bóng thân gầy*

*Lối đời muôn ngã rẽ
Cô độc một lối hành
Làm gì cho lịch sử ;
Hay chết dần tuổi xanh ?*

HOÀNG - ANH
Nha-Trang



TRUYỆN DÀI CỦA DOÃN-QUỐC-SỸ

XIV

(tiếp theo)

Sự buồn nản ở hiện tại và tuyệt vọng ở tương lai đã hun đúc cho Miên một trạng thái tâm lý khá kỳ dị : bình thần. Nàng bình thần đi dự kẻ khổ, bình thần dự các buổi khai hội, kiểm thảo, bình thần hay tin cụ Cử Hứa đã bị cô lập. Nhưng rồi sự bình thần cũng chỉ được đến thế ; một ngày kia Miên gặp cụ Cử Hứa chỉ còn xương bọc da, dáng người thì mệt mỏi, đôi mắt thì nhợt nhạt lo âu, Miên thấy lòng xúc động, mặc dầu trước đây, Miên không chút cảm tình với cụ. Miên hay tin thêm cụ Cử bà phải đi mò cua bắt ốc lần hồi kiếm miếng ăn hàng ngày. Rồi đến ngày kẻ khổ khi thấy chính anh con trai trưởng của cụ, chủ tịch hội nghiên cứu

chủ nghĩa Mác Xít huyện, tung nắm tay lên trước và hô cương quyết : « Đả đảo địa chủ ! » thì tình cảm phần nộ lại trào lên chen lấp cổ Miên.

Sớm hôm sau bác Hỷ tới. Bác đặt gánh hành xuống chào Miên và cất lời hỏi thăm như thường lệ rồi bác nói khẽ rất nhanh :

— Bà Quản bị cô lập rồi cô biết chưa ?

Miên hốt hoảng :

— Thế à, tôi chưa biết.

Bác Hỷ tiếp :

— Tối hôm kia cán bộ tam cùng đã triệu tập cuộc họp toàn xã đề định thành phần, bà Quản bị gán là địa chủ. Tôi nói bà chỉ mang tiền của ở Saigon về làm lợi cho

làng chứ chẳng có gì hại, tôi tự đem mình ra làm bằng chứng, nếu không được bà Quản cứu thì mẹ con tôi đã chết từ năm đói rồi.

— Thế họ trả lời ra sao? — Miên hỏi.

Bác Hỷ chép miệng :

— Họ phê bình tôi là còn tinh thần ôm chân địa chủ. Tôi không được tham dự học tập kè khở. Tôi nghiệp mắt bà Quản kém đến gần như lòa mất rồi cô ạ.

Có người trong cơ quan ra. Bác Hỷ điềm nhiên nói lớn về việc buôn bán hồng the và hồng ngăm Hạc Tri rồi gánh hàng lên chợ, tự nhiên như mọi lần trước bác đến báo tin nhà cho Miên.

Buổi chiều, chị cán bộ nói ý cho Miên hay bà Quản bị cô lập, rồi chỉ bị đem ra kiểm thảo gay gắt để uy hiếp tinh thần tôn địa chủ ngoan cố. Hứa còn còen dậu của cải. Chị biết Miên có nhiều liên-lạc từ thuở nhỏ với bà Quản, khuyên Miên nên đứng ra kè khở, trong trường hợp này lời Miên có giá trị hơn cả.

Miên thùy mị đáp lại, và trong thâm tâm nàng cảm thấy lời đáp của mình nhiễm tính chất bi hài :

— Chị bảo tôi kể gì bây giờ? Tôi chỉ biết kể riêng với chị là sau khi cha mẹ chết cả anh em tôi được bà Quản mang về nuôi, nhà cửa được bà Quản rào rậu cho, không một chút tơ hào.

Chị cán bộ biết không thể lay chuyển được lòng Miên, cười chính trị :

— Cái đó tùy chị, tôi không ép.

Chiều hôm sau, sau giờ hành chính Miên cùng các bạn trong tiểu đội vào rừng kiếm củi. Lúc vác bó củi lớn ra khỏi rừng, Miên ngồi nghỉ dưới gốc một cây đa cổ thụ bên lề con đường đất đỏ. Các tá điền vẫn kè, đêm đêm hồ thường

tới gốc đa này và cách đây năm năm đã có một người đàn bà đi chợ sớm qua đây bị hổ vồ thiệt mạng.

Miên không chú ý đến chuyện hổ vồ mà chỉ lẳng lẳng ngắm cây đa uy nghi mà hiền từ rồi suy nghĩ. Buổi tối sau giờ kiểm thảo thường lệ, đã gần nửa đêm, lúc Miên lên giường nằm thì trời đổ mưa lớn. Gió táp vào chuyển động các kèo cột, tiếng kêu răng rắc, kiu kịt. Từng làn chớp loé sáng, từng tiếng sét thoát xé trời rồi rền rĩ đuổi nhau theo từng đợt ra tận biên giới vũ trụ. Hình ảnh những dòng suối nhỏ tràn bờ, những bụi cây được rửa sạch bụi nhưng lại ngập ngấn bùn của dòng nước... Hình ảnh cây đa cổ thụ chũu ngọn nhưng bất khuất dưới sức mạnh của gió bão... Và không hiểu sao Miên liên tưởng đến cả hình ảnh dụ dàng của mấy chị bạn « quần chúng » trong cơ quan chiều chiều ra suối gánh nước về cho ban cấp dưỡng, chị thì cắt tóc ngắn đủ che kín gáy, chị thì còn để tóc dài sõa ngang vai, có chị nước da bánh mật khỏe mạnh, có chị da như trứng gà bóc nhưng chị nào cũng cùng một vẻ hiền chất phác thụ động như... con nai vàng ngơ ngác. Miên thấy miễn những hình ảnh này phải chăng nàng cũng là một thú nai vàng ngơ ngác, những gì uất hận đều bị đè nén cho úa héo đi rồi rụng toi tả trong tâm hồn như những lá mùa thu.

Tiếng sấm sét đã tạm ngớt, nhưng gió càng mạnh và mưa còn nặng hạt hơn, tiếng rào rào như hàng vạn quân đương cầm cự hăm hở nạo đất, bào cây, cuốc núi, !

Miên gỡ mình khẽ mỉm cười ôn lại lời mình đáp nữ cán bộ chiều hôm trước : *Chị bảo tôi kể gì bây giờ? Tôi chỉ biết kể riêng với chị là sau khi cha mẹ chết cả anh em*

tôi được bà Quán mang về nuôi, nhà cửa được bà Quán rào rậu cho... »

Sống vì người khác, sống cho người khác, đó là khuynh hướng không cưỡng lại được của Miên, tựa như nước lũ tự ngàn đời về trung châu. Bởi vậy càng học tập càng hờn, càng chứng kiến những buổi kẻ khổ, tình thương yêu càng sâu xa, và tâm hồn thù mị của Miên như một cây đa cổ thụ, những rễ phụ bám xuống đất đã trở thành những thân cây để biến thành một rừng đa thật sự kiên cố mà bảo tổ sấm sét cam chịu bất lực.

Chắc chắn những buổi học tập kẻ khổ bà Quán vẫn tối tối tiến hành nhưng Miên và bác Hỷ thuộc thành phần không được tới dự.

Ngày giỗ cha mẹ Miên không về Hạc Thủy làm giỗ như mọi năm. Về gặp bà Quán chỉ khiến cả bà, cả Miên thêm đau lòng. Tuy biết vậy là hợp lý mà Miên vẫn áy náy cảm thấy mình hèn, đã tránh mặt ân nhân trong cơn nguy khốn.

Miên mua hương nến hoa quả bày bàn thờ làm giỗ cha mẹ ở một góc sân khuất tại ngay cơ quan. Khi lễ nàng tưởng nhớ cha mẹ đã khuất và cả Hiền, người anh còn sống hiện ở bên Trung Quốc.

Nữ đảng viên phụ trách nàng không bỏ sót việc ấy, có tiến lại hỏi:

— Chị có chắc hương hồn các cụ về hưởng hương hoa ở đây ?

Tuy vẫn giữ được khuôn mặt thù mị, nhưng đôi mắt Miên thoáng giận giữ và giọng nói hơi sáng:

— Làm sao tôi trả lời chị câu ấy được, nhưng thiết nghĩ nếu ở một tổ chức rộng lớn, toàn dân chúng ta làm lễ kỷ niệm cách mạng tháng tám, cách mạng tháng mười thì cá nhân tôi, nhỏ hẹp hơn, có

thể làm lễ tưởng nhớ ngày cha mẹ tôi qua đời lắm chứ.

Một lần nữa, nữ đảng viên tạm lui:

— Không, không, điều đó có sao đâu. Là tôi chỉ hỏi ý kiến đồng chí.

Miên thừa biết nữ cán bộ chỉ tạm rút lui. Miên thừa biết chi bộ sẽ họp bàn nhau tìm cách khuất phục thái độ nàng. Nhưng có điều Miên không biết, Miên không thể ngờ là đúng ngày hôm đó tại Phụng-Minh Thôn thuộc Côn Minh bên Tàu cũng xảy một cuộc đấu khẩu tương tự nhưng gay go hơn nhiều giữa Hiền và một cán bộ bản cổ nông. Miên hiện chỉ thấy mình ở vào một hoàn cảnh vô cùng tuyệt vọng và cô độc. Nàng vùi đầu vào công tác... vùi đầu vào công tác... để quên thời gian và với ý định tự hủy hoại thân thể mình. Ngược lại các đảng viên thấy thái độ làm việc quá gương mẫu của nàng thì coi đó như một thái độ lập công bởi vậy vấn đề kiểm thảo để giáo dục lại Miên, họ chưa vội đặt lên.

Bỗng một hôm, Miên nhớ lắm, đứng vào một buổi trưa oi nóng, ăn xong ai nấy mồ hôi mồ kê ướt đầm trở về giường nằm mong cổ chộp mắt được một chút cho lại sức. Miên lẳng lẳng xuống bếp lấy hai cặp ống bương đi gánh nước.

Ông Lợi, trưởng ban cấp dưỡng, một người đàn ông nhà quê đã trên bốn mươi tuổi mắt kém tính tình cực kỳ chất phác, thấy vậy bèn lên tiếng ngăn:

— Thôi cô Miên ạ, hãy nghỉ trưa một tí, nước thổi nấu bữa chiều cũng đã tạm đủ.

Miên đáp giọng vui:

— Nước ăn thì đủ, nhưng nước

uống thì chưa có, ông Lợi có thấy đúng không?

— Đã đành rằng thế nhưng...

— Nhưng tôi đi gánh cho ông yên chí, nóng thế này cũng chẳng ngủ được.

Nhưng khi nàng vừa gánh ống bương ra tới ngõ thoàng thấy bóng một người đứng trước cửa thì cảm giác nóng bức bỗng nhường cho cảm giác dịu mát, thử dịu mát mệnh mông khiến Miên thấy như chính nàng được hòa biến vào trong đó, người đứng trước cửa đó là Hiền! Là Hiền! Quả thực là một giấc mơ khiến nàng sưng sờ không cả thốt được lên một tiếng kêu vui.

Hiền cười thoát buồn rầu chắc vì thấy nàng gầy và xanh lướt, nhưng rồi nụ cười tươi ngay lên, cả nụ cười buồn lẫn nụ cười tươi cùng rất người. Miên sung sướng quá, anh nàng vẫn còn ở bên này của cuộc sống tình cảm, vẫn còn là người.

Hiền nói, vẫn giọng nói ấm cúng và âu yếm của anh nàng khi xưa.

— Anh đến xin phép cho cô về nghỉ ba ngày.

Miên hỏi:

— Anh còn được nghỉ nhà ba ngày?

Hiền mỉm cười bí mật:

—Ừ, ba ngày.

Miên theo anh tiến vào, nói tiếp:

— Bà Quản bị cô lập anh biết chưa?

Hiền đáp nhanh:

— Anh chưa biết vì anh đã về làng đầu.

— Thế còn « ba lô » của anh?

— « Ba lô » của anh đã có một anh bạn ngồi ở đầu đường kia giữ hộ.

— Còn một anh bạn nữa ở anh?

Hiền không trả lời câu hỏi riu rít đó vì đã đến bàn giấy cơ quan quân y. Anh cán bộ phụ trách còn nhớ Hiền là anh Miên. Việc xin phép cho Miên nghỉ ba ngày không có gì là trở ngại, ai cũng biết Miên đã tận lực làm việc.

Khi ra ngoài sân Hiền bảo Miên:

— Cô gói hết quần áo về vì còn ở nhà ba ngày.

Miên ngoan ngoãn vâng lời. Năm phút sau nàng đã theo anh ra cổng, mắt sáng và đen láy, khuôn mặt vẫn gầy nhưng màu da tựa như có hồng hào lên nhiều.

Ra tới ngoài đường Hiền nói khẽ:

— Phải tạt về thăm bà Quản cái đã.

Miên hỏi lại:

— Ô hay, chẳng về đấy thì đi đâu ở anh?

Hiền đã tới quãng quẹo đầu đường. Một người ngồi đấy đợi. Miên không chú ý tới người đó vì còn mãi nghĩ đến câu nói vừa rồi của anh.

Từ cơ quan quân y về làng Hạc Trì đi thông thả mất một giờ đường, nhưng theo nhịp bước của Hiền như thế này thì chỉ mất nửa giờ hay hơn một chút. Miên bám sát lấy anh, người kia đi sau cùng. Suốt dọc đường Hiền có hỏi Miên vài câu về bà Quản rồi lại suy nghĩ.

Tới Hạc Thủy, rồi tới cổng nhà bà Quản, có hai người du kích đứng canh. Hiền và Miên tiến lại.

Theo nguyên tắc ai tới thăm địa chủ thì lúc vào cũng như lúc ra đều bị khám. Sự thực cũng rất ít người dám đến thăm. Anh du kích xã biết Hiền thuộc cấp chỉ huy quân đội, lại thấy có anh chàng ngồi coi « ba-lô » đằng xa, càng cho là Hiền ở cấp bậc cao lắm nên

anh vội mở cửa ngay cho Hiền và Miên vào.

Bà Quân đã gần lòa mắt. Bà gầy như chiếc que, lưng còng nữa. Bà ngồi thu hình vào một góc nhà nghe ngóng vì bà biết có bước chân người lạ tiến vào.

— Lạy bà ạ !

— Ấy chết tôi không dám, ai đấy ?

— Con đây, con là Hiền.

— Và con là Miên nữa.

Bà Quân thoáng vẻ vui nhưng bà kiềm chế được ngay. Bà cất tiếng nói khẽ :

— Hiền, Miên, các con đấy ư ?

Hai chữ « các con » thốt ra ở miệng bà khi ấy làm Miên se lòng, rõ ra là lời nói của người thêm được ban phát tình cảm và ao ước được nhận tình cảm.

Hiền nói rất ngắn và gọn :

— Chúng con biết là bà bị đem ra kiểm thảo trước đề uy hiếp tình thần cụ Cử Hứa còn chôn dấu của cải. Trong một địa phương người ta chỉ cần trừng trị nặng một người thôi !

Bà Quân biết ý Hiền muốn nói người ra đầu trường sau này để lãnh án tử hình là cụ Cử Hứa.

Hiền tiếp :

— Chúng con đến thăm bà, biểu bà lọ thuốc sốt-rét có chừng hai chục viên ký-nin vàng và một số tiền nhỏ. Hiền khẽ cúi xuống lạnh lẽo ấn những thứ đó xuống dưới chiếu, chỗ bà Quân ngồi, trong khi Miên hỏi khẽ .

— Thưa bà anh Tài không về ?

Bà Quân thở dài :

— Trông mong gì ở nó hử con ?

— Chị Năng, chị Nhơn ra sao ?—
Vấn lời Miên hỏi.

— Chúng nó cũng đứt từng khúc ruột nhưng chẳng dám làm gì...

Hiền nói :

— Thoải chuyển này chúng con đi công tác hơi xa, chúng con đến chào bà. Bà yên lòng, rồi mọi việc ổn thỏa— Ngộ tét chúng con không về kịp, bà trông nom phần mộ giúp chúng con.

Miên không sao cất lời chào bà Quân được nữa vì nàng thấy bà Quân chột gục đầu lên đầu gối, hai vai gầy rung động.

Bà Quân khóc, trong thâm tâm bà vừa đau khổ vừa sung sướng, đau khổ vì hoàn cảnh của bà, sung sướng vì bà cảm thấy rõ lòng tốt ở trên đời này không ai tiêu diệt nổi. Nó như mạch nước mát rọi không biết tự đâu chảy đến thấm qua khe đá rồi rõ từng giọt... từng giọt...

Cuộc đến thăm chỉ lâu chừng ba phút. Dáng đi hiên ngang của Hiền làm hai người du kích xã không chút nghi ngờ gì cả và Miên đã hiểu anh sắp đưa mình đi đâu. Lần này đến chỗ đề ba-lô Miên có dịp đề ý đến người kia. Đó là một chàng thanh niên chắc tuổi Hiền, khuôn mặt đậm chiều kín đáo như cổ giữ không cho thoát lộ tình cảm, đôi mắt như luôn luôn đượm chút nghi kỵ. Miên lại đi sát Hiền, để mặc anh chàng đi sau cùng.

— Cô hiểu rồi chứ ? — Hiền hỏi.

— Em hiểu — Miên đáp — Thực em không ngờ, em sung sướng quá !

Ra tới đầu làng Hạc Thủy, cùng trên đường đi, Hiền dẫn đầu rẽ sang bên phải theo đường bậc ruộng khu thung lũng đi lên dần tới mộ cha mẹ.

Không khí xung quanh vắng lặng, hoang vu. Hiền cúi xuống dùng hai tay lực lưỡng nhổ cây mua hoa tím trên mộ mẹ. Miên chạy tới thừa

ruộng màu mới cây gần đầy, lễ mễ khiêng lại tảng đất lớn đắp lên khoảng hoắm của cây mua vừa bị nhỏ bặt rễ.

Hiền nói :

— Cũng may anh em mình đã cho xây gạch quanh mộ từ mấy năm trước.

Rồi Hiền rút trong ba-lô ra thê hương và bao diêm. Rõ ra là chàng đã có ý sửa soạn từ trước.

Khói hương bốc lên mỏng mảnh và âm thầm.

Ba người tiếp tục theo đường lên núi, lát sau cả ba đã tới đỉnh, đứng khoảng trước đây Miên thường leo tới để ngắm vạn vật xuất hiện dưới tia nắng đầu tiên của vùng đông hay dưới ánh sáng hấp hối của chiều tà.

Thốt nhiên Miên quay phắt lại :

— Hãy dừng lại anh, em mệt !

Sự thực Miên không mệt. Nàng nhìn thẳng về phía núi xa, nơi trước đây có khoảng lay động màu xanh cầm thạch. Màu xanh cầm thạch không còn, nhưng vẻ dạt dào uyển chuyển vẫn như xưa.

Miên hỏi Hiền :

— Sao màu xanh cầm thạch của khu rừng lau trên núi sáng nay

lại thấp thoáng chuyển sang màu tím hoa cà hờ anh ?

Tuy còn giữ nguyên vẻ vội vã, Hiền cũng dừng lại để thở, nhìn về phía khu rừng lau và suy nghĩ về câu hỏi của Miên.

— Bây giờ đương mùa hoa lau cô ạ — anh chàng thanh niên vừa ngồi xuống vừa trả lời — Hoa lau màu tím phớt, đúng như thế kia đó.

Sự hiểu biết về hoa lau có hiệu quả thu hút được cảm tình của Miên. Mỉm cười, Miên chú ý đến anh chàng hơn, nàng nhận thấy thêm anh chàng có khuôn mặt trái soan, vùng trán đẹp, cả con người như có ánh vẻ lãng mạn của màu tím phớt hoa lau. Anh chàng trao đổi một vài ý kiến với Hiền và Miên biết thêm tên anh chàng là Kha.

— Xuống núi thôi ! — Hiền nói qua tiếng thở phào.

— Đi thôi chứ anh Kha — Miên nói.

— Vâng đi ! — Kha vừa đứng dậy vừa đáp.

Và Kha vẫn đi sau cùng.

(còn nữa).

DOÃN QUỐC SỸ

ĐÃ CÓ BÁN :

CHÍNH TÀ

TÂN . PHƯƠNG

TRÌNH ĐỘ LỚP ĐỆ THẤT

của ĐỖ - KỶ - NHẪN

Truyện ngắn
của
THU - VÂN

BA KHÍA

(tiếp theo)

Đêm nay, ông Ba đang trải qua một đêm lo sợ nhất đời ông sau ba ngày nhớ nhung, hồi hộp, thắc thỏm, lo âu. Bà ba hẹn lên hồi chiều này, mà từ lúc xế trưa bão tố đã rớt xuống trên khắp vùng núi đồi Blao.

Gió thổi như roi quất vào mặt, sấm nổ như muốn bẽ tung trời, mưa trút nước như sông ngân hà bị vỡ đê; hai cái vườn ương sập, mấy cái cây bị tróc gốc. Năm đưa rế ngoài vườn.

Mặc dầu mưa bão, hồi chiều ông cứ quần áo mưa đi xuống lộ để đón bà, theo lời hẹn với bà. Anh em trong sở can gì ông cũng không nghe. Ông ngồi núp dưới một gốc cây lớn. Cứ mỗi lần nghe gió vùn chuyễn thân cây kêu rầm rầm ông lại giựt mình thon thót, sợ cây ngã. Ông ngồi thu mình trong manh áo mưa, dưới

chiếc nón lá, nhìn giông gió chuyễn rừng mưa tuôn lụt đất mà lòng nặng những lo âu. Ngoài đường vắng bóng người qua lại. Chuyễn xe cuối cùng đã tắt từ lâu, hay chui núp ở chỗ kín gió nào. Gió lạnh tạt thốc những hột nước mưa vào mặt vào cổ ông ba, thấm lặn qua lớp áo mưa như cắt vào da thịt ông. Trời đầy đe dọa. Lòng ông cũng xao xuyến hải hùng không kém cảnh tượng ngoài trời.

Trong đầu ông loay hoay những câu hỏi: Bà ba có lên không? Bà có hay trên này mưa bão mà đình lại bữa khác không? Nếu bà lên xe rồi thì xe hiện giờ ở đâu? Saigon, Se dec hay Định Quán, Bờ Lao?

Đó là câu hỏi chánh nó như nung đốt ruột gan ông, một khi mà ông chưa tìm được câu giải đáp. Ông giương cặp mắt đã trở

màu xám tro, giữa một bầu trời cũng xám tro, hướng về phía dưới đèo, như muốn tìm về nơi nào có vợ ông. Bão đang tàn phá trên đèo cũng như trong lòng ông.

Mãi đến gần tối, chú Lung, bạn cùng sở, trùm áo mưa chạy xuống kêu ông :

— Anh Ba ơi ! Ông Cai Năm biểu tôi xuống kêu anh lên. Ông nói bão lớn như vậy ở dưới này nguy hiểm lắm ; xe Saigon cũng ngừng lại hết không có lên đâu mà anh đợi cho mất công. Ông Ba đưa tay lên vuốt nước trên gương mặt tái ngắt, hé cặp môi xám ngoét, thở ra nói :

— Tôi cũng biết, giông gió lớn như vậy thì xe nào mà dám chạy, nhưng mà nó hện lên, ngồi trên nhà sao tôi nóng ruột quá, lội bây xuống đây cho nó khuây.

Hồi chiều giờ sao con mắt tôi cứ máy hoai. Tôi lo quá, không biết có chuyện gì xảy ra cho vợ tôi không ?

Ông nắm tay bạn lo lắng hỏi tiếp :

— Chú Lung à, chú nói thiệt cho tôi nghe : Chú liệu vợ tôi nó có hề gì hay không, chú ?

—Ồ, chỉ không có sao đâu. Anh đừng có sợ rồi. Thôi ta lên.

Chú Lung cầm tay ông bạn già dắt đi lần lên phía sở. Trên con đường dốc lầy lội, dưới cơn mưa bão, hai người cố bám sát vào nhau cho khỏi trượt. Chú Lung nói :

— Bão đầu mùa mà lớn quá ! tôi đi xuống cứ lo gió cuốn bay luôn tới tôi. Bữa nay chắc là chỉ không có lên đâu. Mà dầu có lên, thì xe cũng ngừng núp đầu miệt Định Quán. Đợi sáng mai, bão dịu bớt,

anh xuống đón may ra có chỉ. Bây giờ lên nấu cơm ăn.

Anh em trông sở thấy ông Ba đã trở lên, chạy ra cửa nói :

— Bó thấy chưa ? Người ta đã nói mưa bão xe không chạy mà anh ra đón... ma, hay đón... bão ở ngoài thì có, chờ đón chỉ thì... chưa có.

Ông nhìn họ, lặng yên không thêm cãi lại. Ông đưa tay áo lên gạt lớp nước mưa trên mặt, trong ấy có pha lẫn vài giọt nước mắt. Hai hàm răng ông đánh bò cạp. Khí lạnh của núi rừng phụ họa vào với gió, với nước mưa để lung lạc tâm thần già của ông. Ông vào nhà thay quần áo rồi nhúm bếp lên ngồi hơ ; sẵn lửa, ông vo bắc lên lưng lon gạo.

Khi bưng chén cơm đưa lên miệng và, ông cảm thấy cơm cào cổ ông như mặt cưa nóng và khô cá mận đắng như củi mục. Ông trợn trạo nuốt cho xong chén cơm rồi buông đũa đứng dậy ra uống một ly nước trà tươi. Bình thường, ông ăn sáu chén mới no, bữa bà mới đi ông cũng còn ăn được ba, bữa sau hai, và bữa chót ông cố lắm mà một chén nuốt cũng không trôi. Bao tử ông cứ như đầy ứ những lo âu phiền não.

Hồi chiều hôm qua, ông Cai Năm có kêu ông nói : Tôi cho phép ông nghỉ trọn ngày mai để đi đón bà đó. Kẻo ra lộ ông cứ nhảy nhả nhả nhảm hoai có cuộc xói gì được đâu mà hồng ra cho mất công. Tội quá ! Cho bà về ông mần không được vậy mà còn cho đi làm chi không biết nữa. Thôi, cho nghỉ bữa nay để đi đón vợ.

Ông Ba nói lí nhí mấy lời cảm tạ. Ông thầm cảm ơn ông Cai Năm hết sức. Hiền thấu hết lòng ruột ông, thiệt là tri kỷ của ông.

Rồi ông Ba đi đón vợ suốt cả buổi sáng trong lành và suốt cả

buổi chiều mưa bão. Bây giờ thì ông hoàn toàn thất vọng.

Một mình ngồi bó gối đối ngọn đèn chong, nhìn ra cửa sổ bỏ ngõ, ông lắng tai nghe tiếng gió rít hu hu trên mái tôn, tiếng mưa đổ sầm sập trước hiên nhà mà gan ruột ông thấy nát người như tương.

Ngoài trời tối đen như mực. Thỉnh thoảng sét xé màn đêm, những vết nẻ lửa khạc ra những tiếng gầm thét chuyển trời. Rồi mưa lại trút xuống không biết cơ man nào là nước. Tiếng gió rú từng hồi trên rừng kể cận nghe âm-u ai, oán như tiếng hú của những oan hồn uổng tử bị đẩy ải giữa trời mưa bão. Những thân cây đang oằn oại dưới trận giông mưa giống như đám người tử tội bị căng nọc giữa trời, đang oằn oại dưới muôn ngàn ngọn roi vút, cổ gãy giữa mà không sao chạy thoát đi được. Mỗi lần sét loé lên một vết sáng dài, ông ba lại có dịp được chứng kiến cái cảnh tượng hãi hùng ấy nó càng làm tăng thêm mối lo sợ trong lòng ông. Có tiếng chim cú rú lên mấy hơi sau nhà rồi tắt nghẹn đi. Ông Ba cảm thấy lạnh lạnh ở xương sống. Ông bồi hồi nhớ lại những đêm mưa bão đã qua, hai vợ chồng già nằm cạnh nhau trong mùng nói chuyện bằng quơ, mặc cho gió thét mưa gào ngoài ngõ. Ấm áp biết chừng nào ! Có bà một bên, ông có sợ gì mưa bão ở đâu !

Bây giờ, bão đến nữa mà bà lại đi xa, ông ngồi nhớ bà, lo thắc thóm, nghe bão thét mà bắt lạnh mình.

Ông dơ tay dấm mạnh trên vạt giường nghe cái sạt, tự trách mình :

— Lếu ! Minh thiệt lếu quá ! Phải mình đừng có cho nó đi có phải là yên không ? Hoặc mình đi với nó

thì đâu đến nỗi chết đứng chết ngồi như mấy bữa nay.

Mắt ông nhìn đèn rung rung, gan ruột ông như ai vò ai xé. Ngồi không yên, nằm cũng không yên, ông vọt chỗi dậy vô kế lức chai rượu thuốc đau bụng của bà ba. Đưa lên thấy còn độ một ly ông đưa lên miệng ực một hơi hết ráo. Hơi rượu nóng rơi tòm vào trong cái bao tử trống không của ông càng làm cho nó cồn cào thêm lên. Ông bình sanh không biết uống rượu trà gì, đêm nay buồn lo quá túng rội làm bậy như vậy coi có đỡ khổ được phần nào chăng ?

Ông giương mắt nhìn trùng trùng vào đêm tối. Trông mắt ông thắm rượu bắt đầu nhuộm một màu đỏ đục. Nghe gió thét ngoài trời, ông cứ giật mình thon thót, tưởng chừng như nghe tiếng thét của vợ ông, trong một chiếc xe đồ đang lao mình xuống hố. Có lúc nghe mưa rơi hồi hã, ông lại tưởng tiếng chân người đang chạy thình thịch vào sở đề báo cho ông nghe tin chẳng lành kia. Cặp mắt ông rung rợn nhìn ra cái khoảng tối om om ngay trước cửa, như người bị thôi miên bởi cái bóng tối dày đặc đầy đe dọa.

Ông ngồi chập chờn như thế cho đến quá nửa đêm, rượu ngấm nhiều, ông ngoẻo đầu gục xuống ván mà ngủ thiếp đi.

Gà rừng vừa gáy hiệp năm, ông giật mình chỗi dậy, ngơ ngác nhìn ra sân. Trời đã hừng đông. Bão hơi dịu bớt, mưa vẫn còn rỉ rả rơi. Giấc ngủ vừa dang ra thì lo sợ lại kéo về với ông. Đầu ông nặng, môi khô, cổ khát, tay chơn bời rời bả rả. Ông lấy gáo vục nước súc miệng và luôn tiện uống một gáo nước lạnh cho tỉnh. Tình trạng này mà kéo dài thêm ít ngày nữa thì

ông đến nghệt thở mất! Đi, nội nhật ngày nay thế nào ông cũng phải đi tìm cho ra bà, chết sống lẽ nào, cho nó ngã ngũ ra, chớ cứ để thối thối mãi như thế này thì ông chịu đời không thấu nữa.

Ông vội với tay lên mặc lấy cái áo bành tô trông vô mình, với cái nón cối úp lên đầu, chụp cái áo mưa, rồi mở cửa, tắt tả đi ra phía cổng. Đi được năm sáu bước, ông ngoái đầu dòm lại thấy mình quên khóa cửa, ông liền quay trở lại bóp ống khóa rồi hấp tấp quay đi. Thằng Ất, con anh Lại, thấy bữa nay ông đi sớm, cất tiếng kêu ông:

— Bác ba ơi, xe Saigon đâu lên chừng này mà bác đi đón hử bác ba? Bác cứ ở nhà nấu cơm ăn đi, rồi ra nó cũng còn chưa lên tới nữa a. Tui dám cá với bác như vậy đó.

— Ê, mầy là đồ con nít biết gì mà nói leo nà. Bữa nay tao đi Saigon đây.

Thằng Ất ngẫm nghĩ một phút rồi chạy te lại mét với ông Cai Năm:

— Thưa ông Cai, con thấy bác ba mới dầm mưa đi xuống dưới đường nói đón xe đi Saigon để kiếm bác gái.

Ông Cai Năm đang ngồi uống trà lắc đầu ái ngại nói:

— Tội nghiệp, vợ chồng thuở giờ không có xa nhau. Mới xa nhau lần đầu ông đã nhớ quỳnh lên rồi. Vợ chồng già mà còn tình hết cỡ chớ!

Ông nhìn theo bóng dáng ông ba đang đi lom khom dưới mưa nói tiếp:

— Sao không ai can giùm ông chút vậy bây? Trời mưa trời gió mà đi đâu vậy không biết nữa. Nghĩ không xin phép đây hồi nữa

ông Su ông xuống, ông rầy om lên bây giờ. Sao mầy không can ông hả Ất?

— Thưa ông Cai, hồi nãy con có can, ông mới nạt con đây.

Ra tới đầu ngõ, ông Ba ngồi núp dưới một gốc keo. Xác lá rừng cả xanh lẫn vàng nằm đầy dẫy ở những chỗ đất trũng. Những rãnh nước hai bên vệ đường chảy một thứ nước đỏ đục ngầu, trên nổi lênh bênh những xác lá và cành cây mục đang cuộn cuộn chảy ra khe. Gió thổi vu vu giạt bồm những thân cây đứng sơ-sơ bên vệ đường. So với chiều qua, bão đã dịu đi được vài phần, nhưng cảnh tượng đã trở nên tiêu sơ hơn nhiều.

Ông Ba ngồi nhìn giọt mưa đan nghiêng trên cánh gió, lòng nóng nẩy bồn chồn. Ông muốn biết coi là bà hiện giờ ở tại đâu, còn sống hay chết; mà nghĩ vì không có cách gì khác để biết cho mau hơn là cách đích thân ông đi tìm bà, cho nên ông quyết định đi kiếm bà cho kỳ gặp mới thôi. Cái ý định đi tìm có lẽ đã nảy sinh ra trong giấc ngủ, đến sáng ông vừa mở mắt ra nó vụt hiện đến với ông, ông vội chụp lấy nó đem thi hành liền.

Ước gì ông mọc cánh để bay ngay tới chỗ nào có bà, kéo cái lưới gươm khoắc khoải cứ dí ngay vào cổ họng ông làm ông khổ gấp mười lần nó dằm ông.

Thằng Ất co ro chạy xuống kêu:

— Bác ba, bác ba. Ông Cai Năm biểu tui xuống kêu bác lên; ông nói bác đừng có đi Saigon.

— Không, tao phải đi Saigon mới được.

Giọng ông ba nghe đã hơi khác, Thằng Ất ngược mắt lên nhìn ông, và ngay phút ấy nó cảm thấy một

cách rõ rệt rằng không có sức mạnh nào có thể giữ ông Ba ở lại được.

— Lên đi cháu. Nói với ông Cai Năm kệ thầy bác, để bác đi.

Chờ mãi không thấy xe Saigon ông đành quá giang một chiếc xe đi chợ Bờ-lao.

Xe bữa nay rất dúi khách; chỉ lưa thưa có vài anh đồng bào Thượng và mấy chị bạn hàng rau cải Đà-lạt. Anh sắp phơ chép miệng than :

— Trời mưa bão, có ai thèm đi khỏi nhà ở đâu! Xe đã ế mà lại còn sợ lật nữa. Hồi đêm hôm này nghe nói có xe lật đầu ở dưới dốc Ba-Gũi.

Máu trong người ông Ba hình như ngưng chạy. Tim ông muốn nhảy vọt ra ngoài. Mối ông tái lét ruu run hồi :

— Xe nào? Xe đồ hay xe hàng?

— Xe đồ. Sanh Thái Saigon lên mà. Hồi sáng này trong quán cà-phê ngoài Di-Linh nghe họ nói như vậy. Lọt xuống hố sâu mấy chục thước lặn nghe nói chết nhiều lắm. Xe mới chạy lên tới đó thì bị con trượt hết quãng xuống hố. Chỗ đó năm nào cũng có xe lật. Người ta nói có « cô hồn » mà. Chắc phải cất miếu thì mới êm.

Anh tài thật không ngờ mỗi lời nói của anh là một lát hóa nện lên trên ngực ông Ba.

Xe chạy lướt ngang một nhánh cây gãy nằm chắn ngang mặt đường, cành lá tả tơi dưới lớp những chiếc xe hàng qua lại. Cỗ lòng ông Ba cũng tan tác như cái nhánh gãy kia.

Mặt ông tái đi, miệng thều thào :

— Thôi chết tôi rồi! Vợ tôi... vợ tôi... nó lên hôm qua. Chắc... chuyển đó!

Anh tài bây giờ mới chột để ý tới vẻ hoảng hốt của ông hành khách ngồi cạnh anh. Anh điềm tĩnh hỏi :

— Vợ ông lên chiều hôm qua à? Ồi mà có chắc gì bà đi chuyển xe đó đâu. Mỗi ngày mấy chục chuyến xe lặn mà. Ông đừng có quỳnh. Đợi xuống chợ Bờ-Lao hỏi thăm rồi mới biết. Ở Di Linh mấy thầy cảnh sát nói hồi khuya có tê-lê-phôn ở Bờ Lao kêu báo tin như vậy, chứ có ai biết gì rõ đâu. Hồi đầu mà lo. Số mạng tại trời mà!

Một bầu không khí lo-âu bao trùm lấy chiếc xe đang chạy lướt trong mưa bão. Một chị bạn hàng kêu lên : Trời giông tố to lắm. Chạy cẩn thận bác tài. Kẻo đến phiên chúng mình xuống hố đấy nhé.

Bác tài day lại nhìn chị bạn hàng người di-cư, cười nói :

— Chị đừng lo, tay lái tôi cứng lắm!

Ông Ba ngồi lặng thinh. Hai mắt ông mở lớn đầy ngập những kinh sợ, trừng trừng nhìn ra bầu trời mưa rơi trắng xóa mà không trông thấy gì hết. Mũi gươm khoắc khoải đang ấn vào cổ họng ông. Bình nhựt ông là người hay nói, trong cơn lo âu, ông bỗng trở nên im lặng.

Xe chạy tới chợ, ông mới cạy anh Tài hỏi thăm giùm ông tin tức về chiếc xe lật. Anh tài ngừng xe lại sát lề, thâu tiền của hành khách. Chừng đến phiên ông Ba, anh dơ tay chỉ :

— Kia, có xe ông Cảnh Sát với xe Hồng-Thập Tự đương sửa soạn chạy xuống kia kia. Đầu ông lại đó hỏi thăm rồi xin quá giang xuống Ba Gũi thử coi.

Mấy anh sắp phơ lơ xe khác đang tùm nập tùm ba dưới hàng hiên bàn tán về tai nạn xe hơi hồi

hôm. Ông nghe họ bảo nhau : Cái dốc đó có « cô hồn » năm nào cũng có một chiếc lật. Đây rồi tại mình phải chung tiền cất một cái miếu tại đó thì làm ăn mới yên cho.

Ông Ba cóm róm bước lại gần bên xe Cảnh Sát, lột nón cầm nơi tay, xá ông có một xá thật sâu, gãi tai nói ấp úng :

— Thưa ông Cò, xin ông làm phước cho tôi quá giang xuống tới chỗ xe lật. Vợ con tôi chắc có đi trong chuyến xe đó. Dạ, nếu xe lật, tôi ngồi đỡ dưới chơn cũng được.

Ông Cò nhìn ông từ đầu tới chơn, ngẫm nghĩ một giây rồi ôn tồn nói :

— Thôi được, ông lên ngồi phía sau kia. Xuống đó ông phụ tiếp một tay để cứu người bị thương nhé.

Lên xe, ông ngồi thu mình trong xó kẹt, chiếc nón cối úp trên gối, ôm khư khư cái nỗi bất hạnh mà ông tin chắc rằng trời giáng xuống đời ông. Ông không dám hỏi một câu gì, nhưng nghe các ông cảnh sát nói chuyện với nhau, ông đoán hiểu rằng tai nạn đã xảy ra hồi tối hôm qua, nhưng vì mưa bão lớn quá cho nên mãi đến gần sáng này người ta mới hay biết.

Chỗ ấy cách đồn Ba Gù độ hai cây, ở nơi đường dốc cheo leo.

Một lát, ông Cảnh Sát Trưởng sức nhớ day lại hỏi ông :

— Ông lão, ông nói vợ con ông đi trong chiếc xe Sanh Thái lật đó phải không ? Vậy mà sáng nay, ông đã có ghé đẳng bệnh viện hay chưa. Hồi sáng sớm đã có một xe chở người bị nạn về trước, ông có lại nhìn thử trong số người bị thương rồi chưa ?

Ông ba giựt mình giốn giác :

— Thưa ông Cò, nói vậy bệnh chở về Bờ lao hết rồi sao ?

— Không, mới chớ về được có một phần, những người cứu được trước. Còn lại một số người còn mắc kẹt ở trong xe, chưa đem ra kịp. Bây giờ mình xuống đây tiếp sức với ban tiếp cứu ở dưới ấy để đem hết ra,

Ông Cò chép miệng than : tội nghiệp, chết nhiều lắm ! Dầm mưa bão ở dưới hố cả đêm mà chịu sao cho thấu. Phải hay liền cứu cấp được kịp thời, có lẽ không chết nhiều quá như vậy. Nhưng tai nạn xảy ra giữa rừng, mà suốt đêm qua không có một chiếc xe nào dám chạy thì biết làm sao. Tội nạn hơn hồi sáng nghe nói đã có bốn năm người chết rồi.

Hai bàn tay ông ba để trên cái nón cối bắt đầu run. Ông nghe tim lói trong lồng ngực. Thà rằng bà chết sống lẽ nào cho nó ngã ngũ ra, chớ thối thóm như thế này ông như người bị treo cổ tồn ten mà vòng giây chưa chịu siết chặt. Cái khoắc khoải lừng chừng còn dày vò gấp muôn ngàn lần mọi sự đại bất hạnh.

Ông cất tiếng hỏi, giọng lạc đi, gần như meo :

— Thưa ông Cò, trong số người đem về đó, không biết có vợ tôi hay không ? Vợ tôi... người thấp nhỏ, hay bận bộ đồ bà ba đen. Con tôi... con trai, mười hai tuổi. Trời ơi, nếu phen này mà trời Phật nổi giận hại vợ con tôi thì chắc là tôi cũng phải chết theo.

Giọng ông tắt nghẹn. Ông đưa tay áo lên quẹt nước mắt. Ông Cò thương hại an ủi :

— Chưa có gì quả quyết là vợ con ông có đi trong chuyến xe đó. Ông nên bình tĩnh lại. Nhiều khi người ta, hẹn lên mà rồi người ta trễ lại một hai bữa không biết

chừng. Sáng ngày tôi gấp đi, không kịp qua nhà thương nên tôi không biết có người nào hình dạng giống như ông vừa tả đó không? Ban sáng sao ông không ghé thăm bệnh viện mà hỏi thăm trước?

— Thưa ông Cò. Tôi ở trên sở trà mới xuống tới, nào có hay biết gì đâu. Phần tôi sốt nát, nghe người ta chỉ biểu sao, tôi làm theo vậy. Chờ tôi nào có hay bệnh nhân đã được trở về nhà thương rồi.

Ông thấy xốn xang, cứ day trở luôn, ngồi không yên chỗ. Đến nơi xe lật, thấy có một tốp lính Bảo-An họp với vài người Thượng đang tổ chức cuộc tiếp cứu.

Không đợi ai nhắc, ông ba tuột lệ xuống xe, lăn mò lội xuống hố. Chiếc xe lật nằm đưa bốn bánh lên trời, dưới đáy hố. Nửa mui xe ngập lút trong đám lá. Giữa một giòng suối mới phát sanh do trận mưa bão chiều qua. Ban tiếp cứu đang dầm mưa, hi-hục mang từ xe ra ra những tử thi ngấm nước.

Ông ba leo, trèo, tuột, bò, lệ như con vượn, hai tay và hai chân xây sát máu mà ông cũng không biết đau. Quần áo ông ướt đầm nước mưa, hai mắt ông mở thao láo, nhìn chằm chằm vào bốn chiếc bánh xe đang giơ lên trời một cách nảo nùng. Vợ ông, con ông, có lẽ đang bị đè bẹp dưới đó.

Xuống tới đáy hố, ông chạy áp lại nhìn mấy cái tử thi người ta vừa đem ra khỏi xe, để nằm sắp hàng trên bờ suối. Không có vợ ông. Ông bò lại bên xe, thò đầu vô cửa, giương mắt đảo đạc tìm. Có một vài tiếng rên rỉ trong xe. Ông giục nầy mình, buột miệng kêu:

— Má thằng Cui ơi!

Thấy bộ tịch kỳ dị của ông, mấy người lính bảo an kêu ông hỏi:

— Ê, ông già kiếm cái gì đó? Có

muốn tiếp cứu thì lại đây phụ giúp với người ta một tay nè.

Ông mếu máo kể lại cho họ nghe là ông đi tìm vợ ông, và ông rất sẵn sàng tiếp tay cho họ nếu họ có thể cho ông biết vợ con ông hiện bây giờ ở đâu.

Ông xếp đồn Bảo An, quần xắn áo cụt, đang chỉ huy đoàn tiếp cứu, phát bắn, gắt:

— Đừng nói lời thôi. Lại đây phụ đây chiếc xe này sang bên kia để đem mấy người bị kẹt ra cho mau!

Giọng ông xếp như một cái lệnh không cho phép cãi. Ông Ba riu riu văng lời. Người ta gỡ ra từng người bị nạn. Có người chỉ còn là cái tử thi bị đè bẹp dí. Máu me, dầu đã được mưa gội, vẫn còn nhuộm hồng trên thành xe, trên mặt cỏ, trên khe đá và bốc lên một mùi tanh tươi. Đổ đặc trên mui xe văng vắt tứ tung. Lăn trong đám đồ rơi vãi ấy ông ba thấy hình như có cả những cánh tay người vắt vèo.

Ông vừa làm vừa lăm lét nhìn ông xếp. Mấy lần ông làm gan hỏi có ai thấy vợ con ông ở đâu không mấy lần ông xếp nạt ông:

— Đây không phải chỗ hỏi. Đây là chỗ cứu người bị thương, ông hiểu chưa? Có vợ con ông hay không thì cứ đem hết ra rồi sẽ biết.

Ông nín khe mà chết điếng trong bụng. Chợt nghe ông xếp kêu ông:

— Ê ông già, lại đây biểu. Đâu ông cũng lần người bị thương này lên cho người ta tiếp cứu cho họ coi. Đây, người các chú nầy đây, bị gãy chân mà còn sống chờ chưa chết đâu. Ông đi theo mấy người Thượng nầy đây, họ đi trước dẫn đường cho ông.

Khi chú Ba cũng người các chú lớp ngóp mò lên tới mặt lộ thì chợt gặp ông Cảnh Sát Trưởng.

— Kia ông già, ông kiểm được vợ ông rồi đó chẳng? Ừ mà không phải, người này khách-trú mà.

Ông Ba vội vàng đề người bị thương xuống, chấp tay xá dài ông Cảnh Sát Trưởng, nhún nhó :

— Thừa vợ tôi nó không có ở dưới. Chắc là người ta đã đem nó về Bờ-lao rồi. Xin ông Cò làm phước cho tôi quá giang về chợ Bờ-lao đừng thấy mặt vợ con tôi lần chót, tôi rất đội ơn. Ông Ba vừa nói vừa sụt sịt khóc.

Ông Cảnh Sát Trưởng hỏi người cấp cứu cho kẻ bị thương, xong rồi day lại bảo ông Ba :

— Ông đừng có khóc. Biết có bà đi chuyến xe này không mà ông lo khóc chóe. Việc gì cũng phải bình tĩnh. Đâu để tôi hỏi thăm giùm ông coi.

Ông xây lại, bắc loa tay kêu một người có chơn trong ban tiếp cứu, đã từng có mặt tại đây lúc đem những người bị nạn đầu tiên ra khỏi xe. Đó là một chú lính Thượng nói tiếng Việt cũng khá rành.

Ông Cảnh Sát hỏi :

— Này chú Nhiều, trong cái lớp người bị thương chở về Bờ-lao hồi ban sáng, chú thấy có một người đàn bà nào sồn sồn, mặc đồ đen, dáng người nhỏ thó hay không ?

— Một người đàn bà nhỏ nhỏ, thấp thấp, ông Ba vừa nói lời ông Cò đưa tay ra nì, cao độ chừng này, với một đứa con trai chừng 12 tuổi.

Ông Ba nói xong miệng há hốc, hai bàn tay hơi mở ra, như sẵn sàng để đón chụp lấy câu trả lời của người lính Thượng nó sẽ quyết định sự còn mất của vợ con ông. Bản án tử hình của Quan Tòa cũng chỉ nặng chừng ấy thôi.

Anh Nhiều nhe hàm răng trắng nhớn ra cười. Anh không bao giờ ngờ rằng câu nói của anh lại quan trọng đến thế. Anh đưa tay lên vỗ vỗ trán, ra vẻ suy nghĩ để nhớ lại :

— Có, có, à phải có mà ! Một người đàn bà thấp thấp ! Anh ta vừa nói vừa sè tay ra nì như ông ba hồi nãy. Hồi sớm mai chở về sáu người mà chết hết ba. Có một bà già ăn trầu cái miệng đỏ hoét, cũng chết ngéoe ! Còn con nít hả ? Con nít cũng có nữa mà !

Ông Ba trợn ngược trông mắt hét lên thất thanh :

— Một người đàn bà ăn trầu đỏ hoét ! Thôi chết tôi rồi !

Cả trời đất như tối sầm lại, đè bẹp ông Ba xuống đó. Thấy ông té xỉu, ông Cảnh Sát thương tình sai người đỡ ông vào chỗ khuất mưa.

Vài chiếc xe chạy ngang ngừng lại hỏi thăm. Thấy ông nằm thiêm thiếp, họ cứ tưởng ông là người bị nạn xe lật.

Giây phút sau ông chợt tỉnh, chơi-với mở mắt ra mặt xanh như tàu lá, lầy bầy bỏ lại phía ông Cảnh sát Trưởng, thều thào nói :

— Lạy ông Cò... xin ông cho tôi về Bờ Lao... chôn vợ tôi.

— Tôi về chưa được, ông Cảnh sát đáp. Còn phải đợi ở dưới kia lén đủ hết rồi tôi mới về. Ông có gấp ra quá giang xe khác mà về trước đi.

Ông ba tom góp nón áo thất thểu bước ra đứng giữa lộ. Hai chân ông mềm nhũn ra. Ông cố gượng lắm mới khỏi té. Cổ ông tắc nghẹn. Cặp mắt ông đã dại hẩn đi, mà nước mắt cũng ráo queo không chảy ra được nữa.

Ông nói lào thào một mình. « Một bà già ăn trầu... chết nghèo : người lính Thượng nói vậy. Linh

tính báo cho ông biết bà già ấy chính là vợ ông. Trời ơi ! Sáng hôm kia, khi đưa bà ra xe, ông có ngờ đâu đó là ngày vợ chồng ông vĩnh biệt nhau ! Ông có dè đâu vợ chồng ông đã nhìn nhau lần chót ! Thảo nào mấy bữa nay hai con mắt ông cứ mấy hoài. Rõ ràng là đã có tánh linh báo trước. Ông nhớ tới cái đêm mưa bão hải hùng ông vừa trải qua, những tiếng chim cú ghê rợn hồi khuya đêm trước toàn là những điềm chẳng lành nó thông báo trước cái chết của vợ con ông. Ông càng nghĩ lại càng đau. Ờ, nếu vợ con mình nó vẫn bình yên thì có can gì mà ruột gan mình lại như ai cấu thế này ? Máu có chảy thì ruột mới mềm chớ ! Bây giờ, chỉ còn lại có một mình ông trơ trọi trên cõi đời trống trải này, ông mới sống làm sao đây ? Mấy lần ông định đâm đầu xuống hố. Mấy lần ông dừng lại vì bản năng sinh tồn. Ông thầm nhủ : Dầu sao ông cũng muốn nhìn mặt vợ con ông lần chót rồi sẽ chết.

Đang nghĩ tới đó, chợt nghe có tiếng xe hơi ù ù từ phía Saigon chạy lên. Cũng một chiếc xe Sanh Thái mũi vàng, vừa chạy tới đây, thấy có tai nạn liền dừng lại. Anh lơ lơ làng nhẩy xuống đất, dứt khúc cây vô bánh sau để xe khỏi bị tuột. Ông Ba cố lê bước lại bên anh để xin quá giang.

Chợt nghe có tiếng con nít kêu : Tía ! Tía ! ông day đầu dòm lại : Trời đất bỗng hừng sáng lên trong một vùng hào quang : Ô kia ! Bà ba và thằng Cui đang ngồi trên xe, đưa tay ra ngoắt ông. Tim ông như muốn nhảy vọt ra ngoài lồng

ngực. Ông tưởng chừng sắp xỉu lần nữa. Bà đang nhe miệng cười ra cười, và hỏi ông câu gì đó mà ông không nghe hiểu gì hết. Người ông như mọc cánh. Ông phóng thẳng tới bên xe, trán ông đập vào thành xe nghe cái cụp, cái nón, cái áo rơi lại phía đằng sau.

Ông nói liú quíu không thành câu : Má Cui ! Má Cui ! Trời ơi ! Mày... sống... sống... đó hả ? Eo ôi, tao tưởng mày chết trong cái xe lật kia rồi, tao khóc hết nước mắt ! Nói xong ông khóc ồ lên.

Bà Ba lệ làng dất con leo xuống xe, rồi hai vợ chồng già ôm lấy nhau mà khóc hu-hu. Thiên hạ xúm lại nhìn vợ chồng ông. Ông bèn lên buồng vợ ra hỏi :

— Sao mẹ nó biết hôm qua có bão mà tránh không lên ?

Bà Ba nhoẻn miệng cười qua hơi nước mũi đáp :

— Ờ, ai biết cái gì ở đâu mà tránh ? Hồi hôm qua mắc lỗi đi kiếm mua cho tía nó một chục con ba khía, thành ra bị trễ xe Sadec. Lên tới Thấy-gòn tối mò tối mịt, phần mưa lớn, phải ngủ tại bến xe, chờ sáng nay đi sớm. Nghe họ nói hồi bữa qua trên này bão nó rớt lớn lắm phải hôn ?

Trên đời, ông ba không thích ăn món gì hơn ba khía, nhưng trong suốt đời ông, có lẽ chỉ có lần ăn ba khía đó là ngon nhất.

(trích tập « LÁ ĐỎ »)

Saigon 28-9-59

THU-VÂN

một giấc mơ



*Mười năm sức tình giấc mơ đời
Ngọn gió thu về, mưa lại rơi
Đã biết nhân sinh là ảo-mộng
Cánh bướm phiêu bạt vẫn chơi vơi...*

*Đêm hơi ! Về đâu, trường bất tận
Cho lòng ta lạnh buốt HƯ VÔ
Heo may xào xạc, mưa hiu quạnh
Nửa kiếp thương đời lưng túi thơ*

*Sự nghiệp gì đây ? Gởi thế gian
Năm canh thao thức bóng hoa đèn
Thoắt mười năm đó, Ôi ! tâm sự
Trở gót giang-hồ lệ úa hoen...*

(1949-1959)

ĐAN-THANH

NGHỆ-SĨ VỚI NGHỆ-THUẬT

CỔ NGHỆ-SĨ NGUYỄN-ĐÌNH-NHỊ

VỚI ĐIỀU HÁT

CHÈO CẢI-LƯƠNG

của **VÔ-HUY-CHẤN**

(tiếp theo)

Không những ông chia tiền với ban hát, mà ông còn cấp đỡ cho anh em bạn hát rất nhiều. Ngay các ông bầu gánh, mà nhiều khi không có ông, cũng đến phải thất điên bát đảo. Thật thế, gặp những khi mưa dầm, gió bắc, liên miên, ban hát không đi hát được, phải tạm trú lại trong những căn đình xiêu, quán đồ, bên đường, mà trong túi ông bầu, bất hạnh lại không còn một đồng, một chữ, thì thật chí nguy... Chính trong những trường hợp này, người ta thấy gánh nọ tan, gánh kia rã, rồi cứ tưởng là tại một số nghệ sĩ bất lương, lập tâm phá hoại, chứ có biết đâu là

đói bụng thì phải bỏ đi, người nghệ sĩ giang-hồ, đâu còn thì giờ mà cân nhắc câu « xướng ca vô loại ». Riêng gánh hát nào có ông Nghị cùng đi, thì không bao giờ gặp cảnh nửa đường rã gánh : từ ông bầu, cho đến người gánh rương, ai cũng đều tin tưởng như thế. Vì... vì trong những bước đường cùng, ông Nghị đánh bạc lại hay được... âu đó cũng là một sự lạ lùng. Mà dù không được bạc nữa, thì ông Nghị cũng khôn khéo vay mượn, cấp đỡ cho anh em được bữa rau, bữa cháo qua ngày. Ông Nghị giao thiệp rất rộng, đi đến đâu, ông cũng có người quen

biết : bạn bè của ông phần nhiều cũng như ông, đều là những nhà nho bất đắc chí. Họ quý ông, và quý cả gánh hát mà họ tưởng là của ông, nên hết sức giúp. Nhiều khi chẳng có đình đám gì cả, mà họ cũng rủ nhau góp tiền tổ chức hát... hàng tháng trời. Chính vì ông Nghị có tài tháo vát, quen biết nhiều mà lại có lòng hào hiệp như thế, nên ông được các anh em bạn hát kính nể như bậc huynh trưởng. Và cứ đến mùa đình đám, gánh hát nào cũng cố năn nỉ khấn khoản mời cho bằng được ông đi. Gánh mời được ông đi, sẽ là gánh tập hợp được nhiều danh ca nhất. Và lẽ cố nhiên là mùa hát năm ấy, các nghệ sĩ sẽ phát tài... Chỉ riêng có ông, là đi thế nào, về thế vậy, có khác là khi về tóc bạc thêm, và má dãn thêm, vì kiếp giang hồ đầy ọa.

Hay nói cho đúng, thì ông Nghị không được tiền, nhưng ông được nghề : nghề hát chèo. Ông đã chính thức thành nghệ sĩ sân khấu, vào khoảng đầu năm 1923, cũng múa, cũng hát, cũng bơi mặt ra trò, và cũng lấy vợ là đào hát. Hồi này ông đã có hai người con, một gái, một trai. Và người con trai ấy chính là kịch-sĩ Minh-Hải, người được giải thưởng kịch-ngệ năm 1959, với vở kịch « Chiếc Tàu Thuốc Lá » mới được trình diễn gần đây : âu đó cũng là một chuyện « hồ phụ bất sanh khuynh tử » vậy.

Lên sân khấu, ông Nghị thích sắm những vai lão say khí khái, và sắm rất

xuất sắc : giọng hát rõ ràng, điệu bộ hiên ngang đỉnh đạc. Bình nhật ông nói chuyện rất có duyên, biện luận danh thép, tiếng nói hùng hồn : đã kích thế tình thì kín đáo mà thâm độc, châm biếm thế sự thì hài hước mà phũ phàng. Cho nên khi lên sân khấu, trong những vai lão say rất hợp khéo biết lựa lời mà mĩa mai thế tục, khéo mượn hơi men mà chế riếu chuyện đời, ông Nghị đã dễ dàng mua chuộc được cảm tình của khán giả. Con người bình sinh của ông, với con người trên sân khấu của ông, tuy hai mà là một, vì trong cả hai hoàn cảnh, ông vẫn là ông, không có thực tiễn mà cũng không có giả tạo ; trong cuộc đời hay trên sân khấu, ông vẫn là một con người khinh thế ngạo vật, coi rẻ lợi danh và bất bình với xã hội ô trọc. Chính vì thế, mà ông nổi tiếng trong vai lão say, nhiều khi ông cao hứng nói bừa cả ngoài vở, mà vẫn được khán giả hoan nghênh, có khi át cả vai chính. Tiếng tăm lừng lẫy, ông được trọng như một viên ngọc quý trong giới nghệ sĩ hát chèo, mặc dầu ông chỉ là một « kếp nói », chứ không phải là một « kếp hát ».

Năm ấy (1923), sau mùa đình đám, ông Trùm Thịnh đương hát ở Hải-Phòng, thân về Hưng-Yên, bàn với ông, định lập một gánh hát, đi chu du thiên hạ. Ông ngần ngại không muốn đi, thắc có hai còn nhỏ dại, đề từ chối. Thật ra thì ở Hưng-Yên hồi này cò bạc đương dễ đánh, mà ông thì đương gặp vận khá, nên chẳng muốn đi đâu.

Mãi đến năm sau là năm 1924,

viên công sứ E. về trị nhiệm Hưng-Yên, hạ lệnh cho thuộc hạ lùng bắt cò bạc rất dữ... ông mấy lần bị bắt hụt, chán nản, mới nhất định ra Hải-Phòng, tìm ông Trùm Thịnh, bàn lại câu chuyện lập gánh hát đi chu du ở Hải-Phòng 5 tháng trời, ông giúp ban hát được rất nhiều việc, và cho mãi đến hồi này ông mới chịu trở thành diễn viên chuyên nghiệp thực thụ. Và cũng chính trong thời gian này, ông đã ra công sắp đặt lại các tích hát chèo, cho hợp với thể thức trình diễn trên sân khấu mới, là sân khấu hát bộ. Có thể nói rằng Hát Chèo sống lại, và được một thời kỳ thịnh vượng, đó là nhờ ông.

Nguyên các tích hát chèo của cổ nhân xưa đặt ra là đề trình diễn trên một sân khấu giản dị ở thôn quê, không có màn, không có cảnh. Một diễn viên ra hát một câu hát giáo đầu, kê sơ lược tích hát, rồi các diễn viên bắt đầu trình diễn: vai nọ vào, thì vai kia ra, liên tiếp một mạch suốt từ đầu chí cuối. Tích nào dài nhất cũng chỉ được một giờ. Rồi thì vở hát bị tam sao thất bản, các diễn viên quanh năm đi hát có một mùa, phần thì quên, phần thì thiếu tình thần tự trọng, đến lúc lên sân khấu, giữa một đám khán giả lộn xộn, chen nhau, cãi nhau ầm ỹ, họ cứ hát bừa, mạnh ai người ấy hát, vở được câu nào hát câu ấy, quên thì thôi, cho nên câu nọ mới xọ ra câu kia, tích này mới lộn sang tích khác, anh học trò thì hổng học mới mếu máo hát:

Quân tử vu dịch, bất tri kỳ kỳ,

*Đau lòng thay kẻ ở người đi,
Cuộc bình hòa trên người chỉ
lắm tá,*

Tưởng đến lúc phụ mẫu sinh ngã.

Nhật dạ linh ngã tang,

Giá nữ hữu sở qui.

Kê cầu diệc đắc tương,

Chinh phu nhớ đến ngãi chương,

*Thà đem bỏ lộ bàng cho xong
quách.*

Thiếu thiếu lộ viễn quan sơn cách,

*Người phòng khue với khách sa
trường...*

(Điệu Quân-tử vu dịch — Chèo
cổ — dịp phú)

Người lính đương than thân:

Ba năm (mắc còn) đương trấn thủ

(tình dẫu mà tình ơi)... ý ơi ý...

trấn thủ lưu... đồn... ý ý ý ới ý

Xong trấn thủ ới lưu đồn,

*Ngày thời canh điểm, sớm tối đồn
việc quan,*

Anh chém à cây tre (mắc còn)...

anh ngã gổ (tình dẫu mà tình ơi)

ý ơi ý... ngã gổ trên... ngàn...

ý ý ý ới ý

bỗng tự nhiên lại hát chệch ra:

Mi có khôn ngoan (mắc còn) mi

cũng thề (tình dẫu mà tình ơi)...

ý ơi ý... mi cũng thề đàn... bà...

ý ý ý ới ý...

Mi cũng thề chứ đàn bà,

Choa đây, choa có vụng, choa đây

có đại, chứ cũng là đàn ông

Choa muốn cho (mắc còn) đây có

vợ (tình dẫu mà tình ơi)... ý ơi

ý... đấy có... chồng... ý ý ý ới ý...

(Điệu Trấn thủ lưu đồn — Chèo
Cổ — dịp đuôi)

Thật là bừa bãi, liều lĩnh, và đúng là « bát nháo chi lơu khươn ».

Ấy thế mà nay, người hát lại cứ cung cách cũ, đưa lên sân khấu để tranh đua hào hứng với hát bộ, không phân cảnh lớp gì cả, vẫn cứ bừa và liều lĩnh, thì làm thế nào cho khách tỉnh thành quen xem hát bộ, không thấy tức bực, rồi chán ghét hát chèo ? Quả nhiên chỉ còn có một số người đứng tuổi đã quen với lối hát chèo

vùng quê từ thuở nhỏ, cố nán lại để nghe các câu hát, còn thanh niên thì bỏ về hết : càng ngày số người xem hát chèo càng ít đi. Thành ra người định đổi món để lôi kéo khách xem, vô tình đã làm cho khách chán, kẻ muốn nâng cao hát chèo lên một địa vị xứng đáng, thì vô ý lại chôn đứng hát chèo...

(Còn tiếp)

TAM TỈNH



**HẢI-CẦU
BỒ THÂN HOÀN**

VỠ-VĂN-VĂN

Báu thế gian

MỘNG, HUỐT, DI..

TỈNH CHUYÊN TRI HẾT

**BẦY LÂU KIẾN HIẾU
VĂN RÀNG RÀNG**



CHI NGÃNH

Đ. LÊ THANH TÔN SAIGON

NỤ CƯỜI NGOẠI QUỐC

Một ông có tuổi, trai lơ, tán tỉnh một thiếu nữ ở trên tàu :

— Có đoán tôi độ bao nhiêu tuổi :

Thiếu nữ đáp :

— Nom mắt anh khoảng 17, mũi khoảng 15, miệng khoảng 19.

Người đàn ông thích chỉ hỏi gặng :

— Thế dịch thị thì bao nhiêu nào ?

— Ồ, 17 cộng với 15, cộng với 19, là 51 tuổi chứ gì !

..*

Nhà sinh vật học tên tuổi Forel muốn làm thí nghiệm về con ếch của Franklin cho sinh viên Sorbone. Forel gói con ếch bỏ vào túi đem đến trường. Khi vừa nói lý thuyết, Forel vừa tháo tay vào túi lấy gói ếch ra. Nhưng ông ngạc nhiên vô cùng khi thấy đây chỉ là một gói Sandwich.

— Ủa ! Sao thế này ? Thế lúc này tôi ăn cái gì... với cà-phê ?

(Tuyên lựa)

Gửi độc giả xa gần

Tân Phong đã nhận được những tác phẩm sau đây của các bạn xa gần gửi về, theo thường lệ đã chuyển sang ban đọc, nếu quá 8 tuần các bạn không thấy đăng hoặc không có thư riêng gởi bạn thì coi như bài không đăng :

Linh Hồn, Biệt ly (thơ B.T.) Em chết giữa lòng anh, Trao cho Em (V.T.A.) Sầu rụng (D.L.T.) Nhớ về quê cũ (K.X.L.L.) Ươm mộng, Ánh đèn sếp, Lẻ loi (T.B.) Có tiếng hát (Y.S.) Nhớ (X.N.) Chung quanh chữ nước (K.V.) Đại lộ, Hoang vắng (L.N.Q.) Còn chi vui thú, kiếp nghèo (Q.C.) Tôi, Trên đời (K.T.K.) Vũ, điệu, Sầu rụng, Nhớ, Tâm sự kỳ nữ, Em (B.Đ.) Yêu nhau đến thuở bạc đầu (X.D.) Áo em màu khói lam chiều, Vương vấn, Thuyền nhớ bến, Trương Tư (T.L.T.) Những dòng thơ hôm nay (H.T.L.) Hương vị (D.H.) Buồn (N.D.) Canh trường (N.Đ.) Khai ý (D.T.N.) ngày mai Tạ Từ (P.D.) Gió lạnh cỏ mờ (T.H.T.) Sang ngang, Hoa niên, Chấn đời (M.L.U.) Đừng vội nản lòng, Hy vọng ở ngày mai (K.X.L.L.) Bài thơ vĩnh biệt (H.T.) Lối hẹn (C.P.) Bao biên, nhớ bạn, Biệt ly (Q.T.) Em vẫn ngày xưa, Còn giữ làm chi (N.P.) Vô vọng, Buồn xưa (H.D.K.) Tân Phong, Xuân Tân Phong, Hội ngộ (L.T.Đ.V.D.) Kỷ niệm (H.Q.) Sao đêm (T.Đ.) Thương yêu Riêng tư, Theo giòng, Trông đêm (H.G.) Bất đèn em (P.H.D.) Mơ, Đừng khóc nữa (Q.C.) Ánh nắng (N.B.L.) Khóc mộ người yêu (L.H.H.L.T.) Bệnh viện, Bài thơ viết trong quán rượu (P.D.N.) Già bạn (H.D.), Vắng mong chờ (T.Q.V.) Chín bỏ làm mười (P.H.D.) Nhà tôi, Tình sầu riêng, Tắm chồng con, Phố vắng đêm mưa (H.L.) Già bạn (H.D.) Nhạc lòng, Bất diệt, Vịnh chim rột rột (H.N.N.T.T.) Mi ơi, (T.B.) Ta vẫn gọi : ơi hà, Cô đơn sáng lạn (P.X.) Đất Việt, Tình ca, Dưới ánh trăng, Cảm thông, Vô tình, Đời thế kỷ, mẹ ơi (C.L.) Một lời, Mái tóc, (H.N.) hối hận (N.Q.) Hoàng hậu của thi nhân, dạ sầu đất khách (H.T.P.) Hoài mơ (T.T.D.M.C.)

CHÚ Ý : Xin các bạn đề rõ quý danh và địa chỉ dưới thư từ và tác phẩm gởi về toà soạn, cảm ơn

TÂN - PHONG

Thượng tuần tháng tư phát hành :

ĐẶC SAN GIÁO DỤC – VĂN NGHỆ

CHỈ TRAI

DO TRÁNG ĐOÀN BẠCH ĐẰNG HƯỚNG ĐẠO VIỆT NAM ẤN HÀNH

Trình bày trang nhã — Bài vở độc — Nội dung phong phú

Giá 12\$